

Đặc san

Văn hóa Thể thao

SỐ 10 (THÁNG 8/2023)

NGHỆ AN

TRONG SỐ NÀY

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

TRANG YẾN	Tết Độc lập trong tiến trình lịch sử và văn hóa4
KIM LƯU	Xô viết Nghệ Tĩnh: Từ khát vọng độc lập, tự do đến xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc8

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

NGỌC KIM	Lưu tộc Nghệ Tĩnh trong giữ gìn truyền thống, danh thơm dòng họ và phát huy bản sắc văn hóa quê hương11
ĐINH VĂN THÂN	Một gia đình khoa bảng15
HỒNG NHUNG	Đồng chí Lê Mao - Cán bộ tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Nghệ An trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.....19

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

PHẠM DUY KHUÊ	Thể loại sân khấu Kịch hát Dân ca Nghệ Tĩnh đương đại.....24
ĐINH TRÍ DŨNG	Sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh: Chặng đường 50 năm gây dựng và phát triển29
TRẦN THẮNG LONG	“O Lịu” của dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh33
LƯƠNG VĂN	NSUT Hồng Dương dành trọn đam mê với nghệ thuật truyền thống37
ĐẶNG CÔNG THÀNH	Nhìn lại 78 năm hành trình thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 194540
BÙI TÙNG ẢNH	Cách mạng Tháng Tám (1945) và cuộc hồi sinh của một thể hệ nhà văn.....44
THIÊN TRANG	Văn hóa làng nghề trong văn hóa xứ Nghệ47
MINH NGUYỆT	Đặc trưng của hoa văn trên hiện vật vải của dân tộc Thái tại Bảo tàng Nghệ An50

Chịu trách nhiệm nội dung:

ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:

QUÁCH THỊ CƯỜNG
CHU THỊ XUYẾN
HỒ MẠNH HÀ

Trình bày:

QUANG MINH

Địa chỉ:

Số 74, Đ. Nguyễn Thị Minh Khai,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0902121415
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

TRANG TUỆ	Văn hóa phải là mục tiêu và động lực của phát triển.....	52
-----------	--	----

CỬA SỔ VĂN HÓA

PHAN THANH HẢI	Kinh nghiệm quốc tế về hồi hương cổ vật	54
----------------	---	----

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

PHAN THỊ HỒNG	Tự học - hành trình dệt nên những ước mơ của học sinh trường Phổ thông DTNT THPT số 2 Nghệ An.....	57
---------------	--	----

XỨ NGHỆ NGÀY NAY

NGUYỄN HƯƠNG	Bản sắc văn hóa Cửa Lò qua các di tích lịch sử...60
HỮU VINH	Anh Sơn, một vùng danh thắng và tiềm năng phát triển.....63

- **Bìa 1: Tượng đài Công Nông Binh Trường Thi - Bến Thủy (1930 - 1931).**
Ảnh: HỒ PHONG
- **Bìa 2: Ảnh: HỒ HÀ - VĂN QUYẾT - LƯƠNG VÂN**
- **Bìa 3: Ảnh: MẠNH HÙNG - XUÂN THUỶ**
- **Bìa 4: Ảnh: MẠNH HÙNG - HỒ ĐÌNH CHIẾN**

Cần sáng tạo và có tầm nhìn xa hơn nữa trong bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm!

Từ những năm 1960, ngành Văn hóa Nghệ Tĩnh đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là phải bảo tồn dân ca. Với chủ trương đó, các cán bộ nghiên cứu, nghệ sĩ đã tìm đến tận từng cơ sở, ăn ở cùng Nhân dân để sưu tầm các làn điệu. Giờ đây, Ví, Giặm không những không mất đi mà còn phát triển một cách phong phú, đa dạng. Ngoài việc giữ các làn điệu gốc, chúng ta đã sáng tạo thêm nhiều làn điệu, với những đề tài hiện đại. Những ca khúc mang âm hưởng dân ca Ví, Giặm ngày một phong phú, đi vào lòng người không chỉ trên mảnh đất Nghệ Tĩnh mà còn khắp mọi miền Tổ quốc. Từ dân ca mà trọng tâm là Ví, Giặm, chúng ta xây dựng được một kịch chủng mới là Kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh. Đặc biệt, kể từ sau khi Dân ca Ví, Giặm được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, sức lan tỏa của loại hình nghệ thuật này càng trở nên mạnh mẽ. Cùng với đó, tỉnh Nghệ An cũng đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm. Ngày càng có nhiều hoạt động đặc sắc, quy tụ sự tham dự của đông đảo Nhân dân.

Nỗ lực là đáng ghi nhận và những thành tựu đều có thể thấy rõ. Nếu như trước đây chúng ta chủ yếu thực hiện đáp ứng kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ hàng năm thì đến nay đã có **Đề án bảo vệ và phát huy dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh đến năm 2030**. Đề án không chỉ nhìn nhận rõ thực trạng mà đưa ra những kế hoạch, giải pháp cụ thể để bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm trong thời gian tới. Khi xác định được hướng đi đúng, lâu dài thì lẽ dĩ nhiên sẽ có những cách làm hay, hiệu quả. Thực tế cho thấy số lượng và chất lượng các Câu lạc bộ dân ca trên địa bàn ngày càng tăng, sự tham gia của lớp trẻ vào các câu lạc bộ này ngày càng nhiều; công tác truyền dạy dân ca được tiến hành bằng nhiều cách thức khác nhau; các hoạt động nghiên cứu, kiểm kê được đẩy mạnh. Đặc biệt, việc quảng bá, lan tỏa dân ca Ví, Giặm ngày càng được chú trọng với nhiều hình thức sáng tạo, hấp dẫn. Thời gian qua, những sự kiện như lễ hội đường phố, festival Dân ca Ví, Giặm; không gian diễn xướng Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được tổ chức hàng tuần tại Quảng trường Hồ Chí Minh và Khu Di tích Kim Liên trong vài năm nay ... cho thấy có sự chuyển biến, đổi mới rõ nét trong tư duy, cách làm. Chúng ta đã không còn làm theo lối mòn, thiên về hình thức như trước; đã bỏ đi tư duy bảo tồn một cách xơ cứng, khắt khe để hướng đến cái mới và từng bước đưa di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh thực sự sống với nhịp sống đương đại. Điều này đã mang lại những hiệu ứng tích cực, giúp Ví, Giặm lan tỏa không chỉ trong xứ Nghệ mà còn trên toàn quốc và hướng đến với bạn bè quốc tế. Ngành Văn hóa đã vượt lên trên những hạn chế, khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí để không ngừng trăn trở, tìm ra những hướng đi mới phù hợp với cuộc sống hiện đại và tạo được hiệu ứng sâu, rộng hơn. Để có được tất cả những điều trên không thể không nhắc đến chủ trương, chính sách đúng đắn của tỉnh Nghệ An, sự quan tâm, trăn trở của lãnh đạo tỉnh đối với việc bảo tồn di sản, trong đó có Ví, Giặm.

Có thể khẳng định những kết quả đạt được trong thời gian qua là minh chứng rõ nét cho hiệu quả từ thay đổi tư duy bảo tồn, phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm. Tuy nhiên, để có những bước chuyển thực sự rõ rệt trong tương lai, chúng ta cần dám nghĩ dám làm, sáng tạo và có tầm nhìn xa hơn nữa trong bảo tồn, phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm. Đặc biệt, trước khi nghĩ đến phát huy giá trị và lan tỏa nó theo những cách mới, chúng ta cùng cần dành thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng về loại hình này để thực sự hiểu về dân ca Ví, Giặm. Chỉ khi hiểu một cách thấu đáo chúng ta mới có thể tìm hướng đi phù hợp và kiên định với lựa chọn của mình. Chắc chắn, với sự thấu hiểu cặn kẽ, với tình yêu và tâm huyết dành cho Ví Giặm, chúng ta sẽ sớm tìm ra hướng đi hiệu quả nhất để Ví, Giặm Nghệ Tĩnh thực sự sống và tiếp tục lan tỏa muôn phương!

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN



Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh
trình trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. (Nguồn: TTXVN)

TẾT ĐỘC LẬP trong tiến trình lịch sử và văn hóa

TRANG YẾN

TẾT ĐỘC LẬP - MỘT CÁCH GỌI RẤT VIỆT NAM, KHÔNG CHỈ NÓI VỀ MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ LÀ NGÀY QUỐC KHÁNH 2/9, MÀ CÒN LÀ MỘT BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA VỪA ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC, VỪA MANG TẦM THỜI ĐẠI CỦA CHÚNG TA. TẾT ĐỘC LẬP LUÔN GẮN VỚI CẢ MỘT TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ LÂU DÀI VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM. VÀ Càng ngày, GIÁ TRỊ CỦA TẾT ĐỘC LẬP CÒN ĐƯỢC MỞ RỘNG, ĂN SÂU VÀ TÍCH HỢP VÀO NỀN VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC.

Độc lập dân tộc là mục đích và kết quả của một tiến trình lịch sử dài lâu

Cách mạng Tháng Tám 1945 và Quốc khánh 2/9/1945 là những sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc Việt Nam, bởi nó là cột mốc đánh dấu sự thắng lợi trong quá trình giành độc lập dân tộc của Việt Nam và khai sinh ra một nhà nước độc lập mới của người dân Việt Nam. Đó là cơ sở đảm bảo cho quyền dân tộc tự quyết, quyền toàn vẹn lãnh thổ và quyền chủ động phát triển của đất nước.

Trong lịch sử ngàn năm của dân tộc Việt Nam, đấu tranh giành độc lập dân tộc luôn gắn với những sự kiện lịch sử trọng đại như vậy. Từ những cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, Bà Triệu đầu thiên niên kỷ thứ nhất, khởi nghĩa Lý Bí thế kỷ thứ VI, khởi nghĩa Mai Thúc Loan thế kỷ thứ VIII... Và Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng năm 938 tạo nên nền độc lập tự chủ sau ngàn năm bị đô hộ. Sau đó là sự hình thành triều đại nhà nước phong kiến Việt Nam gắn với những cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc và giữ nền độc lập dân tộc với những tên tuổi lẫy lừng lịch sử như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung và thế kỷ XX là Hồ Chí Minh và nhiều nhân vật khác... Hàng ngàn năm qua, tiến trình độc lập dân tộc của Việt Nam diễn tiến không ngừng nghỉ. Kẻ thù có khi thay đổi, lực lượng lãnh đạo cũng vậy. Nhưng chung quy lại vẫn là sự thể hiện của tinh thần yêu nước, yêu tự do và sự dũng cảm, không ngại hi sinh của người dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh để dân tộc độc lập và thống nhất lãnh thổ. Xuyên suốt quá trình ngàn năm đó, chúng ta đấu tranh để giành và giữ 3 điều quan trọng. Đó là quyền toàn vẹn lãnh thổ; quyền dân tộc tự quyết; và quyền chủ động phát triển. Đây cũng là những giá trị cao nhất, quan trọng nhất mà độc lập dân tộc đưa lại cho người dân Việt Nam.

Trước hết, toàn vẹn lãnh thổ là mục đích tối cao mà Nhân dân ta lựa chọn và gìn giữ. Đã nhiều lần các thế lực ngoại xâm lấn nội phản xâm chiếm, muốn phân chia đất nước thành các khu vực khác nhau nhằm biến đất nước ta thành các vùng nhỏ, các khu vực khác nhau để cai trị, để nô dịch. Nhưng Nhân dân Việt Nam không chấp nhận điều đó. Hết thế hệ này đến thế hệ khác, không ngừng đấu tranh đòi sự toàn vẹn lãnh thổ. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng ta tiếp tục kháng chiến chống Pháp, rồi kháng chiến chống Mỹ, và sau đó là chiến tranh bảo vệ biên giới, hải đảo.... Đó là những cuộc chiến gần nhất thể hiện quyết tâm tranh đấu cho toàn vẹn lãnh thổ của người dân Việt Nam. Và hiện nay, lãnh thổ của chúng ta vẫn bị nhiều thế lực dòm ngó. Nhưng cả hôm nay và mai sau, ý chí bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của người dân Việt Nam không bao giờ ngừng lại. Toàn

vẹn lãnh thổ có giá trị cực kỳ quan trọng đối với một dân tộc, một quốc gia. Và chỉ có sự toàn vẹn mới đảm bảo được việc xây dựng và thực hiện được các chiến lược, chính sách phát triển đất nước. Cũng chỉ có sự toàn vẹn mới đủ cơ sở nền tảng để đáp ứng nhu cầu thống nhất về văn hóa, về dòng chảy lịch sử, về tiếp nối truyền thống của cha ông.

Thứ hai là quyền dân tộc tự quyết, là quyền quyết định cao nhất về thể chế chính trị, về thiết lập nhà nước, về đường lối phát triển, về đối nội đối ngoại, về quản lý tài nguyên,... Ngàn năm đô hộ của phương Bắc cướp đi quyền tự quyết của dân tộc ta, khiến cho toàn thể nhân dân bị ngoại tộc nô dịch cả vật chất lẫn tinh thần. Rồi gần thế kỷ bị Thực dân, Phát xít, rồi Đế quốc xâm lược, khiến chúng ta bị mất đi quyền tự quyết. Và chúng ta đã vùng lên tranh đấu để đòi lại quyền tự quyết của dân tộc. Cách mạng Tháng Tám 1945 và Quốc khánh ngày 02/9/1945 có giá trị quan trọng trong việc khẳng định quyền tự quyết. Bởi lúc đó, chúng ta bắt đầu xây dựng nhà nước của người dân Việt Nam. Tuyên bố cho thế giới biết đây là mảnh đất có chủ, có bộ máy quản lý do người dân bản địa lập nên và phụng sự cho dân tộc này. Đó là cơ sở để chúng ta tiếp tục tranh đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ quyền tự quyết dân tộc và sau nữa là bảo vệ quyền chủ động phát triển. Quyền tự quyết dân tộc là quyền thiêng liêng, là sự thể hiện chủ quyền của con người, của đất nước, của bộ máy chính trị trên phạm vi lãnh thổ này.

Thứ ba là quyền chủ động phát triển. Quyền chủ động phát triển vô cùng quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế rộng lớn từ giữa thế kỷ XX đến nay, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI. Trên thế giới chưa bao giờ ngừng tiếng súng, chưa bao giờ hết chiến tranh. Nhưng bối cảnh hiện nay, bên cạnh chiến tranh quân sự thì chiến tranh kinh tế trở thành nỗi lo của nhiều quốc gia. Hội nhập quốc tế, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là xu hướng tất yếu. Nó vừa giúp các quốc gia có điều kiện để phát triển kinh tế xã hội, cải thiện đời sống người dân, nhưng cũng đặt các quốc gia đối diện với nguy cơ lệ thuộc vào các nền kinh tế lớn. Sự lệ thuộc làm cho các quốc gia, dân tộc mất đi quyền chủ

động phát triển và từ đó hạn chế gần như mọi mặt trong quá trình phát triển cũng như quan hệ quốc tế. Vậy nên quyền chủ động phát triển là rất quan trọng.

Tết Độc lập là biểu tượng văn hóa mang tầm thời đại của con người Việt Nam

Sự kiện Quốc khánh ngày 02/9/1945 giờ đây đã trở thành một biểu tượng trong văn hóa Việt Nam với cái tên gọi rất dân dã: Tết Độc lập. Người Việt Nam gọi Tết khi đó là một sự kiện quan trọng với đời sống trong chu kỳ 1 năm. Và Tết Độc lập hiện nay là biểu tượng văn hóa mang tầm thời đại của người Việt. Đó là biểu tượng về lòng yêu nước, biểu tượng về con người tự do.

Trước hết, đó là biểu tượng lòng yêu nước của con người Việt Nam. Gần như thế kỷ nào đất nước này cũng có những sự kiện lịch sử lớn lao liên quan đến công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Và những sự kiện đó cũng là sự thể hiện tinh thần yêu nước của con người nơi đây. Dù là ngàn năm Bắc thuộc hay trăm năm đô hộ thì người Việt luôn chiến đấu bất khuất để giành lại đất nước. Và thế kỷ XX cũng vậy, có nhiều sự kiện lịch sử, mà Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh ngày 2/9 là đỉnh cao, là điển hình. Và Tuyên ngôn độc lập thể hiện đầy đủ khát vọng, tinh thần yêu nước của con người Việt Nam. Đây cũng là sự tiếp nối chủ nghĩa yêu nước hàng ngàn năm qua. Ngày nay, Nhân dân vẫn gọi với cái tên rất dân gian: Tết Độc lập, và nó là một biểu tượng văn hóa của lòng yêu nước. Nó nhắc nhở các thế hệ sau biết trân quý hòa bình, phải giữ gìn độc lập và tiếp nối chủ nghĩa yêu nước của cha ông để lại. Có thể nói Tết Độc lập là biểu tượng văn hóa của chủ nghĩa yêu nước mà con người Việt Nam đã xây dựng ngàn năm qua và là đỉnh cao tiêu biểu cho lòng yêu nước của người Việt thế kỷ XX.

Tết Độc lập cũng là một biểu tượng văn hóa mang tầm thời đại, là biểu tượng của con người tự do, con người yêu chuộng hòa bình. Bản Tuyên ngôn Độc lập và Quốc khánh ngày 2/9/1945 không chỉ khai sinh ra một quốc gia độc lập của Nhân dân Việt Nam, mà còn là một mốc son chói lọi trong quá trình giải phóng con người. Trong lịch sử Việt Nam trước 1945,

vấn đề quyền con người ít được quan tâm. Con người Việt Nam thời phong kiến vẫn là con người Thần dân, bị nô dịch từ trong ý thức hệ, từ quan điểm tư tưởng vốn chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo từ Trung quốc. Đó là con người thần phục, con người chúc năng, chỉ biết làm việc và hoàn thành cái gọi là nhiệm vụ, là chức trách, là nghĩa vụ và sứ mệnh. Thế nên Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945, trở nên trọng đại hơn bởi bên cạnh việc tuyên bố về sự ra đời của một quốc gia độc lập, còn có sự tuyên bố về giá trị của con người Việt Nam, về việc giải phóng quyền con người. Đây có thể coi là tuyên ngôn về quyền con người của Việt Nam. Và nó mở đầu cho cả quá trình giải phóng con người suốt gần 8 thập kỷ qua của chúng ta.

Trong các quyền cơ bản của con người thì quyền tham gia chính trị là một điều mấu chốt. Tuyên ngôn Độc lập khẳng định quyền của một quốc gia độc lập, quyền của các công dân của một quốc gia độc lập thì quyền tham gia chính trị của người dân được hình thành và phát triển. Và điều đó được thể hiện rõ ràng trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của đất nước Việt Nam vào ngày 06/01/1946. Trong điều 2, Sắc lệnh 14-SL ra ngày 8 tháng 9 năm 1945 của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quy định: “Tất cả công dân Việt Nam, cả trai và gái, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tuyển cử và ứng cử, trừ những người đã bị tước mất công quyền và những người trí óc không bình thường”. Và ngày 06/01/1946, trong cả nước có khoảng 89% cử tri đã đi bỏ phiếu để bầu ra những người đại diện cho mình vào Quốc hội để xây dựng chính sách quản lý nhà nước. Đây là lần đầu tiên mà hầu hết cử tri được thể hiện quyền Công dân khi được tham gia bầu cử và ứng cử, cũng là một thể hiện quan trọng trong thực hành quyền chính trị của con người. Bên cạnh quyền tham gia chính trị thì các quyền cơ bản khác như quyền bình đẳng trên mọi phương diện, quyền học tập, quyền về tài sản, quyền tự do ngôn luận,... đều được quan tâm và đảm bảo. Đây cũng là một bước phát triển mới, đưa tư tưởng, tinh thần về bảo đảm quyền con người, về giải phóng con người trong Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 vào cuộc sống. Và vấn đề đó

tiếp tục được khẳng định trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946. Nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp là “Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái, trai, giai cấp, tôn giáo; Đảm bảo các quyền tự do dân chủ”.

Sự lan tỏa giá trị Tết Độc lập đến các cộng đồng dân tộc Việt Nam

Theo Sắc lệnh 22C NV/CC ngày 18/2/1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, quy định những ngày Tết, kỷ niệm lịch sử và lễ tôn giáo, thì ngày 02/9 là được gọi là ngày Việt Nam độc lập. Từ năm 1954, ngày 02/9 được Nhà nước quy định là ngày Quốc khánh của đất nước. Và dù gọi thế nào thì nó cũng đã trở thành một ngày lễ trọng đại của đất nước, đã lan tỏa vào văn hóa của tất cả các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Cứ đến Tết Độc lập, người dân khắp mọi miền dân tộc lại tổ chức chào mừng một cách trọng thể. Bắt đầu từ những người Kinh ở miền xuôi vốn đã xem Tết Độc lập là một nét văn hóa từ lâu qua các phong trào chính trị cũng như các hoạt động văn hóa xã hội. Sau đó lan rộng ra khắp cả nước, đến với các cộng đồng dân tộc thiểu số và cả các cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Không chỉ miền xuôi, không chỉ các đô thị mà cả vùng miền núi, hải đảo, những bản làng vùng sâu vùng xa, đến Tết Độc lập đều cờ hoa rực rỡ, cả lễ cả hội tổ chức long trọng. Người dân tham gia nhiều hoạt động để bày tỏ lòng yêu nước, thể hiện quyết tâm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như sự biết ơn đối với các thế hệ đã ngã xuống cho nền độc lập dân tộc. Từ những người Mông, người Dao, người Hà Nhì, người Phù Lá... trên đỉnh núi đến những người Thái, người Tày, người Nùng ở thấp hơn; Từ những dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc hay dọc dải Trường Sơn, các dân tộc vùng Tây Nguyên đến các cộng đồng vùng sông nước Nam Bộ, tất cả đều tổ chức đón Tết Độc lập một cách trang trọng. Với nhiều cộng đồng, ngày 02/9 thật sự là một ngày Tết đúng nghĩa của bà con nhân dân.

Không chỉ tổ chức chào mừng trang trọng theo sự chỉ đạo từ hệ thống chính trị, nhiều cộng đồng dân tộc còn tích hợp Tết Độc lập vào các sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng.

Như trường hợp người Thái ở vùng Quỳnh Hợp, Nghệ An. Trước đây, người Thái ở vùng này có Tết Cầm Phạ vào ngày 17/7 âm lịch. Đây là một sự kiện văn hóa quan trọng của đồng bào. Theo nhà nghiên cứu Sầm Văn Bình thì trước, trong và sau Tết Cầm Phạ ba ngày, bản mường phải kiêng những việc đại sự: không làm những công việc nguy hiểm và nặng nhọc để tránh tai nạn; không tổ chức đi săn bắn trong rừng; không đánh chửi lẫn nhau; rúi có người xấu số qua đời thì phải nhanh chóng đưa ma chôn không được tổ chức đám tang v.v... Trong ngày Tết Cầm Phạ, con cháu trong nhà phải sắm lễ tạ ơn ma nhà. Đồ lễ chủ yếu là gà, không dùng thịt lợn, thịt ngan vịt, thịt cầy... Gà trống càng đẹp, càng béo thì càng quý, có lúc người ta nuôi nhốt gà mấy tháng liền đợi cho đến ngày Tết Cầm Phạ. Người ta cũng bàn nhau đóng góp thóc gạo, trâu... để làm rượu cần, nấu rượu siêu. Họ cũng không quên chuẩn bị các loại khác như măng khô, măng tươi, mộc nhĩ để nấu với thịt gà, thịt vịt. Ngoài Tết Nguyên Đán thì chỉ có Tết Cầm Phạ là vui vẻ nhất, trở thành một ngày tết đi vào tiềm thức, có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống tinh thần, tình cảm của cả cộng đồng. Hiện nay, người Thái ở một số bản vùng Quỳnh Hợp đã tích hợp Tết Cầm Phạ vào với Tết Độc lập vào ngày 02/9 và gọi là Tết Mông Hai. Người dân rất coi trọng cái tết này. Từ nhiều tháng trước, họ đã chuẩn bị các thứ để đón Tết Mông Hai trong năm một cách đầy đủ nhất có thể. Đó là trồng lúa để vào thời gian đó phải có lúa nếp mới thu hoạch, là nuôi gà lợn để dành cho dịp tết này.

Ở nhiều cộng đồng khác, sự tích hợp văn hóa vào Tết Độc lập cũng được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau. Mà phổ biến nhất là đồng bào tổ chức các hoạt động văn hóa truyền thống trong dịp Tết Độc lập để vừa kỷ niệm ngày Quốc khánh, vừa góp phần bảo tồn và phát huy các yếu tố văn hóa truyền thống. Tết Độc lập cũng đi vào nhiều lĩnh vực văn nghệ dân gian của nhiều cộng đồng. Điều đó chứng tỏ qua những con đường khác nhau, giá trị của Tết Độc lập đã lan tỏa rộng rãi ra khắp các cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nó góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và kiến tạo bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện đại.



Tranh vẽ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 -1931) của tác giả Nguyễn Đức Nùng

XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

từ khát vọng độc lập, tự do đến xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc

KIM LƯU

Đông trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh đã đi vào lịch sử cách mạng Việt Nam như một khúc tráng ca bất diệt, được ví như là cuộc diễn tập đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam và quần chúng nhân dân chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Đó là minh chứng rõ nét về truyền thống yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam; là khát vọng về quyền sống, quyền độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc.

Từ khát vọng về quyền sống, quyền độc lập, tự do

Đầu những năm 1930, 1931 tình hình kinh tế khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa tư bản lan đến nước ta. Chính phủ Đông Dương do bọn tư bản độc quyền chi phối áp dụng hàng loạt biện pháp kinh tế - tài chính nhằm tăng cường bóc lột thuộc địa, cướp bóc tài sản của Nhân

dân Việt Nam để chống đỡ với tai họa của cuộc khủng hoảng: thuế cao, sưu dịch nặng, quan lại cường hào áp bức hà khắc, chính sách khủng bố trắng tràn lan. Những chính sách mà Pháp thi hành ở Đông Dương tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội, làm cho nền kinh tế Đông Dương vốn phụ thuộc nặng nề vào nền kinh tế Pháp đã nhanh chóng suy thoái: kinh tế điêu đứng, nông nghiệp nghèo nàn, công nghiệp suy sụp, xuất và nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả leo thang; đồng thời, cũng làm cho tình hình chính trị ngột ngạt, đời sống của Nhân dân Đông Dương sa sút nghiêm trọng, nhất là giai cấp công nhân và nông dân. Từ thành thị cho tới nông thôn, tình trạng thất nghiệp, đói kém ngày càng trầm trọng, làm cho những mâu thuẫn vốn có trong xã hội bộc lộ sâu sắc hơn, gay gắt hơn, nhất là mâu thuẫn giữa Nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp

địa chủ phong kiến. Trước sự áp bức, bóc lột ngày càng trầm trọng, phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân ngày càng sục sôi. Sự áp bức bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Vì vậy khát vọng sống, khát vọng độc lập tự do trở thành động lực lớn hơn bao giờ hết.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập ngày 03/02/1930, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào quần chúng lớn mạnh, xưa nay chưa từng có trong cả nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của Nhân dân bùng lên mạnh mẽ từ đầu năm 1930 trên khắp cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ từ Ngày Quốc tế lao động 01/5/1930, lần đầu tiên công nông và dân chúng tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Từ thành phố đến nông thôn, trên cả ba miền đất nước đã xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ Đảng, mít tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành thị uy. Cao trào cách mạng do Đảng chủ trương và phát động đã diễn ra trên 25 tỉnh thành trong cả nước, trong đó Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất.

Phong trào đấu tranh của Nhân dân Nghệ - Tĩnh được mở đầu bằng cuộc đấu tranh của công - nông Vinh - Bến Thủy vào ngày 01/5/1930. Nhân dân các huyện Nghi Xuân, Hương Khê, Thanh Chương, Đô Lương hưởng ứng, tổ chức treo cờ, mít tinh, diễu hành, đấu tranh kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930.

Từ đấu tranh chính trị, quần chúng đã biểu tình với những vũ khí thô sơ. Mở đầu thời kỳ đấu tranh vũ trang là cuộc biểu tình của khoảng 3.000 nông dân Nam Đàn ngày 30/8/1930 buộc tri huyện phải ký nhận vào bản yêu sách của Nhân dân. Ngày 1/9/1930, tại Thanh Chương đã nổ ra cuộc biểu tình với quy mô rộng của trên 2 vạn nông dân trong 5 tổng. Trong hai ngày 7 và 8/9/1930, hàng ngàn nông dân các huyện Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên phối hợp biểu tình, kéo về tỉnh lỵ Hà Tĩnh... vùng lên đấu tranh mạnh mẽ.

Từ giữa tháng 9/1930, phong trào đấu tranh của quần chúng chuyển biến vượt ra ngoài dự kiến của các cấp bộ Đảng. Quần chúng đã vũ

trang tự vệ, biểu tình thị uy có vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền của địch ở địa phương. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của hơn 8.000 nông dân Hưng Nguyên nổ ra ngày 12/9/1930 để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bãi công của công nhân Vinh - Bến Thủy, phản đối chính sách khủng bố của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Thực dân Pháp cho máy bay tới ném bom, làm 217 người chết, 125 người bị thương, càng làm cho phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vùng lên như bão táp. Những cuộc biểu tình có vũ khí thô sơ có sự hỗ trợ của Đội Tự vệ đỏ, nông dân nhiều huyện ở Nghệ Tĩnh dồn dập tấn công huyện đường. Trước cao trào cách mạng của quần chúng, chính quyền cai trị bị rối loạn, ở nhiều xã bị tan rã. Các tổ chức cơ sở đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết.

Ngay từ khi ra đời, chính quyền Xô viết đã thực hiện các quyền lợi cho người dân lao động. Về chính trị: Xô viết không thừa nhận bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến, thực hiện các quyền tự do, dân chủ cho Nhân dân như tự do hội họp, tự do đi học, nam nữ bình quyền. Tổ chức giáo dục chính trị cho Nhân dân và động viên mọi người phát huy nhiệt tình cách mạng và vai trò làm chủ của mình vào việc xây dựng, quản lý xã hội mới; tổ chức hòa giải những xích mích trong nội bộ Nhân dân; trấn áp bọn phản động làm tay sai cho thực dân Pháp, giao nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ cách mạng cho các đội tự vệ đỏ...

Về kinh tế, không nạp sưu thuế cho Pháp và buộc các tổng lý phải trả lại cho Nhân dân số tiền thuế đã thu, buộc các chủ ruộng, các nhà giàu phải giảm tô, hoãn nợ và bỏ các khoản địa tô phụ cho nông dân, quy định lại mức tiền công cho những người làm thuê chia lại ruộng công... một số nơi còn sử dụng ruộng đất công tổ chức cho Nhân dân sản xuất tập thể theo hình thức hợp tác xã nông nghiệp. Về văn hóa - xã hội: Bài trừ các hủ tục lạc hậu, cấm hút thuốc phiện, uống rượu, đánh bạc, vận động phụ nữ cải cách trang phục cho gọn và bỏ các tục lệ cưới hỏi phiền hà, tốn kém.

Những chính sách và biện pháp đó được các xã bộ nông thực hiện đã tạo ra một khí sắc mới trong nông thôn. Nhân dân ngày đêm sống trong không khí tương bình, lành mạnh, đầy tình thân ái. Lần đầu tiên được quyền làm chủ xã hội với lòng tin sâu sắc đối với Đảng, với cách mạng, mọi người đều đem hết nhiệt tình của mình góp phần vào công việc xây dựng và bảo vệ chính quyền mới. Những tiếng gọi “cộng sản”, “xã hội” bao hàm ý nghĩa thiêng liêng, vừa là lý tưởng, vừa là khẩu hiệu hành động của quần chúng. Họ sẵn sàng hy sinh tính mạng và tài sản để chống lại chính sách khủng bố của thực dân Pháp, bảo vệ Xô viết.

Chính quyền Xô viết là đỉnh cao của cao trào cách mạng, là cuộc đấu tranh giai cấp “long trời, lở đất” của Nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù ra đời và tồn tại trong khoảng thời gian ngắn, nhưng Xô viết đã tỏ rõ tính ưu việt và bản chất tiến bộ của một chính quyền cách mạng của dân, do dân và vì dân; là thành quả của khát vọng tự do, hạnh phúc của Nhân dân, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công - nông lòng tin ở sức mạnh của mình.

Đến khát vọng xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc

Xô viết Nghệ - Tĩnh là bước thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển về sau của cách mạng. phong trào tuy thất bại nhưng đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của Nhân dân lao động Việt Nam. Nó đã ảnh hưởng một cách trực tiếp và toàn diện đến những giai đoạn sau của cách mạng Việt Nam nói chung và tinh thần cách mạng trên quê hương Nghệ An nói riêng.

Phát huy tinh thần Xô viết Nghệ - Tĩnh trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, Đảng bộ tỉnh Nghệ An đã vận dụng mọi nguồn lực, phát huy những giá trị cao đẹp, bản sắc văn hóa xứ Nghệ, sức mạnh đại đoàn kết trong Nhân dân, xem đó vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ hàng đầu, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển.

Trên hành trình hiện thực hóa “khát vọng sông Lam” trong tầm nhìn trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2030, tỉnh phát triển nhanh, bền vững, toàn diện văn minh và hiện đại vào năm 2045, toàn hệ thống chính trị đã

nêu cao hành động “Đổi mới, sáng tạo, thi đua xây dựng Nghệ An phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng là trung tâm kết nối phát triển của vùng Bắc Trung Bộ”. Các phong trào Thi đua yêu nước trên địa bàn được phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu đang tạo động lực quan trọng cho khát vọng trở thành tỉnh khá như sinh thời Bác Hồ hằng mong muốn. Nhìn lại những năm vừa qua, dù bối cảnh hết sức khó khăn song tỉnh nhà có nhiều điểm sáng trên các lĩnh vực. Trong 6 tháng đầu năm 2023, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 5,79%, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân 6 tháng đầu năm của cả nước (đạt 3,72%). Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ vẫn giữ được mức tăng trưởng tốt. Thu hút được 08 dự án FDI với số vốn đăng ký gần 614 triệu USD; tiếp tục vươn lên vị trí thứ 8/63 tỉnh, thành trong cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, an sinh xã hội được quan tâm, thực hiện đầy đủ kịp thời các chế độ, chính sách. Công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Hiện nay, Bộ Chính trị vừa ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tập trung vào 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Đây là động lực, nguồn lực, cơ hội để Nghệ An tập trung vào những giải pháp chỉ đạo, lãnh đạo đúng trọng tâm, trọng điểm, xác định và tháo gỡ các nút thắt trong phát triển kinh tế, trong cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ này cần sự thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, khơi dậy khát vọng phát triển toàn diện, nhanh, mạnh hơn trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân. Nhất là quan tâm phát huy truyền thống văn hóa mang đậm bản sắc xứ Nghệ, để văn hóa thực sự trở thành động lực, nguồn lực nội sinh cho phát triển. Từ đó, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển từ trong nội lực Nhân dân; sự thay đổi nhận thức và quyết tâm đổi mới tư duy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhằm tạo sức bật mới để phát triển Nghệ An thành tỉnh khá của cả nước, là trung tâm của vùng Bắc Trung Bộ vào năm 2030.



Nhà thờ Lưu Đức Đại Tôn, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên - Di tích lịch sử cấp tỉnh.

Lưu tộc Nghệ Tĩnh trong giữ gìn truyền thống, danh thơm dòng họ và phát huy bản sắc văn hóa quê hương

NGỌC KIM

Giữ gìn truyền thống, danh thơm dòng họ

Theo dòng chảy của lịch sử, họ Lưu Việt Nam là một trong những dòng họ có từ thời Hùng Vương và được nhắc tới rất sớm trong lịch sử đất nước. Điều đó thể hiện qua tài liệu giới thiệu về đền Đồng Cổ tại làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đây là Ấp do người của ba họ Trịnh, Lưu và Hà dựng nên, minh chứng qua vế đối: “Vật Lưu Bách Việt tổ; Kiến ấp Trịnh Lưu Hà”⁽¹⁾. Trong truyện cổ tích “Sự tích trâu cau” có từ thời Hùng Vương, cô con gái đạo sĩ họ Lưu, lấy người anh trong cặp sinh đôi là học trò họ Cao, do cha cô dạy học⁽²⁾. Trải qua hơn bốn nghìn năm thăng trầm của lịch sử dân tộc, dưới triều đại nào, cùng với các dòng họ trong đại gia đình Việt Nam, họ Lưu cũng có những anh hùng hào kiệt đóng góp

vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dòng họ có 6 vị khai quốc công thần được lưu danh⁽³⁾ và 27 vị Cao tổ đồ trạng nguyên, tiến sĩ (TS) khoa bảng, trong đó 14 TS được lưu danh trên bia đá tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội).

Trong các vị khai quốc công thần, tiêu biểu có Thái sư Lưu Cơ là vị quan thuộc tứ trụ triều đình cùng Đinh Bộ Lĩnh lập lên nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt. Năm 971, sau khi dẹp xong các sứ quân, yên vị ngôi Hoàng đế, Đinh Tiên Hoàng đã tổ chức bộ máy triều đình Đại Việt đầu tiên của Việt Nam, Thái sư Lưu Cơ được phong làm quan đầu triều. Ông là vị quan đầu triều trông coi hình án, kiêm chức Thái sư Đô hộ phủ cai quản toàn bộ Giao Châu và đóng phủ đường ở Đại La trong gần 40 năm (từ năm 971 đến năm 1010). Ông làm quan trong 3 triều đại phong kiến là nhà Đinh, nhà Tiền

Lê và nhà Lý, triều đại nào cũng được trọng dụng, giữ chức vụ quan trọng nhất trong triều. Quá trình cai quản thành Đại La, Thái sư Đô hộ phủ Lưu Cơ đã cho cải tạo, xây dựng lại thành Đại La trở thành một tòa thành mang bản sắc Đại Việt với sự kiên cố, vững mạnh, là điều kiện tiên quyết giúp Lý Công Uẩn thực hiện công cuộc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long.

Thái bảo Lưu Ngữ là quan nhất phẩm, đại thần nhà Tiền Lê, người có công lớn cho vương triều Tiền Lê, được vua Lê ban đất Lưu Xá để làm thái ấp (nên còn gọi là Lưu Gia) và Người đã trở thành Thành Hoàng làng Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Làng Lưu Xá, xã Canh Tân, Thái Bình (*cả nước hiện có 20 làng xã mang tên là Lưu Xá*) có bến đò Lưu Gia được lưu danh sử sách và có tầm sâu về tâm linh thể hiện trong bài thơ “Lưu Gia độ” của Thượng tướng - Thái sư Trần Quang Khải:

Lưu Gia độ khẩu thụ tham thiên

Hổ tưng đông hành tích bạc thuyền...⁽⁴⁾

Thái úy Lưu Khánh Đàm (1093-1161) nguyên quán ở xã Yên Lãng, giang Ngũ Huyện, quận Cửu Chân, nay thuộc huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa, sau dời đến xã Lưu Xá, phủ Long Hưng, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông là một nhân vật lịch sử quan trọng triều Lý; là người tài giỏi, siêng năng, trung thành, thận trọng coi việc quân lữ, lập nhiều chiến công. Cuối đời vua Nhân Tông (năm 1127), với chức Thái úy, ông vâng mệnh nhận di chiếu phò tá Thần Tông lên ngôi Hoàng đế. Ông phò 3 đời vua (Nhân Tông, Thần Tông và Anh Tông), làm quan với các vị trí quan trọng: Quang lộc đại phu, Suy thành Tá lý công thần, Nhập nội thị sảnh Đô đô tri, Tiết độ sứ. Đồng Tam ty bình chương sự, Thượng trụ quốc, Khai quốc công. Ông mất vào tháng 12 năm 1161, hưởng thọ 69 tuổi. Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Năm 1127, Lý Nhân Tông sai Lưu Khánh Đàm và Mậu Du Đô tuyển chọn các quan chức đồ...”⁽⁵⁾. Thơ văn Lý Trần tại văn bia chùa Hương Nghiêm, núi Càn Ni (*Càn Ni Hương Nghiêm tự bi minh*) viết rằng: “Thời Thái Tông trạch bử quân dân, sử tông huynh Thái phó Lưu công trác nhiên hữu dị, chiếu nhập nội đình. Ký Thánh Tông lập cực, công thị duy ác chi trung, lũy thừa sủng quyền. Đãi dương kim Minh Hiếu hoàng đế tiến tộ ngự bảo, niệm công bật lượng) tam đại hữu công, phong vi Nhập nội nội thị sảnh, đô đô tri, Kiểm hiệu thái phó kiêm Cung dịch sứ, Đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Thượng trụ quốc, Khai quốc công. Thực ấp lục thiên thất bách hộ, thực thực phong tam thiên

hộ...” (Dịch nghĩa: *Bấy giờ, vua Lý Thái Tông lựa chọn người trong quận, người anh họ của thiên sư (Đạo Dung) là Thái phó Lưu công, đáng về khác thường, vua xuống chiếu cho vào nội đình. Khi vua Lý Thánh Tông lên ngôi, ông hầu hạ nơi màn trướng, luôn được vua tin dùng. Đến nay, Minh Hiếu hoàng đế (Lý Nhân Tông) ngự ngôi báu, nghĩ ông có công giúp rập ba triều (Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông) phong ông làm Nhập nội nội thị sảnh, Đô đô tri, Kiểm hiệu Thái phó kiêm Cung dịch sứ, Đại tướng quân, Kim tử quang lộc đại phu, Thượng trụ quốc Khai quốc công. Thực ấp 6 nghìn 7 trăm hộ, thực thực phong 3 nghìn hộ...).*

Lưu Khánh Ba (Lưu Điều) quan đồng triều với anh trai Lưu Khánh Đàm, tước thượng phẩm. Đời Lý Nhân Tông (1072) quân Tống xâm lược, Lưu Ba vâng mệnh vua đi dẹp giặc, lập công lớn. Năm 1128, vì có công dẹp giặc, giữ nước, giúp vua nên được phong Thái phó. Cuối đời lui về Lưu Xá xây chùa tháp, được vua Lý đặt tên là Báo Quốc, xuất gia đi tu và truyền đạo Phật, khi chết được phong Phúc thần.

Cao Tổ Lưu Nhân Chú - người cùng Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn phò Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa, đánh thắng đuổi quân Minh, giải phóng dân tộc sau 10 năm kháng chiến, lập nên triều đại nhà Hậu Lê của Đại Việt do Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế.

Trong tiến trình lịch sử văn hiến đất nước hơn 4 nghìn năm, những danh nhân văn hóa họ Lưu có đóng góp công lao to lớn cho đất nước, để lại tiếng thơm muôn đời cho con cháu. Tự hào về những thành tựu của tổ tiên, con cháu họ Lưu đã kết nối, hội tụ, cùng chung sức đồng lòng bồi đắp lòng tự tôn dòng họ, tình yêu quê hương, đất nước; Cùng nhau tham gia tích cực vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nhau phát triển kinh tế, kiến tạo tương lai, xây dựng quê hương, đất nước ngày càng phồn thịnh.

Tự hào dòng họ Lưu tại khu vực Nghệ Tĩnh trong lịch sử

Nghệ An dưới các triều đại phong kiến luôn được đánh giá là vùng “trọng trấn”, “phên dậu” của đất nước. Tiến sĩ Lưu Đức An, quê quán xã Vũ Nghi, huyện Thanh Lan, Phủ Tân Hưng (nay là xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình). Ông sinh năm Canh Tuất - 1490, là người có học thức thâm viễn “hữu văn danh dương trường”. Năm Đại Chính thứ 9 (Mậu Tuất 1538), Lưu Đức An ứng thi, vượt lên trên 1.000 sĩ tử, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ. Ngoài 40 tuổi, ông được vua nhà Mạc xét vào hàng Tam giáp, bổ dụng làm Thừa chánh sứ Sơn



Hội đồng gia tộc họ Lưu ủng hộ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho người nghèo

Nam. Năm Quảng Hòa thứ 5 (1545), vinh phong Tán tự, giữ chức Tham nghị Thừa tuyên sứ ty đạo Nghệ An, đây là vùng đất giao tranh thời Nam - Bắc triều, tại đây ông cùng với Thừa chính sứ ty đã có những chính sách trấn trị hợp lý, hợp lòng dân. Tại tấm bia đá khắc chữ Hán được phát hiện vào những năm chín mươi của thế kỷ XX, ở thôn Vũ Công, xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình viết rằng "... Quang Bảo tam niên, phụng thăng Triều liệt đại phu, Phụng thiên Phủ Doãn; tứ niên phụng thăng Tự khanh; Lục niên, tái phụng thăng Lạng Sơn đạo, Thừa tuyên sứ ty Thừa tuyên sứ, phụng đàm ân khâm sai đại phu lịch dịch... toàn nhi Bắc niên tỏa thuộc..."⁽⁶⁾. Xuất thân từ một gia đình bình dân, sớm có ý thức lập thân, tài được trọng dụng trước cả khi đỗ đạt, hơn 30 năm ở chốn quan trường cai trị dân vừa có ân vừa có uy", gần 70 tuổi vẫn hăng hái làm việc, thực hiện thành công việc đóng cửa với Phương Bắc, giữ vững vùng biên giới Lạng Sơn theo lệnh Vua. Tại Nghệ An, ông đã gặp và kết hôn với người con gái tài sắc, đức hạnh - "Bà Trắc Thất, tại thôn Chi Nê"⁽⁷⁾, xã Thái Lão, huyện Hưng Nguyên. Từ đó phát triển dòng họ thành nhiều chi nhánh sinh sống ở khắp các huyện trên địa bàn trong và ngoài tỉnh như Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Đô Lương, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành, Nghi Lộc, Đức Thọ... Đến nay, trải qua 19 đời con cháu (kể từ Thủy Tổ TS. Lưu Đức An năm 1545), hậu duệ của dòng họ Lưu Đức tiếp tục ghi nhiều thành tích làm rạng danh cho trang sử vẻ vang của dòng

họ mình. Ghi nhận công trạng của Tiến sĩ Lưu Đức An đối với Nghệ An, năm 2017, tên ông đã được đặt tên cho một đường phố thuộc phường Hà Huy Tập ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Dòng họ Lưu trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện có 2 Nhà thờ được xếp hạng là Di tích lịch sử cấp tỉnh, đó là Nhà thờ Họ Lưu Đức Đại Tôn ở xóm 7 xã Hưng Đạo (năm 2014), huyện Hưng Nguyên và Nhà thờ Lưu Văn ở xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương (năm 2017).

Họ Lưu ở Thanh Tường khởi nguồn từ xứ Vạn Cồn, Hà Khê, huyện Hưng Nguyên. Trong kháng chiến, nhà thờ họ Lưu Thanh Tường từng là nơi làm việc của Ủy ban kháng chiến, hành chính xã Đại Đồng; là nơi lưu trữ, cất giấu vũ khí, dược phẩm và đóng quân của bộ đội. Trong họ có 3 đảng viên hoạt động thời kỳ 1930-1931, 1 cán bộ tiền khởi nghĩa, 3 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đã có hàng trăm con em trong họ lên đường tòng quân đánh giặc, 17 người con đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào và Campuchia, nhiều người là thương binh, bệnh binh.

Trong những năm chống Mỹ, phà Bến Thủy bị máy bay địch đánh phá hết sức ác liệt. Trong khói lửa đạn bom ấy, cụ cố Xin (tên thật là Lưu Xuân Khuôi) đã không kể ngày đêm, luôn vững tay chèo, đảm bảo đưa bộ đội qua sông an toàn. Bến đò cố Xin (thời đó ở xã Hưng Xuân, nay thuộc địa phận xóm 3, xã Xuân Lam, huyện Hưng Nguyên) là nơi

tập kết bộ đội, xe chở quân lương, quân dụng để qua sông chi viện cho chiến trường miền Nam. Mặc cho bom đạn kẻ thù dội xuống, vợ chồng cố Xin luôn bám trụ kiên cường, sẵn sàng chèo đò phục vụ kháng chiến. Sau một lần chở đoàn bộ đội sang sông làm nhiệm vụ, đò cố Xin bị bom Mỹ đánh trúng và ông đã hy sinh. Bến đò Cố Xin được đưa vào danh mục kiểm kê di tích của tỉnh vào năm 2020.

Truyền thống tốt đẹp của các thế hệ cha ông họ Lưu đã hun đúc thêm tinh thần tự tôn dòng họ, lòng yêu quê hương, dân tộc, góp phần khích lệ ý chí phấn đấu, vươn lên của con cháu hôm nay.

Kiến tạo tương lai

Theo phương châm “Lưu Tộc Việt Nam - Hướng về cội nguồn - Kiến tạo tương lai”, Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh đã được hình thành. Trải qua 5 năm hoạt động, Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc kết nối và phát triển dòng họ bền vững. Các chi họ Lưu trong khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh tích cực ủng hộ, tham gia tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để bồi đắp cho các thành viên tinh yêu và lễ sống có trách nhiệm với gia đình, dòng họ, quê hương, đất nước.

Trong công tác kết nối, Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh luôn coi trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn, động viên các dòng họ, chi họ trong khu vực xây dựng, trùng tu, tôn tạo nhà thờ Họ, Lăng mộ Tổ, viết gia phả; Hướng dẫn xây dựng hồ sơ, đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận Di tích lịch sử, dòng họ văn hóa, góp phần bồi đắp tinh thần, lòng tự hào dòng họ. Công tác kết nối giao lưu trong khu vực, giữa các dòng họ, chi họ, Lưu tộc các địa phương trong và ngoài tỉnh được Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh quan tâm và tham gia có hiệu quả. Đến nay, đã kết nối được hơn 28 chi họ Lưu, của 18 huyện ở tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Trong đó, Nghệ An có 12 huyện, đó là: Huyện Hưng Nguyên có 03 chi họ (xã Hưng Đạo có 02 chi họ: Họ Lưu Đức đại tôn ở xóm 7, Họ Lưu ở xóm 3; chi họ Lưu ở Hưng Lam); huyện Nam Đàn có 01 chi họ ở xã

Khánh Sơn; huyện Thanh Chương có 03 chi họ (chi Họ Lưu Văn ở xã Thanh Tường nay là xã Đại Đồng, chi Họ Lưu ở Xuân Tường, chi Họ Lưu ở Thanh Liên); huyện Đô Lương 02 chi họ (chi họ Lưu Văn ở xã Trù Sơn, chi họ Lưu ở xã Trảng Sơn); huyện Anh Sơn có 02 chi họ (chi Họ Lưu Văn ở xã Vĩnh Sơn, chi họ Lưu Đình ở xã Cao Sơn); huyện Tân Kỳ có 01 chi họ (chi 4 Họ Lưu xã Nghĩa Phúc); huyện Nghĩa Đàn có 02 chi họ ở xã Nghĩa Lợi (thực tế 2 chi họ này có chung nguồn gốc từ chi họ Lưu Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên); huyện Nghi Lộc có 02 chi họ (ở xã Nghi Tiến và xã Nghi Xuân); huyện Diễn Châu có 02 chi họ (ở xã Diễn Tân và xã Diễn Liên); huyện Con Cuông có chi họ Lưu Văn ở bản Tổng Chai, xã Chi Khê; thành phố Vinh có chi họ Lưu ở xã Nghi Kim; Thị xã Hoàng Mai có chi họ Lưu Văn ở Phường Quỳnh Xuân. Tỉnh Hà Tĩnh có 6 huyện: huyện Đức Thọ có chi họ Lưu ở xã Liên Minh; huyện Hương Khê có 4 chi họ (Chi 1 ở xã Gia Phố, chi 2 ở xã Phú Gia và chi 3 chi 4 ở xã Hương Bình); huyện Hương Sơn có chi họ Lưu ở Sơn Thịnh; huyện Lộc Hà có chi họ Lưu ở xã Lộc An; huyện Cẩm Xuyên có 01 chi họ ở xã Cẩm Duệ; huyện Thạch Hà có chi họ Lưu ở xã Đình Bàn.

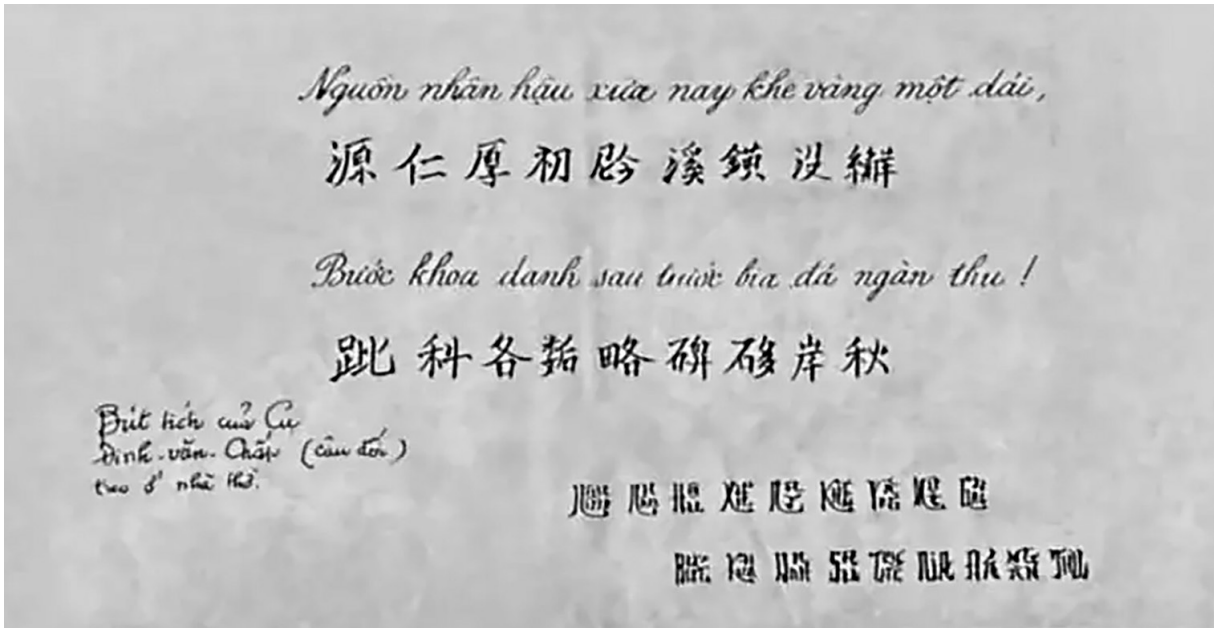
Tháng 7/2023, Câu lạc bộ Doanh nhân Lưu tộc Việt Nam được thành lập với sự tham gia của nhiều doanh nhân, doanh nghiệp, đã tạo nên nền tảng, động lực cho việc gắn kết và phát triển cho các doanh nghiệp, doanh nhân họ Lưu làm ăn kinh tế phát triển trong tương lai. Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh đã quan tâm xây dựng, kiện toàn tổ chức với đội ngũ nhân sự nhiệt huyết vì dòng họ; triển khai nội dung, hình thức hoạt động khoa học, thiết thực, hiệu quả; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài thông qua việc hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo; vinh danh các học sinh giỏi, những tài năng trong học tập và công tác... Hoạt động của Hội đồng Lưu tộc Nghệ Tĩnh đã khích lệ, tăng cường kết nối các chi họ Lưu trong khu vực, được các chi họ tích cực ủng hộ, thúc đẩy dòng họ phát triển bền vững, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Địa chí huyện Yên Định (tỉnh Thanh Hóa), Nxb KHXH, 2010, tr695.
2. Lĩnh Nam chích quái, Tác giả Trần Thế Pháp, do Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch, quyển I (Truyện cây cau), Nxb Văn hóa, 1960.
3. Thái sử Lưu Cơ (Ninh Bình), Thái úy Lưu Khánh Đàm, Thái phó Lưu Ngũ, Thái phó Lưu Điều (Thái Bình) và Tể tướng Lưu Nhân Chú, Đại tướng quân Lưu Trung (Thái Nguyên).
4. Thơ văn Lý Trần (tập II), NXB Khoa học xã hội, 1988
5. (Đại Việt sử ký toàn thư), Bản Chính Hòa, Bản kỷ, Q3, các tờ 25b, 32a)
6. Tấm bia đá thời Mạc viết về Tiến sỹ Lưu Đức An (1490-1562)” - Thái Huy Bích, đăng trong Đặc san thông tin KH - CN Nghệ An số 7/2013, Xứ Nghệ - người và đất;
7. Gia phả họ Lưu Đức xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên Nghệ An.

Một gia đình khoa bảng

ĐÌNH VĂN THÂN



Câu đối treo tại nhà thờ Hoàng giáp Đình Văn Chấn

Viết về họ Đình Kim Khê (họ Đình Văn ở xã Nghi Long - Nghi Lộc) đến đời 13, 14 thoát nghĩ cũng đã nhiều, ngẫm ra còn thiếu. Đặc biệt thiếu về người có tâm huyết với dòng tộc, với văn hóa, với tình yêu con người, với quê hương đất nước là cụ Hoàng giáp Đình Văn Chấn (1882 - 1953). Chính cụ đã bảo tồn câu đối treo ở nhà thờ chạm khắc bằng chữ Hán trên hai tấm gỗ mun bằng cách chép ra giấy quý, dịch ra chữ quốc ngữ và viết thêm thư pháp theo lối chữ triện. Cũng nhờ bản chép tay của cụ nên đôi câu đối mới được con cháu lưu truyền và phục chế lại bởi bản gốc treo ở nhà thờ đã bị cơn cuồng phong có tên Cải cách cuốn phăng không còn vết tích.

Cụ Đình Văn Chấn, con trai thứ hai của Tiền sĩ Trực Hiên khoa Ất Hợi Đình Văn Chấn. Ông Chấn là đời khoa bảng thứ bảy trong bảy đời liên tiếp kể từ cụ tổ thứ 7 hương cống khai khoa của dòng họ là Đình Giai Tiệp. Cha của ông Đình Văn Chấn là Đình Văn Kế, người văn

hay chữ tốt, học trò đầu xứ nhưng không dám đi thi vì nạn "Tru di tam tộc" năm 1883 của ông nội là Đình Hồng Phiên. Gián đoạn khoa bảng ở đời ông Đình Văn Kế nhưng vẫn có 7 người đậu khoa bảng trong bảy đời liên tiếp bởi vì con của Đình Giai Tiệp là Hương cống Đình Gia Thái có hai người con đều đậu hương cống triều Lê là Đình Trọng Thư và Đình Hồng Phiên. Đình Trọng Thư được thụ phong Kim Xuyên Bá, Đình Hồng Phiên được thụ phong Khê Đình Hầu. Tên làng Kim Khê lấy theo tước vị của hai người. Họ Đình Văn Nghi Long ngày nay gọi là Họ Đình Kim Khê, thiết nghĩ lấy tên ấy vừa tự hào vừa tự tôn vừa vinh danh tiên tổ là chính xác.

Đình Văn Chấn, đậu Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Hợi 1875. Tài cao học rộng giỏi thơ phú đã được khắc ghi nơi bảng vàng bia đá không cần nhắc lại. Lòng nhân hậu của ông thể hiện nơi quê nhà như sửa cầu Khoa Trường, lập chợ Giang Đình, mở đường, dạy

học, mở mang kinh tế, khai trí dân sinh dấu tích chưa phai mờ. Phẩm cách thanh liêm, trách nhiệm chần chu với dân nước, với nước lúc làm quan được triều Tự Đức ban Kim Khánh với bốn chữ vàng: “Kim Bình Cẩn Chánh”. Tấm lòng yêu nước, thương nòi còn ghi dấu khi ông làm Tri phủ Nghĩa Hưng, lúc người Pháp đã chiếm thành Nam Định, triều đình đã có chỉ dụ đầu hàng vậy mà ông vẫn đôn đốc dân binh củng cố thành lũy kiên cường cố thủ. Khi người Pháp bao vây phủ huyện bắn pháo vào công đường, Ông cùng cố tinh thần quyết tử với dân binh bằng cách bày hương án trước sảnh đường trên đó có sẵn một thanh gươm và một chén thuốc độc sẵn sàng tuần tiết cho Tổ quốc. Người Pháp đánh không thắng, rút lui. Sau đó, ông đi nhậm chức Sơn phòng ở Thanh Hóa, sau một thời gian, ông bỏ quan về quê. Dấu son bi hùng của ông Đinh Văn Chất lại ở quê hương. Tại quê nhà, ông động viên con cháu, chiêu mộ dân binh lập căn cứ kháng Pháp ở vùng Thạch Bàn - Thanh Chương miền Tây Nghệ An. Thế cô lực mỏng lại bị cả người Pháp lẫn Nam Triều vây hãm, cuộc khởi nghĩa ứng chiếu Cần vương thất bại, ông bị bắt. Vua Đồng Khánh có chỉ dụ “Tru di tam tộc” năm 1887. Vụ án oan nghiệt ấy cảm động đến vua yêu nước Hàm Nghi, vua có bài thơ diếu có một câu rằng:

Văn sơn bất tử do Tồn Tổng
 Đông Hải như sinh khảng để Tần
 Dịch rằng:
 Trời để ông Văn còn nước Tống
 Đời nào chàng Lộ chịu vua Tần

Trong Phan Bội Châu toàn tập, Chương Thâu sưu tầm biên soạn, Nhà xuất bản Thuận Hóa - tập 2 - trang 117 Phan Bội Châu nói về Đinh Văn Chất:

“Đinh Văn Chất người Nghệ An, ứng chiến khởi nghĩa, quân thua bị bắt. Người Pháp bêu cả thầy, thầy rĩa ra, học trò xin đưa về chôn, người Pháp chỉ cho thầy còn đầu thì chặt lấy và đem đốt. Hành vi của một cường quốc văn minh vốn là như thế đấy! Đinh Văn Chất may mà thân được bị như thế chăng? Hai con giai, hai cháu gọi bằng bác, một con gái tuổi còn nhỏ đều bị người Pháp giết cả. Nước văn minh vẫn thích giết người như thế chăng? Ông



Từ trái qua phải: GS Minh Chi, Thượng tọa Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu và Đại tá Đinh Văn Linh

Đinh trước xuất thân Tiến sĩ làm quan ở phủ Nghĩa Hưng rất được lòng quân dân, đánh nhau với quân Pháp thường thắng luôn. Thành Nam Định mất, phủ Nghĩa Hưng vẫn không hạ được nên Chất bị hình phạt thảm khốc như vậy. Tôi ngờ là ai mà hết lòng yêu nước thì phạm vào cái hình luật nặng nhất ở châu Âu chăng?”

Tên của Tiến sĩ Đinh Văn Chất bị đục khỏi Văn miếu ở Kinh thành Huế. Lòng yêu nước thương nòi phải trả bằng xương máu, danh tiết của danh nhân bị bôi bẩn bởi một triều đình đầu hàng ngoại bang càng quý thêm giá trị của độc lập tự do. Mất nước, mất nguồn nhân hậu, mất truyền thống văn hóa thật là tổn thất lớn lao. Dòng họ bị “Tru di”, tôn tộc cũng phân ly: vua Minh Mạng phong thưởng, vua Đồng Khánh hạ chiếu “tru di”, vua yêu nước Hàm Nghi trọng thị làm thơ ngợi ca. Chiến tranh giành độc lập quá là nghiệt ngã làm đảo lộn mọi chân giá trị.

Cụ Đinh Văn Cháp (Đinh Văn Chí) sinh ngày 14 tháng 3 năm Nhâm Ngọ niên hiệu Tự Đức thứ 35 (1882), người làng Kim Khê, huyện Chân Lộc, tỉnh Nghệ An (nay là xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc). Cụ mất cha khi mới 6 tuổi. Trong đại họa của gia đình và dòng tộc, Đinh

Văn Cháp may mắn thoát được. Một cụ bà trùm váy mang ông đi trốn vào Vinh, được phía ngoại gởi sang Phúc Kiến bên Tàu lánh nạn. Mười một năm sau (1898) về nước đổi lại tên từ Chí sang Cháp, khai sứt tuổi lên thọ giáo cụ Phan Bội Châu. Lúc ấy cụ phải đổi tên, khai sứt tuổi sau vụ án của cha 5 năm để được đi thi. Khi học với thầy Phan được thầy tặng bài thơ:

Cốt cách con Lân cánh chim Uyên
Ai dám xem thường gã thiếu niên
Trọng Mão xưa quen nhà đạo học
Trường Canh nay thấy vẻ thần tiên
Nhà dầy phước tổ sinh người quý
Tớ hổ vai anh xét phận hèn
Nghe nói non quê gần hải đảo
Bể Đông cõi sóng đã bao phen.

Năm 1909, cụ được người bà con bốn đời bên ngoại là ông Lê Huy Thản làm quan trong triều bảo lãnh đưa vào học Quốc Tử giám. Vừa học vừa dạy thêm sau ba năm ông đậu Cử nhân. Năm sau, cụ đậu Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng Giáp). Khoa thi năm đó không có Đề nhất giáp Tiến sĩ chỉ "Ban đồ Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân một người: Đinh Văn Cháp". Ông được bổ Đốc học ở Quảng Nam.

Trong thời gian làm quan, ông mẫn cán, thanh liêm được nể vì, nhưng chốn quan trường hiểm ác mà ông là người mang cốt cách kẻ sĩ xứ Nghệ, xem thường ra mặt những kẻ mất tư cách chuyên vào luồn ra cúi, xu phụ kẻ có quyền, ghét thói lằng loàn của bọn bất tài chỉ biết luồn cúi tìm danh, đặc biệt càng ghét những kẻ hợp tác với ngoại bang kiếm lợi trên khổ cực của dân mình. Quãng thời gian làm quan của ông gặp không ít sóng gió. Sặc mùi biếm chức với thăng quan. Chưa đầy ba mươi năm làm quan, ông trải qua nhiều chức vụ từ tri huyện, tri phủ, án sát, bổ chánh rải hầu khắp miền Trung. Gia phả có ghi những giai thoại đầu đá chốn quan trường của ông với những nhân vật có thể lực lúc ấy, tôi không tiện kể ra vì xa với chủ đề phát huy nguồn nhân hậu, tiếp nối truyền thống hiếu học của dòng họ.

Giáo sư Vũ Ngọc Khánh trong lời bạt Tuyển dịch thơ đời Lý - Trần của Hoàng giáp Đinh Văn Cháp có viết:

... "Gọi là cụ Hoàng Kim Khê vì tôi theo cách nói kính trọng của bố tôi về cụ Hoàng giáp ở làng Kim Khê. Quê cụ cách quê nhà tôi chỉ một con sông, hai bên bờ sông Lam là hai huyện Nghi Lộc của Nghệ An và Nghi Xuân của Hà Tĩnh, cùng chung một cửa biển (bên này là Cửa Hội của Nghi Lộc, bên kia là Hội Thống của Nghi Xuân); làng Hội Thống có Tiến sĩ Vũ Thời Mẫn sống dưới thời Minh Mệnh. Xưa thường gắn thành tích của người đậu đạt với tên làng, để không những người Tiến sĩ đó mà cả làng quê họ cũng được vinh danh. Đây là cách gọi để nhớ để tôn vinh danh nhân và bản quán!

Còn sự may mắn tình cờ là bố tôi cũng đã được hầu chuyện cụ Hoàng. Lần đó (khoảng năm 1934), với tư cách là người dân ở đất Nghi Xuân nhưng ông đang cầm đầu vụ kiện hào lý tham nhũng. Vụ kiện rất lớn nên được đưa từ huyện lên tỉnh và đến bộ Tư pháp. Lúc đó, cụ Hoàng Kim Khê đang giữ chức Án sát chuyển sang làm Bộ chính tỉnh Hà Tĩnh (để cụ Phan Võ thay giữ chức Án sát - cụ Phan Võ là bố của GS. Phan Ngọc). Bố tôi mang đơn của dân nghèo trực tiếp vào cả ba tòa quan lớn ở tỉnh. Sau lần đó, bố tôi luôn ca ngợi hai cụ Bộ chính và Án sát.

Tiếp đến tôi lên học ở thành phố Vinh, lại may mắn được quen với Đinh Văn Vinh (con trai thứ tư của cụ Đinh Văn Cháp-NV), anh học trước tôi vài ba lớp nhưng rất thân nhau. Mãi cho đến sau này anh nghiên cứu tôn giáo lấy hiệu là Thích Minh Chi, chúng tôi vẫn thường gặp nhau. Tôi lại được học ở anh rất nhiều tri thức về Phật giáo. Trước khi qua đời, anh còn viết một bài đại luận phê bình cuốn **Cửa riêng không khép** (Hồi ký của Vũ Ngọc Khánh), bài này đã được công bố và rất được các nhà thức giả trân trọng". (hết trích)

Sau thời gian làm Bộ chánh Hà Tĩnh, cụ được điều đi làm Tuần vũ Quảng Ngãi. Hai năm sau, cụ được bổ về triều giữ chức Tham tri Bộ Kinh tế. Cụ tiếc lúc giữ trọng trách này có điều kiện thể hiện với quê hương là làm hệ

thống thủy lợi cấp nước cho miền đông Nghi Lộc nhưng không hoàn thiện, chỉ được mấy km nông giang từ Nghi Thuận sang qua Nghi Long bởi dân tình sợ tốn đất. Người dân chưa biết được lợi ích lâu dài của công việc thủy nông. Ở triều một thời gian, cụ lại bị ganh ghét soi mói điều sang làm Toàn tu Quốc sử quán, bắt khai thêm 10 tuổi nhân đó buộc về hưu thực chất là đui quan. Một vị Đình nguyên lại dưới trướng những người tú tài cử nhân kém cả kiến thức lẫn nhân cách làm sao thoát cảnh đồ kỵ dèm pha.

Về hưu cụ có thời gian thăm thú bạn bè, kết nối được các chi họ Đình có cùng tổ phụ, tổ mẫu phải lưu lạc sang Hương Khê, Đức Thọ, Nam Đàn chép thêm gia phả đời thứ 11, dịch sang quốc ngữ, sửa sang nhà thờ...

Nạn đói năm Ất Dậu, cụ mở kho phát chẩn cho dân, trước nhà thường có người đợi chờ đến lượt.

Cụ mở trường truyền bá chữ quốc, phổ biến tinh hoa Phật học, sửa cầu, lập chợ, đào giếng lấy nước sạch cho dân. Một giếng nước nho nhỏ, xinh xinh mà có nhiều tên gọi: giếng Nhà Hàu, giếng Nông Dân, giếng Cây Dừa nay lại là giếng cổ Kim Khê nghĩ cũng vui vì cách gọi nào cũng hay cũng chứa đựng giá trị lịch sử trong đó.

Nói thêm về danh tính.

Nhiều người băn khoăn vì sao một người đạo cao học rộng, tinh thông Hán học, Nho học, Tây học, Phật học; nói tiếng Tàu, tiếng Tây rành như tiếng mẹ đẻ lại đặt tên con giản dị đến vậy. Anh cả sinh ở Huế có tên là Kinh, anh hai, anh ba sinh ở Quảng Nam có tên là Quảng, Nam; anh tư sinh ở Vinh tên Vinh; anh năm sinh ở Vinh Linh tên Linh; sinh ở Bình Định có chị Hoài, anh Nhơn; sinh Quảng Trị có anh Phong; sinh ở Thanh Hóa có cô Thai.

“Nhà dày phúc ảm sinh người quý” câu thơ của cụ Phan Bội Châu viết tặng Đình Văn Cháp

lúc còn là nho sinh thật nghiệm ra mà đúng. Các con của cụ Thượng Cháp (cách gọi tôn vinh của dân làng; bởi phẩm hàm của cụ chưa đến Thượng thư mà mới tương đương Thứ trưởng) đều nối tiếp truyền thống của ông cha: yêu nước thương nòi có phẩm cách và trí tuệ.

Đình Văn Kinh: Giảng viên ĐH Huế là thầy của GS- NGND Nguyễn Đình Chú.

Đình Văn Quang (Quảng): Chuyên viên Tòa phúc thẩm NDTC, thành viên Hội Luật gia.

Đình Văn Nam - Thượng tọa Thích Minh Châu: Tinh thông Phật học còn đảm việc đời là đại biểu Quốc hội nhiều khóa. Công trình, phẩm hàm của ngài cao như phẩm hạnh của người vậy. “Phật giáo tự hào suốt 2.500 năm chưa phát động một cuộc thánh chiến tử vì đạo nào cả” trong tham luận của ngài tại Hội nghị Quốc tế vì hòa bình là tiếng nói lòng dân Việt.

Đình Văn Vinh - GS Minh Chi là người mà GS Vũ Ngọc Khánh đã nhắc đến phần trước.

Đình Văn Linh: Đại tá QĐND Việt Nam.

Đình Văn Phong: Sĩ quan QĐ chuyển ngành sang Tổng cục Địa chất.

Đình Văn Nhơn: Liệt sĩ chống Pháp hy sinh năm 1949.

Các con của cụ hiện còn Đình Kim Thai sống tại Hà Nội.

Mới hay cha mẹ đặt tên cho con hay dùng những mĩ từ mang nhiều ước vọng của đời mình nhiều khi lại là gánh nặng cho con nếu phẩm hạnh của con không đủ. Tự nhiên như cỏ cây và giản đơn là cội nguồn của cái đẹp. Nhưng ta phải hiểu rằng cụ Cháp đặt tên cho con theo tên những địa danh Đất Nước là cụ yêu con như yêu Tổ quốc vậy.

Đình Văn Cháp là một nhà nho, một trí thức uyên thâm, một cuộc đời đầy sóng gió, một tấm gương lớn vượt lên số phận bi thương để lừng lững, sáng trưng nhân cách một Con Người.



Đồng chí LÊ MAO

Cán bộ tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Nghệ An trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh

HỒNG NHUNG

Trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931, rất nhiều người con ưu tú của quê hương Bến Thủy đã đứng lên đi theo tiếng gọi của Đảng, hiến dâng cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của Nhân dân. Một trong số đó phải kể đến đồng chí Lê Mao - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Thành phố Vinh năm 1930, Bí thư Xứ Ủy Trung Kỳ tháng

4/1941. Đồng chí đã sống anh dũng, chết vẻ vang, góp phần làm rạng ngời trang sử vàng của Đảng. Tên tuổi của đồng chí Lê Mao đã trở thành niềm tự hào của quê hương Nghệ Tĩnh nói chung và của thành phố Đỏ anh hùng nói riêng, những đóng góp to lớn của đồng chí vẫn luôn sống mãi trong trái tim của mỗi người dân Xứ Nghệ, trở thành tấm gương sáng cho thế hệ trẻ trên

quê hương Xô viết anh hùng học tập, noi theo.

1. Từ người công nhân đến “ngọn cờ đầu” của phong trào công nhân Vinh - Bến Thủy

Đồng chí Lê Mao (Lê Viết Mao) sinh năm 1903 tại phố Đề Thập (nay là phường Bến Thủy), TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Bố là ông Lê Viết Nhiên (công nhân Nhà máy Diêm Bến Thủy) và mẹ là bà Nguyễn Thị Sáu (làm ruộng).

Hoàn cảnh gia đình khó khăn nên 9 tuổi, Lê Mao mới được đi học. Lên tuổi 12, bố qua đời, Lê Mao buộc phải bỏ học vào làm thợ tại Nhà máy Diêm. Tại đây cũng như bao người công nhân khác, Lê Mao phải lao động vất vả từ 12-17 tiếng mỗi ngày, dưới sự giám sát, bóc lột của bọn cai ký. Sớm hòa mình vào không khí lao động ngột ngạt trong nhà máy, dưới làn roi vọt của bọn tư bản, đốc công, công ký, Lê Mao đã thấm thía nỗi khổ của người dân nô lệ, anh thích thú trước những hành động phản kháng của anh chị em công nhân, kết bạn với những thanh niên yêu nước cùng chung chí hướng.

Năm 1921, Lê Mao cùng các bạn như Lê Viết Thuật, Nguyễn Lợi, Lê Doãn Sửu... bàn bạc với nhau cần thiết phải tổ chức một hình thức sinh hoạt tinh thần để mở mang trí óc. Các anh đã mua các tờ báo như “Tiếng Dân”, “Tân thế kỷ” để tìm hiểu phong trào cách mạng trên thế giới, biết thêm về cuộc biểu tình của Nhân dân Pháp, về sinh hoạt của anh em thợ thuyền trong nước... Anh thường đưa các loại báo đến đọc cho anh em trong xưởng nghe, những lúc rỗi rãi anh lại kể chuyện, bàn luận sôi nổi về những vấn đề mới đăng trong báo. Từng bước một, anh đã giáo dục lòng yêu nước, yêu quê hương và khát khao đấu tranh trong những người công nhân trẻ tuổi. Anh đi sâu tìm hiểu tâm tư của người công nhân, nhiệt tình giúp đỡ họ khi gặp khó khăn. Chính từ sự quan tâm đó, anh luôn được công nhân

yêu quý, coi anh như anh trai hay người thân trong gia đình.

Năm 1922, Nghệ Tĩnh trải qua nạn mất mùa, nhiều gia đình công nhân thiếu ăn, bọn tư sản đầu cơ đẩy giá lúa gạo lên gấp 3 lần. Trước hoàn cảnh đó, Lê Mao cùng nhiều công nhân rủ nhau đấu tranh đòi tăng tiền lương, hạ giá gạo khiến bọn chủ tư bản phải nhượng bộ. Từ các cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy Diêm đã cho người thanh niên yêu nước Lê Mao thấy được sự cần thiết phải đấu tranh và sức mạnh của đấu tranh tuy các cuộc đấu tranh ấy vẫn chưa đủ để thay đổi tình cảnh khổ cực của người dân mất nước.

Trong những năm 1923-1924, ý thức về tinh thần dân tộc và lòng yêu nước trong tâm hồn người thanh niên Lê Mao càng được hun đúc khi anh được tiếp thu nhiều về lịch sử nhân loại và những tấm gương yêu nước qua những buổi nói chuyện của Trần Văn Tăng và Hà Huy Tập. Một số công nhân trẻ không chịu được áp bức của bọn chủ nhà máy nên định dùng gậy đánh trả thù. Lê Mao biết chuyện đã họp số công nhân này lại, phân tích không nên manh động, anh tổ chức cho họ đấu tranh bằng hình thức cử đại diện lên gặp chủ nhà máy đòi thực hiện các yêu sách về kinh tế. Tháng 3/1925, Lê Mao cùng các bạn như Nguyễn Phúc, Nguyễn Lợi tiếp tục vận động anh em công nhân không góp tiền cho chủ Nhà máy Diêm cúng lễ “Cầu yên” như trước. Công nhân Nhà máy Diêm nhiệt liệt hưởng ứng, cuối

cùng bọn chủ phải bỏ tiền ra để cúng lễ. Thắng lợi bước đầu từ những cuộc đấu tranh này đã góp phần giác ngộ cho công nhân về tinh thần và phương pháp đấu tranh.

Tháng 7/1925, tại núi Con Mèo (Vinh - Bến Thủy), Hội Phục Việt ra đời. Đây là một tổ chức yêu nước do các nhà trí thức như Lê Huân, Trần Phú, Trần Mộng Bạch, Tôn Quang Phiệt... thành lập. Lê Mao tìm cách bắt liên lạc với các hội viên Hội Phục Việt và nhanh chóng thành lập Tiểu tổ Hội Phục Việt tại Nhà máy Diêm và làng Yên Dũng Hạ. Với bí danh là Cát, anh chịu trách nhiệm phụ trách Tiểu tổ này.

Được kết nạp vào Hội Phục Việt, Lê Mao tích cực tuyên truyền, giác ngộ quần chúng lao động tham gia các hội Tương tế, Ái hữu, giáo dục cho công nhân tinh thần hợp quần, ái quốc, lòng yêu thương đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau... Tầm hiểu biết của anh ngày càng rộng mở, chất men cách mạng được khơi dậy mạnh mẽ, với hoài bão, khát khao của tuổi trẻ, anh hăng hái say mê công tác để thực hiện ước mơ của mình. Anh tích cực phát động phong trào nói chuyện trong công nhân, phân tích cho họ hiểu về nguyên nhân của chế độ áp bức bóc lột, từ đó đưa họ đi vào con đường tranh đấu. Ngoài ra, Lê Mao còn vận động nhiều công nhân trẻ đi học chữ Quốc ngữ ban đêm tại trường Cao Xuân Dục do các thầy giáo tiến bộ trong Hội Phục Việt giảng dạy.

Đến giữa năm 1926, dưới sự lãnh đạo của các hội viên Hội Phục Việt, dân làng Yên Dũng Hạ phát đơn kiện bọn hào lý về tội tham nhũng, ức hiếp Nhân dân. Tinh thần đấu tranh của quần chúng khiến bọn hương lý phải từ chức. Nhân cơ hội đó, tổ chức đã bố trí cho Lê Mao ra tranh cử Lý trưởng và trúng cử. Với vai trò là ông Phó lý làng Yên Dũng, Lê Mao có điều kiện đi lại hoạt động dễ dàng hơn. Anh tiếp tục vào các nhà máy, xóm thợ nghèo để tuyên truyền vận động công nhân củng cố các hội nhóm, vận động công nhân đấu tranh bỏ lễ tết chủ, thay thế các cai ký gian ác... Nhờ những hoạt động đó, cơ sở của các tiểu tổ Phục Việt ngày càng lớn mạnh, công nhân thợ thuyền Vinh - Bến Thủy đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày.

Từ năm 1927 trở đi, phong trào yêu nước được thổi bùng lên trên đất Nghệ Tĩnh. Thông qua tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Chủ nghĩa Mác - Lênin như một luồng sinh khí mới thổi vào Nghệ Tĩnh. Lúc này tổ chức Hội Phục Việt có sự phân hóa lớn: số đông đổi tên và hoạt động theo đường lối của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, một bộ phận lãnh đạo hoạt động theo xu hướng cải lương. Lê Mao đứng hẳn về phía những người tích cực ủng hộ và hoạt động theo đường lối cách mạng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đồng chí say sưa công tác và nghiên cứu các tài liệu bí mật của lãnh tụ Nguyễn Ái

Quốc từ Quảng Châu - Trung Quốc gửi về và tích cực hoạt động và trở thành cán bộ cốt cán của giai cấp công nhân trong các nhà máy.

Trước sự bất bớ, giam cầm của thực dân Pháp đối với hàng loạt cán bộ, đảng viên của hai tổ chức Thanh Niên và Tân Việt. Một số đồng chí dao động trước hoàn cảnh khó khăn, Lê Mao vẫn kiên trì bám trụ, giữ vững cơ sở hoạt động tại Nhà máy Diêm. Đồng chí cùng với Nguyễn Viết Lục liên lạc với các Đảng viên Tân Việt hình thành nhóm cộng sản hoạt động trong công nhân Bến Thủy. Trong thời gian này, Lê Mao được tiếp xúc với đồng chí Nguyễn Phong Sắc và Trần Văn Cung (là hai Đảng viên của tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng được cử vào Vinh để xây dựng cơ sở ở Trung Kỳ). Từ mối liên hệ mật thiết này, Lê Mao được các đồng chí tin tưởng giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng cách mạng trong các nhà máy. Là một công nhân trưởng thành trong nhà máy, Lê Mao ra sức giúp đỡ, tạo điều kiện tốt cho các đồng chí trong đội ngũ trí thức hoạt động trong phong trào "vô sản hóa".

Sự ra đời của tổ chức Công Hội đỏ và Nông hội Đỏ ở Nghệ An cuối năm 1929 đã khẳng định những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Mao đối với phong trào công nhân, là tiền đề cho cuộc cách mạng ở Nghệ Tĩnh bước sang một giai đoạn lịch sử mới. Đây cũng chính là bước ngoặt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Mao. Từ một

người thợ, anh đã trở thành một đảng viên ưu tú của Chi bộ Nhà máy Diêm, là "ngọn cờ hồng", là "linh hồn" của phong trào công nông Vinh - Bến Thủy trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

2. Từ người chiến sĩ cộng sản kiên trung đến Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư đầu tiên của Tỉnh bộ Vinh năm 1930, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ tháng 4/1931

Ngay sau khi Đảng Cộng sản ra đời, các tổ chức cơ sở Đảng ở Nghệ Tĩnh cũng lần lượt được thành lập. Tại Nhà máy Diêm Bến Thủy, nhóm cộng sản do Lê Mao đứng đầu đã chuyển thành một chi bộ Đảng do đồng chí làm Bí thư.

Tháng 3/1930, đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Ủy viên Trung ương Đảng (nguyên Bí thư Kỳ bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Trung Kỳ) được giao nhiệm vụ phối hợp với Đông Dương Cộng sản Liên đoàn tổ chức Hội nghị bầu Ban Chấp hành lâm thời Phân cục Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trung Kỳ (tức Xứ ủy Trung Kỳ). Đồng chí Lê Mao là một trong những đại biểu được mời đi dự Hội nghị và được cử làm Ủy viên Thường trực của Phân cục Trung Kỳ, phụ trách phong trào công nhân.

Sau khi được thành lập, Xứ ủy Trung Kỳ đã chỉ định ra 2 Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tại Nghệ An bao gồm: Tỉnh bộ Vinh và Tỉnh bộ Nghệ An. Đồng chí Lê Mao phụ trách Tỉnh bộ Vinh (bao gồm

Vinh - Bến Thủy, huyện Nghi Lộc, Hưng Nguyên và Thị xã Thanh Hóa).

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh bộ Vinh, đứng đầu là đồng chí Lê Mao, các chi bộ cộng sản nhanh chóng được thành lập từ trong các nhà máy đến các vùng nông thôn khắp hai tỉnh Nghệ - Tĩnh. Chỉ trong khoảng 2 tháng vận động, tổ chức, đồng chí Lê Mao đã xây dựng được nhiều chi bộ như: Chi bộ Yên Dũng Thượng, Lộc Đa, Đức Thịnh, Yên Lưu, Đức Quang, Yên Đại, Trường Quốc học Vinh...

Bên cạnh đó, đồng chí Lê Mao còn đi sâu vào từng nhà máy để xây dựng cơ sở đảng, cơ sở quần chúng, tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục, tổ chức cho công nhân vào Công hội Đỏ.

Ngày 19/4/1930, Lê Mao đã lãnh đạo Chi bộ Nhà máy Diêm vận động hơn 400 công nhân đình công, đòi chủ nhà máy phải thực hiện các yêu sách như tăng lương, giảm giờ làm, tự do lập hội... Đây là một trong ba cuộc đấu tranh lớn của công nhân nước ta sau khi Đảng ra đời, tạo nên bước chuyển biến quan trọng cổ vũ tinh thần cho quần chúng nhân dân Nghệ Tĩnh bước vào thời kỳ đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Ngày 20/4/1930, đồng chí Lê Mao và đồng chí Nguyễn Phong Sắc triệu tập cuộc họp mở rộng tại nhà đồng chí Nguyễn Phúc (Yên Dũng Hạ), phổ biến tình hình nhiệm vụ

và phát động phong trào đấu tranh nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1930. Đây là cuộc đấu tranh mở đầu cho phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, do đồng chí Lê Mao trực tiếp lãnh đạo.

Được chuẩn bị chu đáo từ trước, sáng ngày 1/5/1930, khoảng 1.200 nông dân các làng Yên Dũng, Lộc Đa, Đức Thịnh (thuộc Hưng Nguyên), An Hậu, Đức Hậu (thuộc Nghi Lộc) biểu tình kéo về TP. Vinh phối hợp với công nhân các nhà máy đấu tranh đòi thực dân Pháp phải thực hiện các yêu sách như: tăng lương, giảm sưu thuế, ngày làm 8 giờ... Đoàn biểu tình không trang bị vũ khí, chỉ kéo cờ búa liềm và chửi bới, hàng ngũ chỉnh tề, vừa đi vừa hát vang Quốc tế ca. Công sứ Pháp ở Vinh đã huy động lính canh gác, bảo vệ các nhà máy và sai Tri phủ Hưng Nguyên đưa lính đến ngăn cản, nhưng binh lính đã không bắn vào quần chúng và đoàn biểu tình vẫn tiến về phía cổng Nhà máy Trường Thi. Công nhân trong Nhà máy bị vây hãm. Chỉ có công nhân ở ngoài nhà máy nhập vào đoàn biểu tình và cùng kéo về Bến Thủy. Tại đây, thực dân Pháp đã bắn vào đoàn biểu tình khiến 6 người chết, 18 người bị thương. Nét nổi bật của cuộc biểu tình ngày 01/5/1930 ở Vinh - Bến Thủy là: *"Lần đầu trong lịch sử cách mạng xứ ta, công - nông - binh bắt tay nhau giữa trận tiền."*

Với cuộc biểu tình ngày 1/5/1930 của công nông Vinh - Bến Thủy dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Mao, Bến

Thủy trở thành nơi đứng đầu dậy trước, nêu tấm gương sáng về tinh thần quả cảm cho công nông cả nước noi theo. Máu của dân cày thợ thuyền hòa với máu của Nhân dân Nghệ - Tĩnh tô thắm lá cờ cách mạng của Đảng ta. Ngã Ba Bến Thủy, Cồn Mô, Làng Yên Dũng đã viết tiếp những trang sử vẻ vang của quê hương, mãi mãi là niềm tự hào của Nhân dân trên thành phố Đỏ.

Sau cuộc biểu tình lịch sử này, Lê Mao cùng với Xứ ủy Trung Kỳ phát lời kêu gọi các tầng lớp thợ thuyền, dân cày, binh lính, thanh niên, học sinh theo gương hy sinh của dân cày Nghệ An đứng lên tổ chức biểu tình, bãi công, bãi khóa để phản đối vụ bắn giết quần chúng ở Bến Thủy, phản đối đem binh lính về đàn áp các cuộc bãi công, tuần hành...

Ở khu công nghiệp Bến Thủy, nơi đồng chí Lê Mao phụ trách, công nhân của hàng loạt các nhà máy Diêm, Cưa, Điện, Trường Thi, công nhân khuôn vác ở Cảng Bến Thủy... liên tiếp đình công. Trong những ngày sục sôi khí thế cách mạng, đồng chí Lê Mao liên tục bám sát vùng Bến Thủy, trực tiếp chỉ đạo từng cuộc đấu tranh. Sự có mặt của đồng chí đã đảm bảo cho phong trào đấu tranh của công nhân đi đúng hướng, tiếp thêm sức mạnh tinh thần cho họ trong các cuộc đấu tranh đối mặt với kẻ thù.

Sau cuộc đấu tranh của công nông Vinh - Bến Thủy và cuộc đấu tranh của học sinh trường Pháp - Việt cùng

3.000 nông dân huyện Thanh Chương phá đồn điền Ký Viễn, phong trào đấu tranh ở Nghệ - Tĩnh như vết dầu loang ra các địa phương từ Nghệ An sang Hà Tĩnh với sự ra đời của chính quyền Xô viết. Các Xã Bộ Nông lên nắm chính quyền, điều hành mọi hoạt động của làng xã và thực hiện nhiều chính sách có lợi cho quần chúng nhân dân.

Cuối tháng 9/1930, đồng chí Lê Mao được Xứ ủy Trung Kỳ cử đi dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất tại Hương Cảng, Trung Quốc. Tại Hội nghị, đồng chí đã báo cáo với Trung ương Đảng những thành tích của Đảng bộ Trung Kỳ, những thắng lợi của Xô viết Nghệ Tĩnh và đề ra những giải pháp nhằm củng cố, duy trì phát triển các tổ chức cơ sở Đảng, duy trì phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân trước những âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Đồng chí luôn tranh thủ thời gian để học tập, lĩnh hội thêm kiến thức và tiếp thu những quan điểm cơ bản của “Luận cương chính trị” và những Nghị quyết mới của Đảng. Tại Hội nghị này, đồng chí được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trở về quê hương, Lê Mao đã cùng với Nguyễn Phong Sắc đã triệu tập Hội nghị mở

rộng của Chấp ủy Trung Kỳ để thảo luận bản “Luận cương chính trị” của Đảng, truyền đạt lại tinh thần Hội nghị và những chủ trương mới của Đảng. Đồng chí Lê Mao và Nguyễn Phong Sắc trở thành hai cán bộ chủ chốt của Xứ ủy Trung Kỳ.

Tháng 4/1931, Lê Mao với Nguyễn Phong Sắc tiếp tục vào Sài Gòn dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai. Đồng chí đã đóng góp nhiều ý kiến vào Nghị quyết mới của Đảng. Tại Hội nghị này, cả hai đồng chí đều được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Cuối tháng 4/1931, Xứ ủy Trung Kỳ triệu tập Hội nghị để chấn chỉnh tổ chức Đảng và bàn kế hoạch tổ chức phong trào đấu tranh giữ vững chính quyền Xô viết. Sau Hội nghị, đồng chí Nguyễn Phong Sắc được điều ra Trung ương, đồng chí Lê Mao được phân công làm Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy và đồng chí Lê Mao, trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 01/5/1931, phong trào đấu tranh của công nông Nghệ - Tĩnh ở vùng Bến Thủy lại bùng lên mạnh mẽ. Trên đường đi công tác, đồng chí Lê Mao đã anh dũng hy sinh tại khu vực Bến phà 6 - bên bờ phía Bắc của dòng sông Lam.

Hy sinh khi vừa bước sang tuổi 28 tràn đầy nhiệt huyết cách mạng, đồng chí Lê Mao - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Thành phố Vinh năm 1930, Bí thư Xứ Ủy Trung Kỳ tháng 4/1931, đã để lại niềm tiếc thương vô hạn cho anh em đồng chí và quần chúng nhân dân trên quê hương Bến Thủy anh hùng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí tuy không dài nhưng rất oanh liệt và có nhiều đóng góp to lớn cho phong trào công nhân, phong trào cách mạng ở Nghệ Tĩnh và Xứ ủy Trung Kỳ.

Những bài học đồng chí Lê Mao để lại về công tác tổ chức, vận động quần chúng, xây dựng Đảng, tinh thần nhân ái, lấy dân làm gốc để phát động phong trào cách mạng... qua thực tiễn sinh động của cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh vẫn còn nguyên giá trị đối với Đảng ta cũng như Đảng bộ Nghệ An trong việc lãnh đạo đất nước, quê hương đi đúng con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Tấm gương về phẩm chất đạo đức cách mạng, về năng lực học tập và hoạt động thực tiễn của đồng chí Lê Mao, luôn sáng mãi trong lòng đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân - đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

Tài liệu tham khảo:

- Lịch sử Đảng bộ phường Bến Thủy (1930-2015), Nxb Nghệ An, 2015
- Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Nghệ An (1930-1954) Tập 1, Nxb Nghệ An, 2019
- Nghệ An những người con tiêu biểu (1930-1975) tập 1, Nxb Nghệ An, 2019

Thể loại sân khấu Kịch hát Dân ca Nghệ Tĩnh đương đại

PHẠM DUY KHUÊ



Một cảnh trong vở diễn: “Cánh cò trong bão” của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An - Ảnh: Phong Hồ

LÀ MỘT THỂ LOẠI SÂN KHẤU KỊCH HÁT DÂN TỘC CÒN RẤT TRẺ, TỪ KHI SINH RA TỚI NAY, MỚI TRÊN DƯỚI NĂM MƯƠI TUỔI ĐỜI, NHƯNG KỊCH HÁT DÂN CA LUÔN ĐÚNG Ở VỊ TRÍ TIỀN PHONG VÀ BỀN VỮNG TRONG VIỆC BẢO TỒN, PHÁT HUY, BỔ SUNG VÀ PHÁT TRIỂN DÂN CA VÍ, GIẢM NGHỆ TĨNH; ĐỒNG THỜI, MỘT MẶT, TIẾP BIẾN CÁC THỂ LOẠI SÂN KHẤU KỊCH HÁT DÂN TỘC; MẶT KHÁC, NGHIÊN CỨU, TIẾP NHẬN SÂN KHẤU HỌC ĐƯƠNG ĐẠI THẾ GIỚI ĐỂ LUÔN HOÀN THIÊN BẢN THÂN MÌNH LÀ MỘT THỂ LOẠI SÂN KHẤU KỊCH HÁT DÂN TỘC VIỆT NAM, KHÔNG NGỪNG THỬ NGHIỆM, PHÁT TRIỂN TRÊN NHỮNG TẦM CAO MỚI. VÀ CHÍNH KỊCH HÁT DÂN CA NGHỆ TĨNH ĐÃ TỰ NGUYỆN NHẬN TRÁCH NHIỆM LÀ TRUNG TÂM BẢO TỒN, PHÁT HUY, PHÁT TRIỂN DI SẢN DÂN CA NGHỆ TĨNH.

Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống trong đại gia đình Tổ quốc Việt Nam, mỗi dân tộc đều có kho tàng dân ca của riêng mình; đồng thời, ở mỗi vùng, miền khác nhau, dấu cùng một dân tộc, nhưng lại có những làn điệu dân ca mang dấu ấn của vùng, miền cụ thể ấy. Bởi vậy, chỉ riêng nghiên cứu về phương diện văn bản học thôi, đã vô cùng phức tạp rồi; chưa kể đến mặt thứ hai của một làn điệu, đó là *diễn xướng bài bản dân ca*. “Nghiên cứu một làn điệu dân ca ta phải tiếp xúc với lời và nhạc... sự tiếp xúc sẽ không đầy đủ nếu bỏ qua việc xem xét cách tổ chức hát, cách ăn mặc, những phong tục kèm theo...” [1. Tr. 224]. Nên có thể xác định rằng, *diễn xướng* là “cái có sau”, nhưng lại là xuất phát điểm của văn nghệ dân gian, nói chung, dân ca, nói riêng. Trong *diễn xướng* bài bản dân ca, mới thấy rõ tính thống nhất và tính phức tạp của nó ở ba phương diện: sinh hoạt thực tiễn, chiếm lĩnh (tâm hồn) tinh thần và “trình diễn nghệ thuật”. Nếu dân ca, không có *diễn xướng*, thì văn thơ, nhạc, múa, diễn xuất... không thể xuất hiện. PGS.TS. Đặng Văn Lung nêu ra định nghĩa rằng: “*Diễn xướng* là sự tách bài bản ra

khỏi người sáng tác, làm cho bài bản mất tính cá thể, cá nhân, làm cho nó từ nay mang tính tập thể của Nhân dân và biến nó thành tài sản chung. Sự làm nảy sinh và tích lũy bài bản như vậy là tiền đề và là điểm xuất phát của văn nghệ dân gian và thuộc về cái gọi là *Vốn văn nghệ truyền thống*. Hoạt động văn nghệ dân gian thường xuyên tách tác phẩm ra khỏi người sáng tác và biến thành tác phẩm chung như thế, nên số vốn văn nghệ truyền thống ngày càng nhiều, càng ngày càng trở nên một kho tàng đồ sộ” [1. Tr. 226]. Thế nghĩa là bài bản làn điệu dân ca là cái có trước và diễn xướng là cái có sau, biến nó thành sản phẩm nghệ thuật đem đến cho công chúng hưởng thụ. Vì thế, có thể xác định rằng: Dân ca nói chung, một làn điệu dân ca, nói riêng, là một quá trình sáng tạo nghệ thuật gồm năm khâu: bài bản, diễn xướng, thưởng thức, sáng tạo, sửa chữa, bổ sung và hiệu quả nghệ thuật. Song, cả năm khâu này đều phát triển liên tục và đến lúc nào đó sẽ hình thành một qui trình mới, tương đối ổn định của một làn điệu. Tuy nhiên, bốn trong năm khâu của quy trình mới có thể ổn định tương đối, nhưng khâu diễn xướng vẫn có thể hiển thị đa dạng và luôn mới.

Dân ca Nghệ - Tĩnh, không biết sinh ra từ thuở nào; kho tàng ấy, mỗi ngày càng nhiều thêm, nhưng vẫn có đầy đủ những phẩm chất và “tinh huống” dân ca nêu trên. Chỉ có khác là, trong kho tàng dân ca Nghệ - Tĩnh có nhiều làn điệu khác nhau, nhưng đặc biệt có những làn điệu qui tụ một cách tự nhiên vào hai dòng: Ví và Giặm là “hai đứa con sinh đôi” của cảm hứng, cảm thức, suy cảm và hoạt động tâm linh (tâm tình, trí tuệ) ngàn đời của người Nghệ - Tĩnh. Đồng thời, cũng là tấm gương phản chiếu bốn cõi (cõi trời, cõi đất, cõi nhân gian, cõi vĩnh hằng) và bốn chiều của mỗi cõi (quá khứ, hiện tại, tương lai và tâm linh, mà tâm linh là chiều bao trùm của cả bốn chiều); hiện thân của chủ nghĩa hiện thực “tam nông” của miền quê Nghệ - Tĩnh - vùng đất địa linh, nhân kiệt và minh triết thi ca. Nền dân ca ấy thuần khiết phẩm chất bốn cõi: Văn hóa tài nguyên, văn hóa vật chất, văn hóa cơ chế, văn hóa tâm thức của vùng Nghệ - Tĩnh, nhiễm sâu sắc giọng điệu, ký hiệu phương ngữ của các thể hệ người Nghệ

- Tĩnh, cùng với cách thức suy cảm của họ, hiện thân của cái “tiểu dị” trong cái “đại đồng” của suy cảm dân tộc Việt.

Nhìn chung, mọi làn điệu dân ca đều có thể *diễn xướng*; nhưng không phải bất cứ “dòng” dân ca nào cũng đều có thể *sân khấu hóa* thành thể loại sân khấu kịch hát dân tộc. Sở dĩ dân ca Nghệ - Tĩnh đã có thể thực hiện *sân khấu hóa* thành một thể loại kịch hát dân tộc được, vì nó có những đặc trưng căn cốt sau:

1. Tính chất hội thoại - giao tiếp, ứng xử, đối ca thường nhật giữa người với người, giữa người với chính bản thân mình, giữa người với thế giới xung quanh, theo nguyên lý “tức cảnh sinh tình”, lấy mây tả trăng, lấy nước tả trời, lấy ảo tả thật,... biểu hiện rõ tính chất đối thoại và đối sánh.

2. Trong mỗi làn điệu dân ca đều nhiễm sâu sắc *tính kịch*, ở cả ba cấp độ: tương sinh, tương khắc (mâu thuẫn), tương triệt (xung đột):

“Giận thì giận, thương thì thương,

Giận lại càng giận, mà thương cũng thật nhiều!”

3. Lời và nhạc (tiết tấu - tempo, tốc độ - ritme của mỗi làn điệu) đều hàm chứa rõ nét tính *hành động*, trong âm nhạc và ca từ của mỗi làn điệu, nhất là hành động trữ tình:

“Chặt đôi câu thơ, bẻ đôi câu thơ,

Tôi làm mái chèo lướt sóng,

Đưa tôi về với người tôi yêu,...” (An Thuyên)

4. Tính chất đơn nhất vùng miền tạo sinh phẩm chất văn hóa riêng có của không gian dân ca Ví, Giặm Nghệ - Tĩnh:

“Nước biếc non xanh, đường quanh quanh xứ Nghệ”.

“Gừng cay, muối mặn, tiếng nói nó giống ai”.

5. Đa dạng đời sống tâm linh - ảo mà thật; bởi phần lớn các làn điệu dân ca gắn liền với đời sống tâm linh nơi các mối quan hệ người, quan hệ với tự nhiên trong *lao động* tín ngưỡng và khát vọng sống đầy nhân ái cao cả.

6. Tính sân khấu rõ nét: Các làn điệu dân ca Nghệ - Tĩnh cổ truyền tuy chưa nhiều, nhưng đa dạng về nội dung; đặc biệt là sự phong phú, nhiều chiều của tính *diễn xướng*. Nếu tính sân khấu là sự tự biểu hiện của mọi sự vật, được tổ chức lại trong không gian, thời gian nhất định, nhằm bộc lộ một ý, tình, tư tưởng, văn

hóa ứng xử nhất định ...; trong đó, có dụng ý nhấn mạnh, đặc tả, đột xuất một sự việc, một hiện tượng nào đó, con người có thể cảm thấy được, trông thấy và nghe thấy được và được khơi gợi, kích thích trí tưởng tượng sáng tạo nơi họ, đó là tính sân khấu. Tính sân khấu của bất kỳ sự vật nào cũng đều thấm nhiễm tính thẩm mỹ và tính triết học. Bản thân mỗi làn điệu dân ca Nghệ - Tĩnh đều hàm chứa sâu sắc tính *diễn xướng*. Và tính *diễn xướng* ấy chính là một dạng căn cốt của tính sân khấu.

Với sáu đặc trưng này, các làn điệu dân ca đủ sức miêu tả, biểu cảm, phản ánh những vấn đề căn cốt của hiện thực đời sống đương đại và những câu chuyện lịch sử, dã sử, thần thoại, cổ tích,... Trong khi, những thập niên sáu, bảy mươi của thế kỷ XX, Nghệ - Tĩnh có cả một đội ngũ trí thức văn, nghệ sĩ xuất sắc như: Trung Phong, Phạm Văn Giá, Hồ Hữu Thới, Phan Lương Hào, Vi Phong, Vũ Hải, Đình Bảo, Ngô Xuân Huyền, Thanh Lưu, Văn Thế... Họ đã nghiên cứu các thể loại kịch hát dân tộc, đặc biệt trong đó là Kịch nói, Chèo truyền thống và những vở Chèo thành công phản ánh hiện thực cách mạng và kháng chiến. Bước đầu sáng tác những hoạt cảnh, những vở ngắn về “người tốt, việc tốt”, phục vụ kịp thời,... Đến năm 1970, Đoàn Chèo Nghệ An tham gia Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp với vở Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh *Không phải tôi*, kịch bản của tác giả Nguyễn Trung Giáp, được giải thưởng Huy chương Vàng. Thực tế ấy đã khẳng định: Dân ca Nghệ - Tĩnh có thể “sân khấu hóa” thành một thể loại kịch hát dân tộc. Căn cứ thực tế và khoa học ấy trở thành cơ sở chắc chắn cho Đội thể nghiệm Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh ra đời (một đơn vị nghệ thuật sân khấu độc lập, tách khỏi Đoàn Chèo Nghệ An). Kể từ năm 1972, Đội Kịch hát Dân ca liên tục xây dựng các vở diễn thể nghiệm (trong đó có cả các vở diễn thử nghiệm, thí nghiệm,...). Tới 30 năm, đã có trên 40 vở diễn thể nghiệm, do nhiều đạo diễn “có hạng” của Trung ương và địa phương tâm huyết với *diễn xướng dân ca Nghệ - Tĩnh* và đồng khí tương cầu với anh chị em nghệ sĩ Nghệ - Tĩnh dàn dựng, mong “tìm ra” những yếu tố căn bản nhằm khẳng định tính thể loại sân khấu của dân ca Nghệ - Tĩnh. “Sau thắng lợi của vở



Một cảnh trong vở diễn “Vàng Sáng” của Đoàn Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An. Ảnh: Phong Hồ

Mai Thúc Loan (Kịch bản của Phan Lương Hào, được tặng Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp khu vực 4, tại thành phố Vinh, năm 1985), dân ca Nghệ - Tĩnh đã được giới sân khấu cả nước công nhận, trở thành một bộ môn sân khấu mới “*Kịch hát dân ca*”. Nhiều vở diễn có quy mô hoành tráng lại được tiếp tục dàn dựng thể nghiệm” [2. Tr. 16] và được công diễn phục vụ Nhân dân. Thời gian sau đó, nhất là từ khi Đội Kịch hát dân ca phát triển và trưởng thành Đoàn Kịch hát dân ca Nghệ An, thì mặc nhiên, Nhân dân Nghệ - Tĩnh, giới sân khấu trong cả nước,... coi Kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh một thể loại sân khấu như mọi thể loại sân khấu kịch hát dân tộc, đã có những vở diễn hay. Điều thú vị nhất ở thể loại này là nó không chỉ cập nhật những vấn đề của hiện thực đời sống đương đại, mà còn nhập cuộc vào cả những đề tài lịch sử, dã sử, thần thoại, cổ tích,...; đặc biệt là “đeo đuổi” một cách thâu đáo tất cả các thể tài: bi kịch, hài kịch và chính kịch như bất cứ một thể loại sân khấu lâu năm nào. Tới nay, tuy chưa có được một đội ngũ tác giả, đạo diễn, họa sĩ, biên đạo, nhạc sĩ ... chuyên nghiệp của riêng mình; dẫu “ăn đông”, nhưng Kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh đã chuyển thể, sáng tác, xây dựng được không dưới 70 vở diễn, gần đây là vở diễn “*Vàng sáng*”, về đề tài đương đại (chống tham nhũng, tiêu cực - lợi ích nhóm), do VTV1, đài Truyền hình Việt Nam phát sóng, lúc 15 giờ,

ngày 5/6/2023). Dẫu còn chỗ này, chỗ kia chưa kịp đào tạo, chưa thể đồng bộ, nhưng không thể không thừa nhận Kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh đã là một thể loại sân khấu kịch hát dân tộc, có *phương pháp thể loại* rõ ràng.

Nếu phương pháp thể loại của Tuồng là “*Hiện thực tả thần*” và phương pháp thể loại của Chèo là “*Hiện thực tả ý*”, thì phương pháp thể loại của Kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh là “*Hiện thực tả chân*”.

Hệ thống những nguyên tắc cấu thành phương pháp *Hiện thực tả chân*:

1. Nguyên tắc tái tạo hiện thực: Phương pháp *Hiện thực tả chân*, phản ánh đời sống, không phải là mô phỏng hiện thực như cách “soi gương đời sống”, lệ vào “sự thật”; cũng không tái hiện hiện thực; mà nâng cao nội dung vấn đề hiện thực, xây dựng nên đời sống những con người - nhân vật đạt đến những tầm cao của sự điển hình; đồng thời tìm ra, sáng tạo ra những hình thức mới để mang tải nội dung “mới” của đời sống nhân vật. Tái tạo hiện thực, đó là quá trình thay đổi, đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung và hình thức vấn đề hiện thực được phản ánh, không còn dấu tích của sự “viết tô” hiện thực nữa. Sự cấu tạo lại nội dung, hình thức vấn đề hiện thực được phản ánh là nhằm bộc lộ tốt nhất bản chất vấn đề hiện thực, để đạt được ý đồ tư tưởng, nghệ thuật mà tập thể nghệ sĩ mong muốn.

2. Nếu nguyên tắc *tự sự* của Chèo truyền thống là lấy nhân vật để kể “*tích*” (câu chuyện); thì nguyên tắc *tự sự* của phương pháp *Hiện thực tả chân* là lấy “*tích*” để khám phá, phát hiện đời sống nội tâm (trong đó có cả những trạng thái tâm linh) và đời sống sinh học của nhân vật. Bởi vậy, *tự sự của phương pháp Hiện thực tả chân là diễn kể tính, kể tình, kể sự việc, kể hoàn cảnh, kể hành động, kể quan hệ, kể hiện tình xung khắc, kể tình huống ...* trong quá trình phát triển lịch sử cụ thể, thăng - trầm của cuộc đời nhân vật, thông qua những trò diễn của các thành phần nghệ thuật và các yếu tố kỹ thuật - công nghệ cùng tham gia xây dựng vở diễn, trong đó nghệ thuật biểu diễn của diễn viên đóng vai là trung tâm.

3. Nguyên tắc ước lệ: Chỉ miêu tả cuộc đời nhân vật trung tâm, nhân vật chính,... tại những điểm “*đặc định*” - bước ngoặt, bước nhảy vọt vượt lên hoàn cảnh, vượt lên số phận của nhân

vật, mà không miêu tả toàn bộ tỉ mỉ, chi tiết trong suốt toàn bộ quá trình sống đời người của nhân vật như trong tiểu thuyết. Ước lệ của phương pháp *Hiện thực tả chân* thường áp dụng các biện pháp: quy ước là thể; đối xứng, đối tỉ, đăng đối lệch, hoặc tỉ lệ nghịch trong phân số học (Hòn bắc ném đi, hòn chì ném lại; “Ăn một quả khế, trả một ngàn vàng,...”).

4. Nguyên tắc *lạ hóa*: *Hiện thực tả chân* - phương pháp thể loại của Kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh phản ánh chân thực hiện thực, nghĩa là vấn đề đời sống được tác giả nhận thức, được cảm hứng sáng tạo của nghệ sĩ, cùng với tư duy hình tượng của anh ta nhào nặn một cách hưng phấn theo một ý đồ tư tưởng và nghệ thuật nhất định, theo quy luật khái quát hóa và cụ thể hóa, trừu tượng hóa và điển hình hóa,...; tạo nên nội dung mới - *lạ mà quen*, cùng với hình thức chuyển tải cái nội dung lạ mà quen ấy là những *mảnh trò*. Tất cả nội dung và hình thức ấy đều được nhiễm sâu sắc lý tưởng thẩm mỹ, phẩm chất nghệ thuật, suy cảm khái quát hóa và điển hình hóa...nên nó không thể tương ứng với sự thật ban đầu (của hiện thực đời sống) nữa. Quá trình tái tạo chân thực nội dung vấn đề hiện thực ấy, cũng chính là quá trình nghệ thuật hóa hay *lạ hóa* cả nội dung và hình thức vấn đề đời sống được phản ánh trong kịch bản và vở diễn.

5. Nguyên tắc *cách điệu hóa*: Bản thân các làn điệu dân ca đã là kết quả của những quá trình *cách điệu hóa* - thơ hóa, nhạc hóa, thanh nhạc hóa, biểu diễn hóa,... trong những không gian văn hóa cụ thể của chúng. Rồi khi, dân ca được sân khấu hóa thành một thể loại sân khấu kịch hát, thì các làn điệu dân ca được sử dụng để thể hiện nội dung vở diễn, lúc đó, các làn điệu dân ca trở thành bộ phận *ngôn ngữ* cần cốt nhất để thể hiện toàn bộ nội dung đời sống của các nhân vật,... Để tương thích với các làn điệu dân ca, các loại hình, loại thể nghệ thuật cùng tham gia sáng tạo, xây dựng vở diễn, cũng đều phải thực hiện cách điệu hóa cho ngang tầm với các làn điệu dân ca. Ví dụ: lời kịch, ngoài các làn điệu hát, lời đối thoại phải được viết thành thơ, văn vần, hoặc ca dao,..., các nhân vật trong vở diễn, trên sân khấu giao lưu với nhau bằng những câu nói lối, nói vần, nói cách, ngâm,

vinh, via,...; tương tự như vậy, hành động hình thể của các nhân vật phải cách điệu hóa thành múa hoặc “Á múa”. Cách điệu hóa còn gọi là thẩm mỹ hóa, nghệ thuật hóa ngôn ngữ kịch hát dân ca.

6. *Nguyên tắc ẩn dụ hóa*: Ẩn dụ “Còn gọi là “ví ngầm”..., nằm trong phạm trù so sánh, nhưng ở mức độ nghệ thuật cao hơn, không còn về bị so sánh, chỉ còn về đem ra so sánh, gây một tác dụng liên tưởng kín đáo hơn. Ẩn dụ không mang chức năng định danh mà là biểu cảm:

“Thuyền về có nhớ bến chăng,

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”. (ca dao)

“Có một loại ẩn dụ đặc biệt gọi là ẩn dụ bổ sung”, mà trong kịch hát dân ca Nghệ - Tĩnh hay dùng. Thực hiện loại ẩn dụ này “bằng sự chuyển đổi cảm giác, bởi vì “Mùi hương, màu sắc và âm thanh tương giao cùng nhau” (Bôđole) [3. Tr. 43].

7. *Nguyên tắc đối - sánh* (so sánh đối chiếu lẫn nhau): Đặt hai nét tính cách, hai hiện tượng, hai sự việc, hai tình huống, v.v... đối nghịch lẫn nhau nhằm tạo nên sự so sánh, đối chiếu giữa chúng với nhau, đặt luôn luôn tạo nên tính kịch trong cấp độ tương khắc - đối chọi lẫn nhau.

8. *Nguyên tắc giả định*: Tất cả những gì diễn ra trên sân khấu kịch hát dân ca đều do sự thật đời sống “khúc xạ” vào suy cảm của nghệ sĩ mà tạo nên, chúng không phải là thật nhưng sự giả định là như thế - hiện thân của đời sống, còn thật hơn cả sự thật. “Sự thật giả định” này là hiện thân của tính gợi tưởng sâu rộng, nhiệm sâu sắc những phẩm chất thẩm mỹ (tính thể tài), chất thơ và tính triết học đời sống. Bởi vậy, bất cứ một sự giả định nào xuất hiện trong vở diễn trên sân khấu kịch hát dân ca đều là những tín hiệu ngôn ngữ giàu sức miêu tả, sức biểu cảm, sự gợi tưởng và tính chân thực.

9. *Nguyên tắc thật mà ảo - ảo mà thật*: Không phải đợi đến cuộc cách mạng công nghệ 4.0, nguyên tắc “thật mà ảo - ảo mà thật” mới hiện hữu, mà nó đã xuất hiện trong sáng tạo văn học, nghệ

thuật từ thời cổ đại, đó là tính “hư cấu”. Chẳng hạn, vở bi kịch “Prômê-tê bị xiềng” của Etsylơ (525 - 456 trước CN) ở cổ đại Hy Lạp, Prômê-tê đã lấy trộm lửa của Zốt (vị chúa tể của các thần) đem cho loài người (“Để bảo vệ loài người, bảo vệ công lý và văn minh. Mặc dù bị xiềng xích trên đỉnh núi hàng vạn năm Prômê-tê vẫn hiên ngang chịu đựng”). Đây là câu chuyện hoàn toàn “ảo”, nhưng biết bao con người hy sinh để đem lại văn minh cho thời đại là có thật. Bức tranh dân gian - Hàng Trống: “*Lý ngư vọng nguyệt*” (Cá chép đón trăng) vừa thật, vừa ảo,... Trong các làn điệu dân ca Nghệ - Tĩnh, yếu tố ảo và thật luôn hiện hữu trong mỗi làn điệu. Khi dân ca được sân khấu hóa thành thể loại sân khấu kịch hát, yếu tố ảo và thật vẫn còn nguyên giá trị và trở thành một nguyên tắc sáng tác của mọi thành phần nghệ thuật và các yếu tố kỹ thuật tham gia xây dựng vở diễn Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh.

Trải qua nửa thế kỷ ra đời, trải nghiệm (thí nghiệm, thử nghiệm, thể nghiệm và độc lập sáng tạo), Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh đã phát triển, trưởng thành và khẳng định là một thể loại sân khấu dân tộc, có phương pháp thể loại nghệ thuật riêng với đầy đủ những nguyên tắc sáng sáng tạo có tính sân khấu học ổn định. Tới nay, tuy chưa có được một đội ngũ nghệ sĩ chuyên nghiệp Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh đồng bộ (từ tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên trẻ, nhạc sĩ, họa sĩ, biên đạo múa, đạo diễn ánh sáng, tiếng động,... và những người làm công tác nghiên cứu lý luận, phê bình,...); nhưng không vì thế mà bảo rằng nó chưa phải là một thể loại sân khấu. Để có thêm nhiều tác phẩm nghệ thuật Kịch hát Dân ca Nghệ - Tĩnh hay hơn, hấp dẫn hơn góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hóa trỗi người của đất nước, nhất định phải khẩn trương tiến hành “công cuộc” đào tạo, không nên để chậm hơn nữa. Trách nhiệm này, thuộc về cả hệ thống chính trị của tỉnh Nghệ An, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Lung: “Từ hoa văn trống đồng nghi về văn nghệ dân gian”. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội 1997.
2. Viện Sân khấu và Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An: “30 năm sân khấu hóa dân ca Nghệ - Tĩnh” (Kỷ yếu Hội thảo). Nxb. Sân khấu.
3. Từ điển Văn học. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1983.

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
UBND TỈNH NGHỆ AN - UBND TỈNH HÀ TĨNH

DÂN CA VÍ, GIẶM
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ ĐẠI DIỆN CỦA NHÂN LOẠI



Năm 2014, dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO ghi danh
là di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại. Ảnh Mạnh Hà

SÂN KHẤU HÓA DÂN CA NGHỆ TĨNH chặng đường 50 năm gây dựng và phát triển

ĐINH TRÍ DŨNG

1 Dân ca Nghệ Tĩnh có nhiều làn điệu, trước hết phải kể đến Ví, Giặm. Trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, một số làn điệu được du nhập và được Nghệ hóa như hát ru, ca trù, hát xẩm... Tuy có nhiều làn điệu khác nhau, thể hiện sự phong phú đa dạng nhưng các làn điệu lại có nét chung tạo nên bản sắc của một vùng miền, thể hiện những tâm tư, tình cảm, cảm xúc của người dân sống trên một miền quê nghèo khó, thiên nhiên khắc nghiệt nhưng cũng là nơi con người luôn thể hiện sức sống mãnh liệt, tình cảm yêu thương sâu lắng, đậm đà. Đặc biệt, dân ca Nghệ

Tĩnh có làn điệu có thể dùng để đối đáp, vừa có khả năng tự sự và trữ tình, có khả năng sân khấu hóa, có sức truyền cảm mạnh mẽ, sâu sắc, thể hiện được các cung bậc tình cảm phong phú, phức tạp của con người. Các làn điệu lại có thể kết hợp, bổ sung cho nhau: nếu các điệu hò có tiết tấu sôi nổi, khỏe khoắn thì các điệu ví lại mềm mại, tha thiết, các điệu giặm có khả năng kể lể, khuyên răn pha hài hước, dí dỏm. Nhận thấy khả năng dồi dào của dân ca Nghệ Tĩnh, nhiều thế hệ các nhà văn hóa, nhạc sĩ, nghệ sĩ, nghệ nhân... đã đóng góp nhiều công sức, từng bước sân khấu hóa dân ca, sáng

tạo nên một đặc sản độc đáo ngày càng được công chúng hoan nghênh, đón nhận là kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh. Kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh cho đến nay đã trải qua chặng đường 50 năm (1973-2023). Đó là chặng đường đi từ những thử nghiệm ban đầu đến những thành công, đóng góp đáng ghi nhận như ngày hôm nay.

2. Trước hết phải khẳng định rằng Ví, Giặm - bộ phận quan trọng nhất của dân ca Nghệ Tĩnh rất giàu cổ, phong phú, lại thuộc loại cấu trúc mở nên từ những "lời gốc" đã được nhiều thế hệ nối tiếp, bổ sung bằng những nội dung mới, lời mới. Theo thống kê của tác giả Thanh Lưu, trong quá trình thể nghiệm sân khấu hóa dân ca đã xuất hiện "gần 200 bài/ bản đã in ấn vào các tập bản phổ"¹. Để có được ý tưởng về sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh, trước hết phải ghi công đầu của nhiều học giả, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đã bỏ công sức sưu tầm, bảo tồn, nghiên cứu văn học dân gian nói chung, dân ca Nghệ Tĩnh nói riêng: Nguyễn Đồng Chi, Ninh Viết Giao, Võ Văn Trực, Lê Hàm, Thanh Lưu, Văn Thế, Phan Thành... Họ đã đi khắp các vùng quê Nghệ Tĩnh, thực hiện chế độ "3 cùng" với các nghệ nhân dân gian trong các đợt điền dã, bởi "muốn bảo tồn và phát huy di sản dân ca, muốn thể nghiệm sân khấu hóa dân ca thì trước hết phải tích lũy đầy đủ vốn cổ dân ca làm hành trang cho mình"².

Sau quá trình tích lũy vốn là quá trình thể nghiệm. Đó là sự vận động tự thân, kế thừa và sáng tạo, bổ sung và tiếp nối, kể cả loại bỏ những yếu tố không phù hợp. Cho đến nay vẫn có nhiều ý kiến cho rằng kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh khởi nguồn từ phong trào tự phát trong văn nghệ quần chúng ở một số huyện và nông trường như Diễn Châu, Yên Thành, Hưng Nguyên, nông trường Đông Hiếu vào những năm 70 của thế kỷ trước, với những vở kịch ngắn như: *Hỏi ai quan trọng*, *Trước lúc lên đường*, *Khi ban đội đi vắng*, *Cà phê phần nộ*, *Đi hay ở*, *Không phải tại tôi*... Tuy nhiên các vở kịch ngắn này còn đơn giản, làn điệu chưa có gì biến đổi, chỉ mới dùng vài ba điệu ví giặm thông thường. Cũng may mắn là trong thời gian này (năm 1973), Đoàn Dân ca Nghệ An được thành lập và một số nghệ sĩ của bộ môn Dân ca - kịch

dưới sự chỉ đạo của nhạc sĩ Thanh Lưu bắt tay vào nghiên cứu việc sân khấu hóa dân ca Ví, Giặm. Sau khi sáng tác vở *Khi ban đội đi vắng* và chuyển giao cho đội văn nghệ xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu dàn dựng, thấy họ cứ hát đi hát lại vài làn điệu Ví, Giặm nguyên gốc nghe rất đơn điệu, Nguyễn Trung Phong đã bắt tay cải biên làn điệu mới là "trăn trở" (sau đó đổi tên thành "Giận mà thương"). "Giận và thương" rất dân gian mà cũng rất hiện đại, cải biên mà rất giống với bài dân ca cổ. Đến khi công diễn, đoạn hát này đã được quần chúng nhiệt liệt tán thưởng. Có thể nói "Giận và thương" là một trong những bài cải biên sân khấu Ví, Giặm thành công nhất từ trước đến nay.

Sau khi có chủ trương sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh, cũng đã xuất hiện nhiều ý kiến trái chiều. Một số nhà khoa học, một số văn nghệ sĩ băn khoăn cho rằng việc sân khấu hóa dân ca sẽ phá vỡ hình thức diễn xướng dân gian. Lại có ý kiến cho rằng các làn điệu của dân ca Ví, Giặm mộc mạc, khó chuyển tải được các nội dung phong phú, đa dạng của một tác phẩm sân khấu. Những trở lực này không ngăn cản được quyết tâm của các nhạc sĩ, các nghệ sĩ của Đoàn Dân ca Nghệ An. Đoàn đã mạnh dạn cải biên, nâng cao về kịch bản và diễn xuất một số vở diễn có từ trước như *Trước lúc lên đường*, *Không phải tôi*, *Khi ban đội đi vắng*... Sau khi thành công ở một số vở kịch ngắn, Đoàn bắt tay vào dàn dựng một số tác phẩm dài hơi hơn như *Cô gái Sông Lam*, *Đầu bến sông*, *Hoa đất*, *Vụ án kỳ lạ*, *Đóm lửa núi hồng*... Trước hết phải kể đến thành công của vở *Cô gái Sông Lam*. *Cô gái Sông Lam* xuất phát là vở chèo ra đời năm 1961 nhằm ca ngợi tinh thần yêu nước bất khuất của người dân xứ Nghệ trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931) của tác giả Nguyễn Trung Phong. Tại hội diễn toàn quốc năm 1962, tác phẩm đã dành 4 huy chương Vàng, 4 huy chương Bạc cá nhân. Đoàn chèo Nghệ An vinh dự được biểu diễn cho Bác Hồ xem tại Phủ Chủ tịch, được Bác biểu dương và tặng quà, riêng tác giả Nguyễn Trung Phong được Bác Hồ tặng huy hiệu của Người. Đến năm 1973, tác phẩm *Cô gái sông Lam* được chuyển thể thành kịch hát dân ca, được công chúng yêu thích và từ đó đến nay liên tục

được biểu diễn trên sân khấu, trở thành một trong những thành công xuất sắc của kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh.

Với chặng đường 50 năm, để có được thành tựu và diện mạo của ngày hôm nay, theo nhạc sĩ Hồ Hữu Thới, kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh đã trải qua 3 giai đoạn thể nghiệm và phát triển như sau:

- Giai đoạn thứ nhất (Từ 1972- 1985): Giai đoạn này chủ yếu tập trung làm công tác sưu tầm, nghiên cứu và thể nghiệm một số vở để rút kinh nghiệm, trong đó có vở *Cô gái sông Lam* của tác giả Nguyễn Trung Phong, được chuyển thể từ chèo sang. Đỉnh cao của giai đoạn này là vở *Mai Thúc Loan* của tác giả Phan Lương Hào, được tặng huy chương Vàng cho vở diễn, nhạc sĩ và hai diễn viên chính tại Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1985. Vở *Mai Thúc Loan* được thể nghiệm thành công toàn diện từ khâu kịch bản (đưa đề tài lịch sử vào kịch hát), đạo diễn, âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, phục trang... Sự thành công này là tổng hợp cả quá trình thể nghiệm trong giai đoạn 1, đồng thời đề xuất được một số hướng phát triển mới cho kịch hát. Giai đoạn này cũng đã tổ chức được hai cuộc hội thảo khoa học quan trọng vào các năm 1976, 1984. Các hội thảo khoa học đã khẳng định sự cần thiết và vai trò, định hướng phát triển cho kịch hát dân ca, tạo điều kiện để Đoàn Dân ca Nghệ Tĩnh tiếp tục nghiên cứu, thể nghiệm trong giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 2 (Từ 1986 – 1991): Sau thắng lợi của vở *Mai Thúc Loan*, kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh đã được giới sân khấu cả nước công nhận. Nhiều vở diễn có quy mô lớn lại được tiếp tục dàn dựng, thể nghiệm và công bố phục vụ nhân dân trong tỉnh, một số tỉnh, thành phố khác và đưa lên hệ thống thông tin đại chúng. Giai đoạn này, ngoài việc tiếp tục thể nghiệm đề tài dân gian, lịch sử, dã sử như *Bão táp của Kỳ Hoa* của tác giả Phạm Ngọc Côn, *Ông vua hóa hổ* của tác giả Lưu Quang Vũ, Đoàn Dân ca Nghệ Tĩnh còn mạnh dạn thể nghiệm đề tài hiện đại như: *Hai ngàn ngày oan trái*, *Quyền được sống hạnh phúc* của tác giả Lưu Quang Vũ... Giai đoạn này cũng đã tổ chức thành công hội thảo khoa học vào

năm 1987. Hội thảo khoa học này đã đánh giá được kết quả thể nghiệm của giai đoạn 1, đồng thời mở ra một số hướng quan trọng để tiếp tục thể nghiệm trong giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 3 (Từ 1992 đến nay - tính từ sau khi chia tách tỉnh Nghệ Tĩnh thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh): Giai đoạn này Đoàn Dân ca Nghệ An đã mạnh dạn thể nghiệm nhiều vở từ đề tài dân gian đến hiện đại, đề tài lịch sử và cách mạng. Trong đó có một số vở diễn thành công như *Chuyện tình ông vua trẻ* của tác giả Phùng Dũng (Huy chương Bạc tại Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm 1995); *Vở Danh nhân lớn lên từ điệu hò, câu ví* của tác giả Vũ Hải (Giải Xuất sắc tại Liên hoan Sân khấu Dân ca chuyên nghiệp toàn quốc năm 1999); *Vở Vết chân tròn trong bão tố* của tác giả Vũ Hải (Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp miền duyên hải năm 1996). Giai đoạn này, Đoàn Kịch hát Dân ca Nghệ An cũng được nâng lên thành Nhà hát Dân ca Nghệ An (năm 2000), sau đó là Trung tâm Bảo tồn và phát huy di sản dân ca xứ Nghệ (năm 2010) và hiện nay là Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An (từ 2020 đến nay). Ngoài nhiệm vụ tiếp tục thể nghiệm sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh ở bước cao hơn, Trung tâm còn có trách nhiệm phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống, trong đó có dân ca Ví, Giặm; tham gia lập hồ sơ khoa học trình UNESCO công nhận dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Trung tâm cũng đã tham mưu cho tỉnh và Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học tại Nghệ An về Ví, Giặm, phối hợp với chính quyền các địa phương hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh xây dựng và phát triển hệ thống câu lạc bộ hát dân ca Ví, Giặm; đưa Ví, Giặm vào các nhà trường...

3. Như vậy, với chặng đường 50 năm gây dựng và phát triển sân khấu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh, chúng ta có thể khẳng định con đường đã đi là đúng đắn và những thành tựu đạt được là không nhỏ. Về kịch bản, sân khấu kịch hát Nghệ Tĩnh đã từng bước mở rộng đề tài, mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực. Ban

đầu các tác giả thường khai thác các đề tài dân gian, lịch sử, dã sử, lấy cảm hứng từ những nhân vật anh hùng hoặc có công lao, có ảnh hưởng lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước như Mai Thúc Loan, Trần Thủ Độ, Quang Trung Nguyễn Huệ, Phan Bội Châu, Nguyễn Xí, Trần Thánh Tông...(tiêu biểu là các vở: *Chuyện tình ông vua trẻ, Phan Bội Châu, Dòng lệ Tổ Như, Danh nhân lớn lên từ câu Hồ ví giặm, Thái sư Cương Quốc Công Nguyễn Xí...*) Sau đó, các tác giả kịch bản và các nghệ sĩ cũng táo bạo thể hiện các đề tài đương đại giàu tính chính luận như: *Người thi hành án tử, Đường đua trong bóng tối, Thầy và trò, Nước mắt đứa con út, Góc khuất đời người, Sóng dậy một vùng quê, Vụ án Am Bụt Mộc...* Sân khấu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh đã không đứng ngoài cuộc của cuộc chiến chống tham nhũng, lợi ích nhóm, chủ nghĩa cá nhân, đi vào những vấn đề thời sự nóng bỏng, mở ra không khí đổi mới cởi mở, hướng con người đến tới các giá trị chân - thiện - mỹ. Sân khấu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh đã từng bước tạo được cho mình một chỗ đứng vững chắc trong làng sân khấu Việt Nam, xây dựng được nhiều tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật, phong phú, đa dạng về hình thức và phong cách thể hiện, được độc giả nhiệt tình đón nhận, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Trong quá trình thể nghiệm và xây dựng, kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh đã có sự bổ sung nội dung và cách thức thể hiện, vừa đưa hiện thực cuộc sống sôi động lên sân khấu, vừa giữ được chất trữ tình mượt mà, truyền cảm của dân ca xứ Nghệ. Đến nay, thực tế đã khẳng định rằng sân khấu kịch hát Nghệ Tĩnh hoàn toàn có khả năng thể hiện tốt các vở lớn, đủ mọi thể loại đề tài từ dân gian, lịch sử đến hiện đại, đương đại.

Chặng đường 50 năm sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh gắn với công sức của nhiều thế hệ nhạc sĩ, nghệ sĩ, nghệ nhân bao gồm cả các tác giả kịch bản, lồng điệu, âm nhạc, đạo diễn,

diễn viên...Trước hết có thể kể đến các tên tuổi như Nguyễn Trung Phong, Trần Hữu Thung, Thanh Lưu, Lê Hàm, Văn Thế, Đình Bảo, Hồ Hữu Thới, Phan Thành, Đình Đắc, Hồng Lưu... Đó là một chặng đường không ít những thăng trầm nhưng cũng rất đáng tự hào, trong đó bên cạnh sự nỗ lực về chuyên môn còn có vấn đề khắc phục những khó khăn của cơ chế, chính sách, đầu tư, thực hiện chủ trương sáp nhập các đoàn nghệ thuật...Đến hôm nay, Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An đã là địa chỉ đáng tin cậy, có công đầu trong nghiên cứu, bảo tồn, phát huy các giá trị của dân ca xứ Nghệ, trong đó có phát huy giá trị của sân khấu kịch hát dân ca xứ Nghệ.

4. Dân ca nói chung, dân ca xứ Nghệ nói riêng là tài sản vô giá, góp phần không nhỏ vào việc giáo dục tư tưởng, tình cảm cho nhân dân và làm phong phú kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc. Việc kế thừa và phát huy vốn cổ quý báu đó trong bối cảnh hôm nay càng được đặt ra một cách cấp thiết. Chính vì vậy, hàng chục năm qua, dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh đã được bảo tồn, phát huy không những bằng hình thức hát dân ca truyền thống mà còn phát triển mạnh mẽ theo hướng sân khấu hóa. Tuy nhiên, để đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn, nhiều vấn đề vẫn đang tiếp tục được đặt ra như: Bên cạnh những thành tựu, có vấn đề gì cần phải tiếp tục hoàn thiện trong việc sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh? Hướng đi nào cho sân khấu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh trong giai đoạn mới? Phát huy những đề tài đương đại trên sân khấu truyền thống như thế nào? Trên chặng đường 65 năm sân khấu Nghệ Tĩnh (1958-2023), 50 năm sân khấu hóa dân ca Nghệ Tĩnh (1973-2023), với một đội ngũ hùng hậu các nhà nghiên cứu, nhạc sĩ, nghệ sĩ, diễn viên giàu tâm huyết, trước hết tập trung ở Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An, chúng ta có quyền hy vọng vào sự phát triển và những thành công ở chặng đường mới.

Chú thích

1, 2. Thanh Lưu, *Dân ca xứ Nghệ và sân khấu hóa dân ca*, Nxb Nghệ An, 2019, tr. 21, 28.

3. Hồ Hữu Thới, <http://thegioidisan.vn/vi/quia-trinh-the-nghiem-san-khau-hoa-dan-ca-nghe-tinh.html>



NSND Hồng Lựu

từ nhỏ, cô bé Lựu đã được đắm mình trong những làn điệu dân ca qua lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ. Âm hưởng sâu lắng của những làn điệu dân ca Ví, Giặm đã trở thành mạch nguồn thấm đẫm vào tâm hồn Hồng Lựu, cứ thế chị và câu hát tự lúc nào quyện vào nhau. Chị nói: “Không biết tự bao giờ tôi không nhớ nữa nhưng tôi ý thức được rất rõ câu dân ca nó ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi, đến cuộc đời tôi”. Cả một đời đau đáu với câu ví quê hương và chính dân ca Ví, Giặm đã đưa chị lên đỉnh cao của sự nghiệp nghệ thuật.

Là một người nghệ sĩ khổ luyện

Năm 1985, chị chính thức vào Đoàn Dân ca Nghệ Tĩnh. Cuộc đời “O Lựu” đã phải trải qua bao vất vả, hy sinh cho lao động nghệ thuật. Những năm đầu vào nghề, cuộc sống thiếu thốn, phải thường xuyên đi diễn xa, con cái còn nhỏ, hay ốm đau, phải bồng bế con theo chồng về Hà Tĩnh rồi gửi con cho ông bà ngoại từ khi con mới được 14 tháng,...Để duy trì cuộc sống, lo cho các con, Hồng Lựu phải làm đủ nghề như bán cháo, thuê may, bấm khuyên tai... Chị nhận thấy rằng khó khăn là cơ hội, khó khăn luôn là một phần tất yếu trong cuộc sống, và vượt qua những khó khăn là kỹ năng mà mỗi người cần

“O LỰU” của dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh

TRẦN THĂNG LONG

Là người Nghệ, dù ở trong nước hay làm ăn sinh sống ở nước ngoài, ít ai không biết chị. Nhắc đến chị, người ta thường nghĩ ngay đến Ví, Giặm. Tên tuổi chị gắn với dân ca Nghệ Tĩnh. Chị là Nghệ sĩ Nhân dân Trịnh Hồng Lựu - Quyền Giám đốc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An.

Chị là con gái thứ ba trong một gia đình có 7 chị em ở xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương. Sinh ra và lớn lên bên dòng Lam đầy thơ mộng,

có. Đối diện với khó khăn, chị không bao giờ than vãn, chị luôn thúc đẩy bản thân phải làm cái gì đó vượt lên khó khăn, xứng đáng với sự sẻ chia của gia đình, bạn bè, đồng nghiệp.

Bén duyên với nghệ thuật, chị được biết đến là diễn viên kịch hát. Nhờ sự học hỏi không ngừng của bản thân từ những bậc đàn anh, đàn chị, chị đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả với các vai diễn như cô Nghệ trong vở

Cô gái Sông Lam, vai mẹ Hoàng Thị Loan, vai nữ anh hùng cách mạng Nguyễn Thị Minh Khai... Đó là những vai diễn thành công, góp phần mang lại cho chị danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú vào năm 2011.

Cuộc đời gần 40 năm làm nghệ thuật với gần 70 vai diễn, chị đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả xứ Nghệ nói riêng và cả nước nói chung. Qua 9 kỳ hội diễn, chị đã đạt được 9 HCV. Chị chia sẻ: “Tôi không phải là người học văn giỏi nhưng tôi nghiên cứu vai diễn sâu, nghiên cứu tính cách người Nghệ trong câu hát dân ca xứ Nghệ”. Chị có sự chiêm nghiệm sâu về mảnh đất Nghệ và phẩm chất, tính cách của người Nghệ để đưa những gì đặc trưng nhất, cốt lõi nhất vào trong vai diễn.

Chị không nhận mình là người hát hay nhưng chị nhận mình là người có giọng hát Nghệ đặc biệt. Khi chị cất tiếng hát, công chúng đã nhận ra ngay “O Lịu Ví Giặm” dù không thấy mặt. Với chất giọng riêng không trộn lẫn, cái đặc biệt trong sự luyến láy, nhà chữ, chị biết cách cuốn người nghe theo câu hát của mình. Bởi vì có sự nghiên cứu chuyên sâu, chị biết được cái sức mạnh, cái nội lực trong câu hát đằng sau sự đầm thắm, cái dạt dào, menh mang của câu hát Ví, Giặm Nghệ. Câu hát nghe mềm mại, nhẹ nhàng nhưng đằng sau là cả một sự mạnh mẽ. Chị kể: Dù nghe những câu hát của bà, của mẹ ngay từ khi còn nhỏ nhưng người dạy chị câu hát đầu tiên lại là cha của chị. Phải chăng, nội lực sau từng câu hát là có sự ảnh hưởng từ người thầy đầu tiên - người cha kính yêu. Chính vì hiểu lời bài hát nên câu

hát của chị luôn gây được ấn tượng mạnh, ảnh hưởng sâu đến công chúng. Bài Giặm ru “*Phụ tử tình thâm*” đến nay vẫn chưa có nghệ sĩ nào thể hiện vượt qua được Hồng Lựu.

Chị vừa làm diễn viên và tự chuyển thể các vai diễn và vở diễn chị vào vai. Kinh nghiệm qua những lần biến diễn, chuyển thể khiến cho chị có ý tưởng phục hồi lại trò diễn xướng. Chị luôn tận dụng thời gian mình đang có để nghiên cứu, học hỏi. Ban đêm, chị đi biểu diễn và thời gian ban ngày sẽ tìm đến những nghệ nhân cao tuổi, những làng quê để tìm hiểu, tích lũy vốn dân ca cho mình. Từ đó chị về cùng chồng - Nghệ sĩ Ưu tú An Ninh phục hồi lại những trò diễn xướng dân ca xứ Nghệ. Trò diễn xướng Ví, Giặm đầu tiên được chị nghiên cứu, viết kịch bản phục hồi lại là *Duyên phường vải*. Để ra được kịch bản, chị đã cùng PGS. Ninh Viết Giao, đi về làng quê, tìm gặp các nghệ nhân lớn tuổi để tìm hiểu, ghi chép, lấy tư liệu. Sau khi được đài Truyền hình Nghệ An truyền hình trực tiếp, chiếu lần đầu tiên 1997, có nhiều luồng ý kiến trái chiều, công khai lên các tờ báo nhưng chị không nản chí. Chị đã cùng chồng lại hăm hở đi về các làng quê: Nghi Xuân - Hà Tĩnh, Đồng Văn - Thanh Chương, Phù Lưu - Thạch Việt để phục hồi trò diễn xướng phường nón; đi về Cẩm Mỹ - Cẩm Xuyên, Bồi Sơn - Đô Lương, Nam Đàn, Ngọc Sơn - Thanh Chương... men theo miệt sông Lam phục hồi trò diễn xướng phường chài; ra Yên Thành, Diễn Châu để phục hồi phường cấy... Người ủng hộ thì cũng nhiều, người tiếng đi tiếng lại cũng lắm nhưng không vì thế mà chị nản chí. Thành quả mang lại lớn nhất là việc phục dựng đã thành công, là sự lan tỏa diễn xướng dân ca xứ Nghệ sâu rộng trong cộng đồng.

Với sự chịu khó tìm tòi học hỏi, nghiên cứu về dân ca, cái tên Hồng Lựu đã có một chỗ đứng trong ngành biểu diễn



NSND Hồng Lựu dạy hát dân ca cho học sinh



*NSND Hồng Lựu biểu diễn cùng Hà Quỳnh Như
- quán quân The Voice Kid 2018*

nghệ thuật trong nước, đặc biệt là ở Nghệ An. Không chịu dừng lại ở thành công trong sự nghiệp biểu diễn, chị luôn muốn học hỏi, vươn lên, thử sức mình ở các vai trò khác nhau. Ở vai trò đạo diễn, những gì chị thể hiện qua nhiều vở diễn thành công chứng minh một người nghệ sĩ tài năng. Ngoài ra, Hồng Lựu còn tham gia sáng tác, biên tập, chuyển thể kịch bản dân ca.v.v...

Với những cống hiến lớn lao cho nghệ thuật và sự nghiệp phát triển dân ca Xứ Nghệ, năm 2012, Hồng Lựu đã vinh dự được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ Nhân dân” - một danh hiệu cao quý, một sự ghi nhận xứng đáng dành cho người nghệ sĩ khổ luyện, luôn trăn trở với những làn điệu Ví, Giặm Nghệ Tĩnh quê hương.

Người nghệ sĩ truyền lửa dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh

Nghệ sĩ Nhân dân Hồng Lựu là một trong những người tiên phong đề xướng chương trình phát triển dân ca rộng rãi trong cộng đồng. Chị luôn trăn trở với ước nguyện làm sao để dân ca Ví, Giặm lan tỏa và ngày càng ăn sâu, bám rễ trong cộng đồng. Chị nói: “Chỉ có sống trong cộng đồng, thì dân ca Ví, Giặm mới được bảo tồn và phát triển bền vững, nhưng để làm được điều đó thì người nghệ sĩ phải biết cách thổi hồn đam mê cho thế hệ trẻ. Muốn thế hệ trẻ đam mê dân ca thì người truyền dạy cũng phải là người thật sự có niềm đam mê”. Cũng từ những trải nghiệm chị đã được đi trong dân, được các nghệ nhân từ các làng quê truyền dạy, chị quyết tâm về mở những lớp tại gia vào các kỳ nghỉ hè; tham gia dạy hát dân ca trên đài truyền hình; phối hợp với phòng Giáo

dục các huyện, các trường học để ngoại khóa, đưa dân ca vào trường học; trao truyền cho các thế hệ tại gia đình,...

Năm này qua năm khác, chị đã truyền dạy cho biết bao người biết hát dân ca, truyền tình yêu dân ca cho họ; rồi từ họ trao truyền lại cho biết bao người khác. Và cũng từ đó chị phát hiện ra những năng khiếu, tài năng như Hà Quỳnh Như ở Yên Thành là quán quân The Voice Kid 2018, Nguyễn Khánh Hà ở Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh là quán quân Tài năng nhí Việt Nam... Nhờ quyết tâm, tâm huyết của chị, đến nay, tại nhiều địa phương, trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã thành lập được một mạng lưới các câu lạc bộ hát dân ca rộng khắp.

Trong bối cảnh hiện nay, muốn dân ca Ví, Giặm có thể tồn tại và phát triển một cách tự nhiên và dần đưa dân ca Ví, Giặm về với cộng đồng thì việc phục hồi không gian diễn xướng là việc làm cần thiết. Đây là niềm mong mỏi, quyết tâm của Hồng Lựu cũng như lãnh đạo ngành Văn hóa. Chị đã cùng với anh em bắt tay vào việc tái hiện không gian diễn xướng và giao lưu dân ca Ví, Giặm. Chương trình được diễn ra vào mỗi tối thứ 6 hàng tuần tại Quảng trường Hồ Chí Minh, thu hút được đông đảo nhân dân tới thưởng thức, giao lưu, trải nghiệm. Trong thời gian tới không gian diễn xướng sẽ được nhân rộng ở nhiều địa điểm khác trong tỉnh. “Muốn bảo tồn và phát huy di sản dân ca xứ Nghệ thì phải huy động được các tầng lớp nhân dân cùng tham gia. Phải làm cho người dân, nhất là người xứ Nghệ ít hay nhiều cũng phải biết dân ca



*Không gian diễn xướng dân ca Ví, Giặm
tại Quảng trường Hồ Chí Minh*

Ví, Giặm. Người dân yêu câu hát dân ca mới làm lan tỏa tình yêu đó đến bạn bè trong nước và quốc tế” - Hồng Lựu chia sẻ. Chị vỡ òa hạnh phúc khi Ví, Giặm đã chính thức được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Người phụ nữ chính chu, trách nhiệm.

Chị là người phụ nữ có một trái tim, một tâm hồn nhạy cảm, yêu cái đẹp, cái cao cả. Điều đó được thể hiện qua đa phần các chương trình, vở diễn của chị luôn hướng khán giả đến với những giá trị tốt đẹp, tiếp cận với thông điệp sống có trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng. Với tư tưởng nghệ thuật giống như cách mạng, sống trên mảnh đất cách mạng thì sân khấu cũng là cách mạng, bám vào chính sách hợp lòng dân của Đảng, Nhà nước, chị đã cùng đơn vị xây dựng nhiều chương trình, vở diễn mang tính định hướng, dự báo và tất cả đều được Nhân dân đón nhận nồng nhiệt.

Khi hợp nhất 2 đơn vị nghệ thuật thành Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An, với vai trò là nữ thủ lĩnh của Trung tâm, lãnh đạo đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên tài năng, nhiều cá tính, chị hiểu rằng cần phải có sự uyển chuyển trong quản lý, điều hành, lấy công tâm thu phục nhân tâm. Chị trở thành đầu mối, trung tâm đoàn kết trong đơn vị, luôn vô tư và hết lòng vì tập thể, vì anh em. Chị luôn tìm mọi cách để đời sống của cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên được nâng lên; xây dựng Trung tâm thành khối đoàn kết, thống nhất trên dưới một lòng. Trung tâm Nghệ thuật truyền thống dưới sự điều hành, quản lý của NSND Hồng Lựu là một trong những đơn vị nghệ thuật truyền thống thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn

và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Số lượng các chương trình, vở diễn hàng năm đều vượt kế hoạch, nguồn thu tăng và đời sống của cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên đỡ vất vả hơn trước rất nhiều. Chất lượng nghệ thuật ngày càng cao nhờ sự làm việc, học hỏi nghiêm túc của các nghệ sĩ, diễn viên; nhờ các nguồn xã hội hóa, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp.

Là người phụ nữ cương trực trong tính cách; chuẩn chỉnh trong công việc, trong chuyên môn; khắt khe với bản thân và với chồng con, chị tự nhận mình là “khắt khe đến đáng ghét”. NSUT An Ninh đã phải thừa nhận “Tôi viết thành công được là nhờ có người kiểm duyệt rất khắt khe đó là vợ tôi”. Nhờ sự chuẩn chỉnh, khắt khe đó mà hàm lượng nghệ thuật trong các chương trình, vở diễn được nâng cao và luôn được khẳng định đạt tốp đầu trong các hội thi, hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc, khu vực.

Có khổ luyện, có cương trực, có uyển chuyển, có chuẩn chỉnh, có khắt khe trong con người đầy đam mê, nhiệt huyết và vô cùng nhân văn mới có một NSND Hồng Lựu, một “O Lựu của dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh” ngày hôm nay; mới có những bằng vàng thành tích của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An, mới có một gia đình nghệ sĩ thành công, hạnh phúc mà mọi người đều biết.

Điều tích cực ấy tự thân có sức lan tỏa diệu kỳ, lấp lánh như tấm gương soi. “O Lựu (hay Chắt Lựu) của dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh” là niềm tự hào của cả tập thể Trung tâm Nghệ thuật Truyền thống và ngành Văn hóa & Thể thao Nghệ An nói riêng cũng như mảnh đất xứ Nghệ nói chung.



NSUT Tạ Hồng Dương thể hiện hình tượng Bác Hồ trong vở diễn “Niềm tin chiến thắng”.

NSUT HỒNG DƯƠNG dành trọn đam mê với nghệ thuật truyền thống

LUƠNG VÂN

Nghệ sĩ ưu tú Tạ Hồng Dương là một trong những gương mặt nghệ sĩ tiêu biểu để lại dấu ấn đậm nét trên sân khấu truyền thống Nghệ Tĩnh và cũng là một trong số ít nghệ sĩ của cả nước thành công khi hóa thân vào hình tượng Bác Hồ trên sân khấu. Xuất thân trong gia đình có truyền thống nghệ thuật, bố là nhạc công của Đoàn Dân ca Nghệ An, mẹ là nghệ sĩ Thu Hương

nức danh một thời trong Đoàn Chèo Nam Định. Mang trong mình sự giao thoa giữa nền văn hóa hai miền xứ Bắc và xứ Nghệ, bởi vậy ngay từ nhỏ anh đã bộc lộ rõ năng khiếu và tình yêu với các loại hình nghệ thuật truyền thống.

Năm 1986, Hồng Dương theo học lớp diễn viên chèo, khoa Dân tộc, Trường Đại học Sân khấu Hà Nội, từ đó cũng mở một trang mới trong cuộc đời anh. Năm 20 tuổi, ra trường anh về công tác tại Đoàn Chèo và sau đó là Nhà hát Dân ca Nghệ An. 35 năm trong nghề anh đã chứng tỏ là một người nghệ sĩ có tư chất thông minh, đa tài, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Trong cuộc sống, anh là người vui vẻ, hài hước, luôn nghĩ ra những câu chuyện vui để chọc cười những người xung quanh. Tuy nhiên, anh cũng là một người thẳng thắn, bộc trực, có chính kiến, luôn nói thẳng, nói thật, không ngại va chạm.

Sở hữu một nét diễn tự nhiên, NSUT Hồng Dương luôn sẵn sàng chinh phục thử thách, anh không đóng khung mình trong bất kỳ một loại vai diễn nào, cho dù là vai chính, vai lệch, bi kịch hay hài hước anh đều rất tâm huyết và cống hiến hết mình cho từng nhân vật mà mình được hóa thân. Sự đa năng, linh hoạt, biến hóa đầy tinh tế của anh đã được chứng minh qua nhiều dạng nhân vật mà mỗi một vai diễn lại mang một màu sắc, một phong cách diễn khác nhau. Đó là Long, một chàng kỹ sư yêu nghề, chính trực khiến chúng ta yêu quý trong vở *"Cánh cò trong bão"*; Hiên, chàng sinh viên giàu nghị lực trong *"Nơi đất ở"*, Chu Xung trong sáng, lạc quan trong vở kịch *"Lôi Vũ"*; Cường, một cảnh sát điều tra tội phạm hấp tấp nóng vội trong vở *"Vụ án Am Bụt Mộc"*; hay ông Lý trưởng gian manh độc ác pha chút hề hước trong vở *"Cô gái sông Lam"*; cho đến những vai phản diện để lại ấn tượng mạnh mẽ, làm người ta phải ghét cay ghét đắng như Thái Sư trong vở *"Viên ngọc Dạ Minh Châu"*, Phó sứ trong *"Đồng lệ Tổ Như"*, Đặng Vũ Nội trong *"Góc khuất đời người"*, Việt Thắng trong *"Đường đua trong bóng tối"* và nhiều vai diễn khác, cho dù là thể loại vai nào anh cũng đều tỏa sáng và tạo được dấu ấn cho riêng mình.

Tuy nhiên, khi nhắc đến NSUT Tạ Hồng Dương người ta không thể không nhắc đến vai diễn thể hiện hình tượng Bác Hồ trên sân khấu. Mặc dầu anh thành công ở nhiều thể loại vai khác nhau, đặc biệt là các vai phản diện nhưng vai diễn ghi dấu ấn, tạo nên danh tiếng và thương hiệu của NSUT

Hồng Dương là vai diễn thể hiện hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1997, khi đang là một trong những diễn viên trẻ nhất Đoàn Dân ca Nghệ Tĩnh, anh đã được lãnh đạo tin tưởng giao cho vai diễn nặng ký, đó là thể hiện hình tượng Bác Hồ trong vở diễn *"Danh nhân lớn lên từ câu hò Ví Giặm"*. Tuy là vai diễn đầu tay của NSUT Hồng Dương khi hóa thân vào hình tượng Bác Hồ nhưng anh và ekip xây dựng vở diễn đã thể hiện thành công ngay trong lần thử sức đầu tiên. Vở diễn đạt giải A tại Liên hoan Sân khấu chuyên nghiệp các tỉnh miền Trung năm 1998. Và với thành công của vai diễn này Hồng Dương đã được nhận danh hiệu nghệ sĩ trẻ thể hiện xuất sắc hình tượng Bác Hồ. Sau vai diễn đầu tiên được Hội đồng nghệ thuật, khán giả và đồng nghiệp ghi nhận đánh giá cao, Hồng Dương tiếp tục được mời ra Hà Nội tham gia thể hiện hình tượng Bác Hồ trong bộ phim sân khấu *"Bác về"* (do Đài Truyền hình Hà Nội quay). Tiếp đó, anh được mời lồng tiếng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bộ phim *"Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông"*. Đặc biệt, năm 2008, để thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Nhà hát Dân ca Nghệ An đã dàn dựng vở diễn *"Lời Người lời của nước non"* và công diễn trên 56 tỉnh, thành phố trong nước. Trong vở diễn này, NSUT Hồng Dương tiếp tục được thể hiện hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vai diễn một lần nữa khẳng định năng lực diễn xuất của anh bằng nhiều thành tích đáng ngưỡng mộ, để lại ấn tượng tốt đẹp và chạm đến trái tim người hâm mộ trong cả nước.

Với vai trò là diễn viên, hóa thân vào nhân vật nào cũng phải tâm huyết, cống hiến hết mình để xây dựng hình tượng nhân vật một cách trọn vẹn nhất. Tuy nhiên hóa thân vào hình tượng Bác Hồ để tái hiện được cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại lớn lao của Người trong không gian và thời gian của sân khấu là điều không hề dễ dàng đối với bất kỳ diễn viên nào. Bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật lịch sử, là danh nhân văn hóa hóa của nhân loại. Việc thể hiện hình tượng Bác đòi hỏi phải truyền tải được biểu cảm, hành động của Người đến với công chúng thông qua việc nghe, nhìn sao cho gần gũi, tự nhiên quen thuộc về một con người vừa vĩ đại, phi thường, vừa khiêm nhường, mộc mạc và giản dị. Bởi vậy, được hóa thân vào hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh là niềm vinh dự, tự hào nhưng đồng thời đó cũng là áp lực nặng nề đối với NSUT Hồng Dương lúc bấy giờ. Để thể hiện thành công những vai diễn này, anh đã phải kỳ công đầu tư, nghiên cứu kỹ lưỡng, tận dụng mọi kênh thông tin bằng cách xem nhiều phim tư liệu, đọc nhiều sách báo, thậm chí đi tìm gặp các nhân chứng lịch sử, những người đã từng được sống và làm việc gần Bác để từ



NSUT Tạ Hồng Dương nhận giải thưởng của Ban Tuyên giáo Trung ương và chụp ảnh chung với nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang sau vở diễn

đó phác họa cho mình một chân dung đầy đủ, trọn vẹn nhất về Người.

Về giọng nói, với lợi thế là người Nghệ An nên việc thể hiện âm sắc xứ Nghệ pha chút phong vị hiện đại, sang trọng của Bác không quá khó khăn đối với Hồng Dương. Bên cạnh đó là tình cảm yêu thương, ngưỡng mộ Bác, những làn điệu dân ca Ví, Giặm của quê hương mà sinh thời Bác Hồ yêu quý đã tạo cảm hứng đặc biệt cho anh. Và tình cảm đó đã được NSUT Hồng Dương truyền tải vào những đứa con tinh thần của mình, từ việc hóa trang đến diễn xuất của anh đều diễn tả được phong cách, thần thái của Bác. Đặc biệt giọng nói và cách phát âm của Bác, cách trỏ tay, nhả chữ, thói quen dùng những câu ngắn với tốc độ nói nhanh, rành mạch của Bác. Lúc Người nói chuyện với cán bộ cấp dưới Người hay dùng từ gì, lúc nói chuyện với đồng bào miền Trung quê hương Người hay thể hiện ngôn ngữ ra sao. Tiếp đó là những diễn biến tâm lý của Bác khi không có lời thoại, đó là cơ mặt, ánh mắt, cử chỉ, dáng điệu, cả cách Người hay sai những bước dài, nhanh khi di chuyển, sự gần gũi, ân cần và những câu nói dẫn dò của Người được Hồng Dương thể hiện xuất sắc, gây xúc động cho người xem. Để đạt được những thành công đó ngoài bản lĩnh, tài năng của một người diễn viên được đào tạo bài bản thì anh đã lao động nghệ thuật bằng tất cả tình cảm xuất phát từ trái tim.

Với quá trình lao động nghiêm túc, miệt mài, lăn xả với nghệ thuật, năm 2012 anh vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu NSUT, tích lũy cho mình nhiều HCV, HCB trong các kỳ Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp, Huy chương Vì sự nghiệp Sân khấu Việt Nam; Huy chương vì sự nghiệp VH, TT & DL; Bằng khen của Bộ VHTT, UBND Nghệ An và Hà Tĩnh về hoạt động Nghệ thuật. Đó là những phần thưởng tinh thần quý giá, xứng đáng với thái độ làm việc nghiêm túc mà anh có thể tự hào rằng cuộc đời cống hiến vì nghệ thuật của mình không một giây phút nào trôi qua vô nghĩa.

Trong những năm gần đây, khi đang ở độ chín muồi về mặt diễn xuất, với mong muốn sáng tạo và làm mới bản thân, NSUT Hồng Dương đã học tập chăm chỉ và đảm nhận thêm một vai trò mới: Đạo diễn sân khấu. Với vai trò này, anh đã dàn dựng hàng chục chương trình nghệ thuật chất lượng tại Nghệ An, Hà Tĩnh và nhiều địa phương khác trong cả nước. Đặc biệt vở "Lời Bác dặn trước lúc đi xa" do anh đạo diễn đã đạt giải A của Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo Hà Tĩnh năm 2018 - 2020.

Đến nay đã gần 35 năm trong nghề nhưng NSUT Hồng Dương vẫn tràn đầy nhiệt huyết, đầy sự đam mê và sức sáng tạo nghệ thuật không ngừng nghỉ. Mong rằng anh tiếp tục nuôi dưỡng đam mê khám phá thêm nhiều vai diễn mới và cống hiến cho nghệ thuật ở vai trò đạo diễn sân khấu nhiều tác phẩm hay hơn nữa.



78 năm sau Cách mạng Tháng Tám, chúng ta nhìn lại một giai đoạn lịch sử hào hùng, đầy nguy nan, thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh, với trí tuệ và bản lĩnh đặc biệt, Nhân dân ta đã làm nên chiến công hiển hách, rũ bùn đứng dậy, tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do

Nhìn lại 78 năm hành trình thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

ĐẶNG CÔNG THÀNH

Dảng Cộng sản Việt Nam ra đời là mốc son chói lọi ghi dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam được hình thành về cơ bản. Tư tưởng đó thấm vào đường lối cách mạng của Đảng, vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, vào từng con người Việt Nam làm nên thắng lợi huy hoàng của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Xác định đúng kẻ thù của cách mạng

Trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng, Hồ Chí Minh nêu “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng”, nên kẻ thù phải đánh đổ là đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Hội nghị Trung ương 8 xác định giai đoạn hiện tại chỉ giải quyết một vấn đề cấp bách là “dân tộc giải phóng”. Vì vậy, kẻ thù của cách mạng là giặc Pháp - Nhật. Sáng tạo đặc biệt của

Hồ Chí Minh và Đảng ta ở Hội nghị Trung ương 8 là thay đổi chiến lược. Khi nguyện vọng của toàn dân tộc là đánh đuổi Pháp - Nhật, giành quyền độc lập thì không thể đưa thêm một nhiệm vụ thứ hai chưa cần thiết là đánh đổ địa chủ, vì điều đó có hại cho nhiệm vụ thứ nhất. Đưa nhiệm vụ địa chủ ra giải quyết, tức là phải đánh đổ địa chủ, như thế không thể tập hợp mọi người Việt Nam cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền

độc lập, tự do cho dân tộc. Hồ Chí Minh và Đảng ta xác định rõ: “Ngay bây giờ nếu ta nêu khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày, như thế chẳng những ta bỏ mất một lực lượng đồng minh, một lực lượng hậu thuẫn trong cuộc cách mạng đánh đuổi Pháp - Nhật mà còn đẩy lực lượng ấy về phe địch làm thành hậu bị quân cho phe địch nữa”. Ngược lại, tuy chỉ nêu khẩu hiệu đánh đuổi Pháp - Nhật nhưng nông dân vẫn không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà còn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi có một nguyên nhân quan trọng là nhờ xác định đúng kẻ thù chủ yếu.

Độc lập dân tộc đi tới chủ nghĩa xã hội

Tư tưởng ĐLDT đi tới CNXH xuất hiện khi Người bắt gặp ánh sáng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin với khẳng định “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Theo Người, ĐLDT đi tới CNXH ở Việt Nam là tất yếu không chỉ do con đường phong kiến và con đường tư sản thất bại, mà “sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: CNXH chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”². Người khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”,... Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 thành công, Người khẳng định: “trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi... muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khắc Tư và Lênin”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời khẳng định “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Đây chính là mối quan hệ giữa ĐLDT - dân chủ nhân dân - CNXH, nói gọn lại là ĐLDT và CNXH, sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, giai đoạn từ 1930 đến Cách mạng Tháng Tám, ĐLDT gắn liền với CNXH có một sắc thái biểu hiện riêng, khá độc đáo. ĐLDT là mục tiêu trước mắt, nhiệm vụ hàng đầu, cốt yếu của Đảng và toàn dân tộc. Hồ Chí Minh phân tích rõ, Pháp - Nhật không phải chỉ là kẻ thù của giai cấp công - nông mà là kẻ thù của cả dân tộc. Vì vậy, trước hết phải giải phóng dân tộc khỏi giặc Pháp - Nhật. Nói như thế không phải là Đảng thủ tiêu vấn đề giai cấp đấu tranh. Vấn đề giai cấp đấu tranh vẫn tồn tại mãi mãi. Nhưng đây là giai đoạn quốc gia trước hết, Tổ quốc trên hết, nên vấn đề giai cấp phải gác lại để giải quyết sau. Nói cách khác, giai đoạn này, *CNXH mới ở dạng định hướng tiến lên của ĐLDT* nhưng mang lại cho cuộc đấu tranh giành ĐLDT tính triệt để cách mạng hơn bao giờ hết. Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) nhấn mạnh: “vô sản giai cấp sẽ bước những bước vĩ đại của lịch sử để tiến lên cách mạng vô sản, lập nền chuyên chính

vô sản, kiến thiết xã hội chủ nghĩa để qua cộng sản chủ nghĩa”. Đây là một trong những lý do cốt nghĩa tại sao trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam không giành được thắng lợi, nhưng từ khi có Đảng lãnh đạo theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 là minh chứng hùng hồn đầu tiên cho sự đúng đắn của tư tưởng ĐLDT gắn liền với CNXH.

Đảng lãnh đạo là nhân tố hàng đầu quyết định thành công của cách mạng

Ngay từ khi ra đời, Đảng ta và Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến, v.v...”. Tại Hội nghị Trung ương 8, với nhận thức “quyền lợi của tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”, Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương “tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta”. Một trong những thành công lớn của Hồ Chí Minh là lập tổ chức Việt Nam Độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) với chủ trương “liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam”. Trong *Kính cáo đồng bào* (06/6/1941), Hồ Chí Minh

đã kêu gọi đồng bào, các bậc phụ huynh, hiền huynh chí sĩ, các bậc phú hào yêu nước, thương nòi, các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương... “Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm”.

Tất cả các lực lượng đó phải do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản. Đảng phải vững chí, bền gan, hy sinh, thống nhất. Cách mạng phải có Đảng lãnh đạo “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”. Xác định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đưa cách mạng thắng lợi có ý nghĩa quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.

Phải có lý luận cách mạng dẫn đường

Khẳng định vai trò quan trọng của lý luận cách mạng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”. Cuộc hành trình tìm đường cứu nước và chuẩn bị thành lập Đảng là quá trình Hồ Chí Minh nghiên cứu, khảo sát, so sánh các học thuyết trên thế giới. Tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Cách mạng Mỹ năm 1776 và Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Người đã rút ra kết luận: “bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở tư tưởng của Đảng, trang bị thế giới quan, phương pháp luận cho những chiến sĩ cách mạng. Chủ nghĩa Mác - Lênin làm cho Đảng trở thành trí tuệ, danh dự, lương tâm của

dân tộc. Không nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin giống như người một mắt sáng một mắt mờ, dễ xa rời con đường cách mạng.

Nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng điều đó không có nghĩa là học thuộc lòng chủ nghĩa Mác - Lênin, máy móc, rập khuôn, giáo điều. Theo Hồ Chí Minh, “Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải nhấc như con vẹt “Vô sản thế giới liên hiệp lại” mà phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam là nói đến chủ trương, chính sách của Đảng... Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải ở đâu người ta cũng làm cộng sản, cũng làm Xô Viết”. Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin là quán triệt những vấn đề thuộc nguyên lý, quan điểm, lập trường, phương pháp. Phải học tinh thần xử trí mọi việc của Mác, Lênin để vận dụng và phát triển sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta là một nước thuộc địa, trên cơ sở đó bổ sung, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin. Học Mác - Lênin là để giữ vững lập trường cách mạng, nâng cao tư tưởng; học để làm việc, làm người, làm cán bộ, phụng sự đoàn thể, giai cấp, dân tộc và nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin giúp cho Đảng ta trở thành một Đảng đạo đức, văn minh. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động sẽ không rơi vào chủ nghĩa biệt phái, giáo điều, mà luôn luôn đổi mới và sáng tạo trong mọi hoàn cảnh và tình thế. Bàn về nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đó là nhờ Đảng luôn nắm vững, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh nước ta.

Phương pháp cách mạng đúng đắn

Ngay từ tuổi thiếu niên, khi còn ở trong nước, mặc dù rất khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, nhưng Nguyễn Tất Thành không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Bởi vì cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, đó là cách làm “xin Pháp rủ lòng thương”. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, đó là cách làm “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Cụ Hoàng Hoa Thám thực tế hơn nhưng vẫn còn nặng cốt cách phong kiến. Hồ Chí Minh xác định phải đi ra nước ngoài, tìm hiểu, khám phá thế giới, xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào. Đó là tư duy về một phương pháp cứu nước khoa học và cách mạng. Cuộc khảo nghiệm lịch sử của Hồ Chí Minh ở các nước thuộc địa và tư bản, từ cách mạng tư sản đến cách mạng vô sản đã đem lại cho Người nhiều điều bổ ích về phương pháp cách mạng.

Sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, Hồ Chí Minh đã rút ra nhận xét, những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. “Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp lớn”. Theo Người, muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình. Hồ Chí Minh hiểu rõ hơn ai hết sự xâm lược, bành trướng của chủ nghĩa thực dân là một hành động bạo lực phản cách mạng. Vì vậy,

chúng ta phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại chúng. Bạo lực đó trước hết phải là “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”. Tư tưởng tự lực tự cường đã được truyền đạt trong các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu thời gian 1925-1927. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh đến yếu tố cách mạng thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công, phải tranh thủ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và nhân dân thế giới. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Hồ Chí Minh đã thành công trong việc lập tổ chức vững bền là Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Cách tổ chức của Việt Minh có tính chất dân tộc hơn, tạo ra một xung lực để hiệu triệu hơn. Phương pháp cách mạng, phương pháp tổ chức của Hồ Chí Minh quy về một điểm: đặt dân tộc quốc gia cao hơn hết. Người nhấn mạnh: “Trong khi đi tổ chức một đoàn thể cứu quốc điều cốt yếu là không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”.

Tổ chức vững bền, tự lực cánh sinh, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức là những nhân tố tạo nên phương pháp cách mạng khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta. Sức mạnh của phương pháp đó đã được nhân lên khi Hồ Chí Minh khôn khéo xử lý mối quan hệ thời, thế, lực; thiên thời, địa lợi, nhân hòa “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Để đi tới Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh kêu gọi “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”; “dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho kỳ được độc lập, tự do”. Khi thời cơ đến, nhanh chóng chớp lấy thời cơ ngàn năm có một,

phát động toàn dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Giữa tháng 8/1945, Hồ Chí Minh có *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Cách mạng Tháng Tám thành công là nhờ vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đúng đắn của Đảng. Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin mang bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn, nhưng không phải là kinh thánh. Nó là cẩm nang thần kỳ, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi. Chủ nghĩa Mác - Lênin chủ yếu bàn về cách mạng vô sản, ở các nước tư bản, trên địa bàn châu Âu.

Thực tế, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong thời kỳ của chủ nghĩa đế quốc, V.I. Lênin đã phát triển lý luận khoa học của Mác, đáp ứng được yêu cầu của lịch sử, lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng XHCN đầu tiên trên thế giới, thành lập Nhà nước Xô Viết, mở ra thời đại mới cho nhân loại.

Còn trong thời kỳ chủ nghĩa thực dân “làm mưa làm gió” trên khắp hành tinh, khi 3/4 loài người đắm chìm dưới ách áp bức, nô dịch của bọn thực dân độc ác, nhân loại cần có những con người đủ trí tuệ, bản lĩnh và ý chí cách mạng tiêu biểu cho sự thức tỉnh và vùng lên của các dân tộc bị áp bức. Con người ấy đã xuất hiện ở Việt Nam, đó là Hồ Chí Minh. Góthôn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ viết: “Hồ Chí Minh là con người cần thiết, xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử với những tư tưởng và ý kiến đúng. Chính vì vậy mà đồng chí đã làm ra lịch sử”.

Hồ Chí Minh làm ra lịch sử, bởi Người sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước. Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Mở đầu cho mọi thắng lợi là cùng với sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, nhờ tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT đi tới CNXH; về đại đoàn kết toàn dân tộc; về sự lãnh đạo của Đảng; về lý luận và phương pháp cách mạng khoa học, cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi. Từ đây, chúng ta có một di sản vô cùng quý báu, đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên CNXH ở nước ta.

1. ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, t.7, tr.120.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, t. 2, tr. 304.

3. ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.121.

4. ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.2, tr. 6.

5. ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.112.

6. ĐCSVN, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.7, tr.125.

7. Xem báo *Nhân dân*, ngày 17/9/1969.

Cách mạng Tháng Tám (1945) và cuộc hồi sinh của một thể hệ nhà văn

BÙI TÙNG ANH

Người thay đổi đời tôi -
Người thay đổi thơ tôi:
Là nhan đề một thi phẩm
tâm huyết của nhà thơ Chế Lan Viên
đã đúc kết đầy đủ, bằng hình tượng
nghệ thuật, quá trình hồi sinh của
một thể hệ nhà văn đi theo Đảng.
Cách mạng Tháng Tám (1945) đã
giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi
ách đô hộ của thực dân Pháp gần
100 năm, mở ra một chương mới
trong lịch sử đất nước. Bản *Tuyên
ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí
Minh viết và đọc tại Quảng trường
Ba Đình, Hà Nội lịch sử ngày 2-9-
1945 đã khai sinh nước Việt Nam
Dân chủ Cộng hòa - nhà nước Dân
chủ Nhân dân đầu tiên ở khu vực
Đông Nam Á. Cách mạng Tháng
Tám đồng thời kiến tạo nên một
nền văn hóa mới, nền văn học mới
trong thời đại Hồ Chí Minh. Trong ý
nghĩa nhân văn sâu sắc nhất, có thể
nói, Cách mạng Tháng Tám đã hồi
sinh một thể hệ nhà văn, đồng thời
cuộc cách mạng đã xây đắp một
đại lộ mới để các nhà văn thuộc các
trường phái lãng mạn và hiện thực
có cơ hội đồng hành cùng dân tộc
trong sự nghiệp giải phóng đất nước.

Muốn hiểu rõ ý nghĩa hồi sinh
của một thể hệ nhà văn khi bắt gặp
ánh sáng của Cách mạng, chúng ta
cần nhớ lại bầu không khí của văn
chương những năm bốn mươi (thế
kỷ XX) trở đi và đặc biệt thời kỳ cận
 kề cuộc Cách mạng. Như chúng
ta biết, phong trào Thơ mới bùng
 nổ từ năm 1932, phát triển rực rỡ
từ khoảng những năm 1936-1939,



Mít tinh tổng khởi nghĩa tại Quảng trường Nhà hát Lớn Hà Nội

được các tác giả Hoài Thanh - Hoài Chân đúc kết trong công
trình để đời *Thi nhân Việt Nam* (1942). Những gương mặt (44 thi
nhân) sáng giá nhất, những thành tựu rực rỡ nhất của một thời
đại trong thi ca, nói đúng hơn là một cuộc cách mạng trong thi
ca, đã được tổng kết ngoạn mục. Sau năm 1940, thơ mới lãng
mạn cơ hồ chững lại và không ít lúng túng trong việc mở lối tiếp
tục phát triển. Nhóm *Xuân thu nhã tập* ra đời (1942-1945), với
chí hướng đẩy thơ lãng mạn lên một mức cao hơn, nhưng thành
công không chờ đón họ như khi phong trào Thơ mới khai mở,
phát rạng. Công trình đồ sộ *Nhà văn hiện đại* (1942) của Vũ
Ngọc Phan như là một tập "tù điển tường giải" về thành tựu văn
xuôi Việt Nam bốn mươi năm đầu của thế kỷ XX, đã ghi nhận
công lao của hơn 70 nhà văn trong sự nghiệp xây đắp nền văn
chương dân tộc thời hiện đại. Các nhà văn hiện thực chủ nghĩa,
do chỗ gần bó với đời sống của nhân dân lao động nên tác
phẩm của họ có được sự đồng vọng với xã hội. Những tác phẩm
xuất sắc như *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Tắt đèn* của Ngô Tất
Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Sống mòn* của
Nam Cao, *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng, truyện ngắn của Vũ Bằng,
Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân... đã cho thấy rõ khả năng đi với
nhân dân lao động của các nhà văn hiện thực. Nhưng dường
như vẫn còn nhiều dấn đo, suy tư, dằn vặt. Lối thoát nào cho
cuộc đời của những con người đau khổ, lầm than dường như các
nhà văn hiện thực vẫn còn bỏ ngỏ. Đồng cảm thì quả thật là lớn
lao, nhưng dấn dặt và chỉ lối thì các nhà nhân đạo chủ nghĩa tỏ
rõ "lực bất tòng tâm". Mỗi nhà văn chân chính, có nhiệt huyết

đều mang nỗi đau khổ của người nghệ sĩ trong tình trạng chung bởi các trạng huống bi kịch, như Nam Cao đã thể hiện xuất sắc trong kiệt tác *Đời thừa* (1943). Các nhà thơ lãng mạn đều chung tâm trạng: “Vội tôi tất cả như vô nghĩa/Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau” (Chế Lan Viên - *Xuân*). Vào khoảng năm 1940 trở đi, đặc biệt là thời gian áp sát cuộc cách mạng Tháng Tám, tâm thế nhà văn nói chung đầy băn khoăn, thậm chí bế tắc, cuộc sống bồng chốc trở nên tệ hại đến mức “mòn đi, gỉ ra, mốc lên” như Nam Cao từng viết trong tiểu thuyết *Sống mòn* (1944). Có thể nói vào khoảng thời gian những năm từ 1940 đến 1944, văn chương Việt Nam trên văn đàn công khai rơi vào một cuộc khủng hoảng. Nhưng cần được hiểu đó là khủng hoảng phát triển theo biện chứng của tự nhiên và xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam với tầm nhìn chiến lược đã có một cương lĩnh văn hóa thể hiện trong *Đề cương về Văn hóa Việt Nam* (1943) với ba phương châm lớn “Dân tộc hóa - Đại chúng hóa - Khoa học hóa”. Đặc biệt, được coi như một sự kiện văn hóa, đó là việc thành lập Hội Văn hóa Cứu quốc (1943) do Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương. Tổ chức này tập hợp những người có tinh thần yêu nước, tự nguyện đứng trong hàng ngũ những văn nghệ sĩ chân chính nguyện đem hết sức mình phụng sự công cuộc chung. Tham gia buổi đầu vào Hội Văn hóa Cứu quốc, chúng ta thấy có mặt các nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài, Kim Lân... Văn hóa Cứu quốc là một sự chuẩn bị sáng tạo và công phu của Đảng về mặt tổ chức và tinh thần để các nhà văn có hành trang trên con đường thiên lý vạn dặm đến với Cách mạng và Kháng chiến sau này.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Mùa Thu (8-1945) như là một cuộc “tái sinh màu nhiệm” với văn nghệ sĩ đương thời. Xuân Diệu - nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” - đã đến với Cách mạng và chào đón Cách mạng với tất cả nhiệt hừng chân thành nhất. Với tư cách công dân của một đất nước vừa đón độc lập và tự do, ông đã say sưa ca ngợi Cách mạng trong những sáng tác kịp thời, nóng hổi thời sự, mang hơi thở trắng ca như *Ngọn Quốc kỳ* (1945), *Hội nghị non sông* (1946). Với Xuân Diệu, lúc này Cờ đỏ - Sao vàng là biểu tượng của độc lập tự do, của Tổ quốc và Nhân dân. Vì thế lời thơ thật hùng tráng: “Việt Nam! Việt Nam! Cờ đỏ sao vàng/Những ngực nén hít thở ngày Độc lập/Nghìn lực mới bốn phương lên tới tấp/Nếp cờ bay trên sóng vỗ bài ca”. Niềm say sưa phấn khích ấy của Xuân Diệu đã đồng vọng với các nhà văn thế hệ tiền chiến. Nhà văn Hoài Thanh (một trong hai tác giả của *Thi nhân Việt Nam*), trước năm 1945 được coi là một trong những chủ soái của trường phái “nghệ thuật vị nghệ thuật”, nay đến với Cách mạng đã cảm thấy đổi đời sâu sắc. Trong bài bút ký nổi tiếng *Dân khí miền Trung* (viết ngay sau Cách mạng Tháng Tám) ông chia sẻ tâm sự: “Đoàn thể đã tái tạo chúng tôi, và trong bầu không khí mới của giang sơn, chúng tôi - những nạn nhân của thời đại chữ “Tôi”, hay gọi là tội nhân cũng được, chúng tôi thấy rằng đời sống riêng của cá nhân không có nghĩa gì trong đời sống bao la của Đoàn thể”. *Đoàn thể* mà Hoài Thanh gọi ở đây chính là Đảng, Nhân dân, Đất nước. *Tái tạo* mà Hoài Thanh nói ở đây chính là cuộc tái sinh màu nhiệm mà cách mạng đem lại cho dân tộc, trong đó

có nhà văn. Có thể nói cuộc hồi sinh lớn nhất của các nhà văn thế hệ tiền chiến chính là thoát ra khỏi “thung lũng đau thương” của thời đại cái Tôi để hòa nhập vào “cánh đồng vui” của thời đại cái Ta. Nguyễn Tuân viết bút ký *Ngày đầy tuổi tôi Cách Mệnh* (1946) để nói cho hết cái tâm trạng của mình trước cuộc biến thiên vĩ đại của lịch sử mang tên Cách mạng. Không tránh khỏi một vài ngây thơ và ảo tưởng trong buổi đầu nhận thức Cách mạng, nhưng nhìn chung là chân thành trong cảm xúc và suy nghĩ. Có thể nói những dòng tâm huyết sau của Chế Lan Viên điển hình cho thế hệ nhà văn tiền chiến: “Là những người từ thế giới một người đến thế giới nhiều người, từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui, là những người xưa kia tự xé da thịt mình, nay đi vá lại thịt da và xây dựng mùa xuân... Các nhà thơ của nỗi khổ đau ấy thấy Cách mạng là của họ” (viết cho tạp chí *Châu Âu - Europe*)

Cuộc “nhận đường” trong văn chương

Sau trạng thái thăng hoa, sau cao trào cảm xúc như Tố Hữu đã viết: “Ngực lép bốn nghìn năm/Trưa nay cơn gió mạnh/Thổi phồng lên tim bỗng hóa mặt trời” (*Huế tháng Tám*), bình tĩnh lại nhà văn đều nhận ra Cách mạng không phải là một “đêm phong hội mới” (Nguyễn Tuân), cũng không phải là cái cảnh: “Thầy rơi như cánh hoa đào/Trắng xương vô định xây cầu vinh quang” như một ai đó viết đầy khẩu khí. Tất yếu nhà văn phải nhận đường để có thể vững tâm đồng hành cùng Cách mạng. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi viết bút ký nổi tiếng *Nhận đường* (31-12-1947). Nhận đường chính là cuộc đấu tranh về tư tưởng và tình cảm của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật trong thời đại mới. Cuộc đấu tranh này giải quyết các mâu thuẫn chính yếu mà thường mỗi văn nghệ sĩ đều phải đối diện (giữa tinh thần công dân và cá tính

nghệ sĩ, giữa nhịp độ phát triển của thời đại và khả năng ứng biến của nhà văn, giữa quan điểm nghệ thuật cũ và mới). Hiện thực hóa cuộc đấu tranh nhận đường này là sáng tác tiêu biểu của Nam Cao - *Đôi mắt* (truyện ngắn, 1948), có thể coi là tác phẩm điển hình đặt vấn đề về cách nhìn của nhà văn trước một hiện thực mới, trong đó sự vật và con người luôn luôn ở thể biến đổi. Cách mạng là một thực tế mà nhịp độ của nó “một ngày bằng hai mươi năm”. Nhà văn không thể chỉ ở trong “tháp ngà”, biệt lập với thời cuộc. “Sống đã rồi hãy viết” chính là phương châm mới của nhà văn thời đại Cách mạng và Kháng chiến. Nhận đường không chỉ là nhiệm vụ đặt ra cho nhà văn sau Cách mạng Tháng Tám và buổi đầu Kháng chiến chống Pháp mà là thường trực ở bất kỳ giai đoạn chuyển mình nào của lịch sử. Nhận thức luôn luôn là một quá trình, trong đó thể hiện năng lực tiếp cận chân lý đời sống của nghệ sĩ.

Có một sự kiện rất quan trọng được ghi vào sử văn: Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều nhà văn thế hệ tiền chiến đã tự nguyện gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam - Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Kim Lân, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Chế Lan Viên. Bài thơ *Kết nạp Đảng trên quê mẹ* (1949) của Chế Lan Viên vẫn còn nhiều dư ba sau bảy mươi tư năm: “Tôi đứng dưới cờ, đưa tay tuyên thệ/Trên quê hương mang hình bóng mẹ/Ngỡ chừng như vừa sinh lại lần đầu/Đang trở thành nơi cất rốn chôn rau”.

Nhà văn đồng hành cùng Nhân dân, Đất nước

Nhà thơ Xuân Diệu đã viết: “Tôi cùng xương thịt với Nhân dân của tôi/Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu/Tôi sống với cuộc đời chiến đấu/Của triệu người yêu dấu gian lao” (*Những đêm hành quân*). Có thể coi là một tuyên ngôn thơ của không riêng Xuân Diệu, rộng ra là của cả một thế hệ nhà văn nhờ cuộc hồi sinh từ Cách mạng Tháng Tám 1945. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, văn học nghệ thuật được xác định: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy” (Hồ Chí Minh). Khi cuộc Kháng chiến chống Pháp nổ ra, nhiều nhà văn khoác ba lô lên đường với tâm thế đầy lãng mạn và kiêu hùng: “Người ra đi đầu không ngoảnh lại/Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy” (Nguyễn Đình Thi - *Đất nước*). Trong hồi ký của các nhà văn sau này chúng ta được biết có một thời đáng nhớ chín năm ở Chiến khu Việt Bắc, ở đó mỗi người cầm bút thực sự trưởng thành cùng với cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Thực hiện phương châm “Kháng chiến hóa văn hóa. Văn hóa hóa kháng chiến”, nhà văn triệt để đấu tranh cải tạo tư tưởng, tình cảm của mình cho phù hợp với nhiệm vụ Cách mạng. Nhà văn Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng đi cùng bộ đội tham gia các chiến dịch lớn như Chiến dịch Biên giới (1950), Chiến dịch Tây Bắc (1952); nhà văn Tô Hoài, Nam Cao làm báo Cứu Quốc ở Việt Bắc; nhà thơ Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Thế Lữ, Tế Hanh, Thâm Tâm... đi thực tế với dân công, bộ đội, nông dân để tìm cảm xúc mới. Nguyễn Bính trước 1945 được gọi là “nhà thơ chân quê”, sau Cách mạng Tháng Tám vào Nam Bộ tham gia Kháng chiến, phụ trách Đoàn Văn hóa Cứu quốc tỉnh Rạch Giá; nhà văn Nguyễn Tuân trước

1945 được xem như một người chỉ ưa đi tìm những thú vui của “một thời vang bóng”, mãi mê với những “giang hồ”, “xê dịch”, trong Kháng chiến chống Pháp từng phụ trách một đoàn kịch lưu động, tham gia nhiều chiến dịch và đi vào vùng sau lưng địch để lấy cảm hứng sáng tác. Trong cuộc đồng hành này có nhà văn đã ngã xuống với tư cách một chiến sĩ như Nam Cao (1915-1951), về sau được công nhận là liệt sĩ. Nhà thơ Thâm Tâm trong Kháng chiến đã tham gia làm báo Vệ Quốc quân (tiền thân của báo Quân đội Nhân dân sau này), hi sinh trên đường đi công tác ở chiến khu Việt Bắc, năm 1950. Có nhà văn ẩn mình trong trận tuyến thầm lặng như Vũ Bằng, ngay từ trong thời Kháng chiến chống Pháp đã là người của tổ chức bí mật, sau 1954 được cử vào miền Nam hoạt động dưới vỏ bọc một nhà báo. Ông là chiến sĩ điệp báo của mạng lưới Tình báo Quân đội. Đồng hành cùng Cách mạng cũng có nghĩa là đồng hành cùng đất nước, Nhân dân trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống lại hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ.

Thế hệ nhà văn tiền chiến (từ các trường phái lãng mạn, hiện thực) đồng hành cùng Cách mạng và Kháng chiến bằng những cống hiến xuất sắc của mình trong lĩnh vực sáng tạo văn chương đã được đánh giá và ghi nhận bằng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật cao quý (gồm 17 nhà văn): Anh Thơ, Bùi Hiển, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nguyễn Bính, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tế Hanh, Tô Hoài, Tú Mỡ, Xuân Diệu. Nếu chúng ta biết, tính từ đợt xét tặng đầu tiên (năm 1996) đến đợt xét tặng gần nhất (năm 2022), có tất cả 42 nhà văn vinh dự nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật, thì con số 17 các nhà văn tiền chiến là một “con số biết nói”.



Nghề làm muối ở Quỳnh Lưu. Ảnh: Nhật Thanh

Văn hóa làng nghề trong văn hóa xứ Nghệ

THIÊN TRANG

Làng nghề truyền thống là một nhân tố quan trọng trong văn hóa vùng miền. Với một vùng văn hóa độc đáo như xứ Nghệ, làng nghề có vai trò to lớn, là bông hoa đẹp trong bức tranh văn hóa chung. Làng nghề thể hiện sự đa dạng của văn hóa, thể hiện tính đặc sắc của địa phương. Và trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển làng nghề hợp lý là hướng đi đúng đắn để gắn bảo tồn văn hóa với phát triển kinh tế.

Sự đa dạng trong văn hóa xứ Nghệ nhìn từ các làng nghề truyền thống

Hiện nay, ước tính Nghệ An có khoảng 200 làng nghề truyền thống đang hoạt động. Quan điểm phát triển làng nghề của Nghệ An là: Phải kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; Phải gắn với phát triển kinh tế xã hội địa phương, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông thôn; phát huy giá trị văn hóa các dân tộc, nâng cao giá trị sản phẩm gắn liền với phát triển dịch vụ du lịch; Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng có nghề trên cơ sở bảo tồn và

phát huy các truyền thống văn hóa, tập quán của từng địa phương cùng với sự tham gia của cộng đồng gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; đa dạng hóa sản phẩm và ứng dụng các công nghệ mới; kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ cổ truyền với công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm vừa truyền thống vừa phải tinh xảo mang tính thương mại cao; Song song với việc bảo tồn cần tập trung khôi phục, phát triển các nghề, làng có nghề có nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh về nguyên vật liệu, kỹ năng, kỹ xảo sản xuất, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, thu hút nhiều lao động...

Làng nghề truyền thống ở Nghệ An đa dạng. Theo khu vực thì có làng nghề truyền thống cư dân ven biển, làng nghề truyền thống của cư dân đồng bằng, làng nghề truyền thống của cư dân vùng trung du, làng nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số ở vùng miền núi phía Tây Nghệ An. Theo lĩnh vực thì có làng nghề thủ công nghiệp, làng nghề ngư nghiệp, làng nghề nông nghiệp, làng nghề thương mại dịch vụ. Theo chủ thể thì có làng nghề của người Kinh, làng nghề của người Thái, làng nghề của người Thổ, làng nghề của người Mông, làng nghề của người Khơ Mú. Theo phân cấp quản lý còn có làng nghề truyền thống đã được công nhận và làng nghề truyền thống đang xây dựng chờ công nhận. Theo thực trạng thì có làng nghề truyền thống đang phát triển, làng nghề truyền thống đã mai một, làng nghề truyền thống đang được khôi phục và phát triển. Và càng đa dạng hơn nữa khi làng nghề truyền thống được gắn với tên gọi của sản phẩm chính của nó: làng nghề sản xuất tương, làng nghề thổ cẩm, làng nghề đan lát, làng nghề bánh đa, làng nghề sản xuất nước mắm, làng nghề mộc, làng nghề rèn, làng nghề muối,...

Sự đa dạng về làng nghề cũng thể hiện sự đa dạng của văn hóa Nghệ An. Và sự đa dạng đó, một mặt tạo ra một bức tranh làng nghề tuyệt đẹp cho tỉnh nhà, tạo sức hấp dẫn đối với du khách ở nhiều nơi muốn khám phá vẻ đẹp của các làng nghề truyền thống, là một nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch. Mặt khác, nó cũng tạo ra sự phức tạp và cần phải nghiên cứu, nhận thức rõ tính đa dạng lẫn tính đặc thù để xây dựng chính sách phát triển cho hợp lý.

Đặc trưng văn hóa của sản phẩm làng nghề

Một làng nghề thì thường gắn với một sản phẩm chủ đạo và độc đáo nhất tạo nên đặc trưng của làng



Sản phẩm của làng nghề mây tre đan bản Diêm, xã Châu Khê, huyện Con Cuông. Ảnh: Thanh Phúc

nghề đó. Không có một làng nào chỉ sản xuất một sản phẩm hay sống bằng một nghề duy nhất. Nhưng làng nghề truyền thống thường gắn với một sản phẩm nhất định.

Trước hết, sản phẩm của làng nghề truyền thống phải có chất lượng cao hơn các sản phẩm do nơi khác sản xuất. Chất lượng sản phẩm của làng nghề là điều quan trọng bởi nó khẳng định giá trị thương hiệu của làng nghề. Và chất lượng sản phẩm cũng là sự thể hiện của những bí quyết cơ bản về sản xuất sản phẩm trong làng nghề truyền thống. Chất lượng đó được khẳng định không chỉ qua bí quyết sản xuất mà còn được khẳng định qua kỹ năng, kinh nghiệm của những người thợ chuyên nghiệp đã được trao truyền qua nhiều thế hệ trong làng nghề. Tức là làng nghề cũng cần một thời gian đủ dài để phát triển và khẳng định sản phẩm của mình cho người sử dụng. Để làm được điều đó, nhiều khi phải trải qua nhiều thế hệ mới đạt được.

Thứ hai là sản phẩm của làng nghề truyền thống phải mang giá trị văn hóa đặc trưng của làng nghề đó, của địa phương đó và đặc biệt là của cộng đồng đó. Sản phẩm làng nghề truyền thống trước hết thể hiện sự thích ứng và sáng tạo của con người trong làng đó với môi trường tự nhiên của làng đó. Một làng nghề làm muối thì thường thể hiện nét đặc trưng văn hóa của người dân vùng biển. Tương tự, một làng nghề thổ cẩm thì gắn với văn hóa tộc người ở miền núi nhiều hơn. Và các sản phẩm thổ cẩm của các tộc người cũng có những đặc trưng riêng. Với thổ cẩm người Thái thì nổi tiếng hơn vì nó có họa tiết, hoa văn phong phú, và hiện nay còn được sản xuất tập trung ở nhiều làng khi tham gia vào thị trường. Hay các làng nghề đan lát của người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn cũng thể hiện những đặc trưng văn hóa của tộc người này.

Thứ ba, sản phẩm đặc trưng của một làng nghề truyền thống phải mang tính phổ biến trong làng nghề đó. Một làng nghề truyền thống được công nhận khi sản phẩm chủ yếu của làng nghề đó chiếm một tỷ lệ lớn trong đời sống sản xuất của

họ. Nghĩa là số hộ gia đình trong làng đó tham gia vào việc sản xuất sản phẩm chủ đạo này chiếm tỷ lệ lớn. Nếu chỉ một vài hộ sản xuất thì chưa thể tạo thành một làng nghề đúng nghĩa được.

Thứ tư, sản phẩm của làng nghề truyền thống phải có một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của làng đó. Đó chính là tiêu chí thu nhập. Làng nghề truyền thống thì sản phẩm truyền thống đó phải mang lại một nguồn lợi kinh tế quan trọng cho người sản xuất. Bởi có như vậy thì người ta mới có mục tiêu để trao truyền kinh nghiệm, kỹ năng, hướng đến thị trường để phát triển. Và hiệu quả sản xuất cũng là một yếu tố để làng nghề phát triển hay bị lụi tàn.

Và cuối cùng, là nhân tố con người trong làng nghề truyền thống. Sản phẩm của một làng nghề truyền thống phải được sản xuất từ những người thợ chuyên nghiệp và làng nghề. Nói cách khác, các làng nghề truyền thống phải hình thành được một đội ngũ lao động chuyên nghiệp chuyên sản xuất các sản phẩm đó. Nhìn chung, các làng nghề ở Nghệ An thường hướng đến các sản phẩm thể hiện sự cần cù, chịu thương, chịu khó, yêu cầu tỉ mỉ. Mà đó là những điểm mạnh của con người xứ Nghệ. Nên làng nghề cũng là một sự thể hiện bản lĩnh, tính cách con người Nghệ An.

Giữ gìn văn hóa làng nghề trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng là giữ gìn văn hóa xứ Nghệ

Các làng nghề truyền thống ở Nghệ An hiện nay chủ yếu vẫn ở các vùng nông thôn. Trong quá trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa, người dân làng nghề vẫn khá thụ động. Sự thụ động là nguyên nhân khiến cho họ gặp khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội trong sự phát triển của thị trường. Sự thụ động còn làm cho họ đối diện với nguy cơ mai một bản sắc văn hóa của mình. Làng nghề thổ cẩm của



Sản phẩm của làng nghề thổ cẩm bản Hoa Tiến, xã Châu Tiến, Quỳnh Châu đã vươn ra thế giới. (Trong ảnh: Nghệ nhân Sầm Thị Tình đang sắp xếp, trưng bày sản phẩm tại gian hàng thổ cẩm bên lề Hội thảo nghề dệt may truyền thống các nước ASEAN (TTAS), do nước chủ nhà Malaysia đăng cai, tổ chức tại thủ đô Putrajaya). Nguồn ảnh: Báo Dân tộc và Phát triển

người Thái ở bản Hoa Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu (Nghệ An) để phát triển thì nhiều khi phải đáp ứng nhu cầu của khách hàng bằng các đơn hàng mà nhiều khi không hẳn thể hiện bản sắc của người Thái. Nhưng họ phải lựa chọn hoặc theo thị trường để phát triển, hoặc bảo tồn bản sắc làng nghề nhưng bị mai một không tiếp cận thị trường được. Trường hợp các làng nghề vừa lựa chọn thị trường vừa bảo vệ bản sắc là điều kiện lý tưởng nhưng nó cần nhiều yếu tố trong đó người dân phải chủ động may ra mới thành công.

Nhìn rộng ra, trong quá trình đưa sản phẩm của các làng nghề truyền thống vào kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, chúng tôi thấy rằng chỗ nào người dân chủ động và có quyền quyết định thì giữ được bản sắc văn hóa làng nghề, thậm chí họ còn bản địa hóa, địa phương hóa ngược lại các giá trị văn hóa phổ biến của toàn cầu hóa. Và ngược lại, những chỗ nào người dân càng thụ động thì bản sắc làng nghề càng mai một nhanh chóng hơn. Như vậy, vị thế của người dân chủ thể của làng nghề trong bối cảnh toàn cầu hóa rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hóa làng nghề.

Vậy nên, để giữ gìn bản sắc văn hóa làng nghề truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa cần phải định vị lại vị thế của người dân trong làng nghề. Chính quyền cần phải có chính sách hỗ trợ cho người dân làng nghề truyền thống nhiều hơn trong quá trình phát triển. Phát triển xã hội dân sự cũng như có sự hỗ trợ cho người dân tiếp cận các thông tin và thể hiện tiếng nói của mình trong quá trình phát triển. Điều đó sẽ làm cho quá trình phát triển làng nghề truyền thống có hiệu quả hơn và vẫn giữ được giá trị bản sắc làng nghề trong quá trình toàn cầu hóa một cách phù hợp.

Đặc trưng của hoa văn trên hiện vật vải của dân tộc Thái tại Bảo tàng Nghệ An

MINH NGUYỆT

Trải qua hàng trăm năm sinh sống lao động và sản xuất, người Thái ở Việt Nam nói chung và ở Nghệ An nói riêng đã tạo dựng cho mình một bản sắc văn hóa độc đáo, đặc trưng góp phần làm nên một nền văn hóa Việt Nam phong phú và đậm đà bản sắc.

Hiện nay, Bảo tàng Nghệ An đang lưu giữ và bảo quản hàng nghìn tài liệu hiện vật từ thời tiền sử sử đến nay. Trong đó, có rất nhiều hiện vật vải của rất nhiều dân tộc như Thái, Thổ, Khơ Mú, Ô Đu, Đan Lai, Vân Kiều... và phong phú hơn cả là hiện vật vải của dân tộc Thái với 82 hiện vật với rất nhiều hoa văn đẹp và đặc sắc.

Để có những sản phẩm thổ cẩm nhiều màu sắc, đa dạng văn hóa là cả một quá trình chiêm nghiệm, sáng tạo của con người, qua đôi bàn tay khéo léo, cần cù của người phụ nữ. Phụ nữ Thái đã tạo ra những sản phẩm tinh hoa mang hồn cốt văn hóa dân tộc. Nhưng đặc trưng hoa văn thổ cẩm của người Thái thường theo mô típ tượng trưng, cách điệu các hình tượng từ thiên nhiên nhằm khắc họa đời sống sinh hoạt của đồng bào và thể hiện ước mơ của con người. Qua thẩm mỹ và tài nghệ của người phụ nữ, chúng được kết hợp khéo léo, cân đối, hài hòa toát lên tình cảm, suy nghĩ của con người về cuộc sống xã hội và tự nhiên.

Bên cạnh đó, quan điểm thẩm mỹ của đồng bào dân tộc Thái thể hiện qua họa tiết hoa văn trên trang phục làm nổi bật nét tinh hoa văn hóa, quan điểm thẩm mỹ của dân tộc mình, biến những trang phục cùng nghệ thuật tạo hình hoa văn trên đó không chỉ là đồ mặc thông thường trong ngày lễ tết, lễ hội, hay cưới xin mà còn mang tính thẩm mỹ độc đáo, đi sâu vào đời sống tâm linh của cộng đồng.

“Úp bàn tay thành hình muôn sắc/ Ngửa bàn tay thành hoa muôn màu”, đó là cách ví von bàn tay khéo léo của người phụ nữ Thái một khi đã thành thạo trong tạo hình hoa văn thổ cẩm, hay nói cách khác là kể chuyện bằng hoa văn họa tiết. Hoa văn thường thấy trên hiện vật thổ cẩm Thái tại



Váy có hoa văn rồng đối xứng của bà Lương Thị Lan dân tộc Thái ở bản Mác, xã Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An tự dệt dùng để mặc (Váy: BTNA. 5676/V.465)



Váy của chị Lương Thị Xuân, bản Xốp Pốt, xã Kim Đa, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Tự dệt, tự nhuộm sử dụng vào thời gian từ năm 1990 đến 2002. Sọc ngang, màu đỏ, đen, vàng, xanh. Hình 5 đôi chim bồ câu, dây hoa lá. (Váy: BTNA. 430/V.51)

Bảo tàng Nghệ An là hình mặt trời, hình trăng sao, muông thú (voi, hươu, chim bồ câu, rồng...), hoa cỏ... Mỗi loại hoa văn đều có ý nghĩa, đều thể hiện tâm tư, ước nguyện của người Thái gửi gắm lên đó. Cụ thể các hoa văn được thêu dệt trên hiện vật vải của người Thái tại Bảo tàng Nghệ An như sau:

Hoa văn rồng đối xứng (sóng ngược), rồng hai đầu. Hình ảnh đôi rồng đối xứng nhưng vẫn gắn kết với nhau hoặc rồng hai đầu hoặc là đôi chim bồ câu thường được người Thái gắn với tình cảm vợ chồng. Vì vậy mà người Thái dệt hoa văn rồng đối xứng, rồng hai đầu, đôi chim bồ câu (vợ chồng liên tâm) để bày tỏ lòng mong muốn có một cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Váy là trang phục truyền thống thể hiện nét đẹp văn hóa, tín ngưỡng, lối sống của dân tộc Thái ở miền Tây Nghệ An. Váy gồm 3 phần: Phần lưng màu trắng, dệt bằng sợi bông, phần thân nhuộm chàm màu đen, phần chân thêu bằng sợi tơ, nhuộm nhiều màu rồi thêu trên nền vải bông gồm hoa văn hình thoi, hoa văn hoa mướp, hình 4 con rồng, hoa văn cầu vồng 7 màu kiểu sọc ngang, phần chân váy chỉ một màu trắng thêu chân rết.

Con voi là loài vật to nhất trong các loài động vật sống trong rừng, có sức mạnh phi thường, sống tập trung bầy đàn thể hiện tình đoàn kết và đùm bọc lẫn nhau. Khi xưa, voi còn giúp người Thái chở hàng qua núi rừng, qua sông suối. Chính vì vậy mà người Thái dệt hoa văn con voi để bày tỏ lòng yêu mến con vật này, đồng thời cũng để ca ngợi tính trung thành và tính cộng đồng của đàn voi.



Mặt chăn sử dụng trong gia đình do chị Lương Thị Long, bản Xiềng Lằm, xã Hữu Khuông, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An tự dệt để sử dụng. Nền đỏ, thêu hình con voi, màu tím, xung quanh hoa văn kỷ hà màu trắng, tím, vàng, hoa văn hình ô vuông, hình bông hoa 4,5,6 cánh. Sơ tư năm 1998. (Mặt chăn: BTNA 421/V. 42)

Một loại hoa văn hay gặp trong thổ cẩm của người Thái, đó là hình con Hươu. Theo quan niệm của người Thái, đây là con vật tượng trưng cho sự tự do và trung thành. Có câu chuyện kể về một cậu bé nghèo chăm sóc con hươu, bảo vệ nó khỏi



Tranh của bà Sầm Thị Bích, thôn Hoa Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh châu, tỉnh Nghệ An. Tranh Hươu: BTNA 6166/V.535

lão đồ tể gian ác. Cậu bé và con hươu trở thành bạn thân. Sau đó cậu bé đi học xa, không kịp chào từ biệt Hươu. Hươu lớn lên và trở thành đầu đàn. Một ngày nó ăn được một ít muối của những người đi rừng làm rơi và nhớ lại vị cơm nắm muối mà cậu bé mang lên nuôi nó. Hươu tìm về cái hang mà cậu bé từng dấu và chờ người bạn thơ ấu. Cậu bé giờ đã thành đạt, một ngày về thăm quê nhà, nhớ con hươu ngày nào nên lên cửa hang tìm hươu không thấy, chỉ thấy một cái cây thân như sừng hươu và có hoa trắng tinh khôi thơm ngát... Đây là một trong những câu chuyện kể về hoa văn trên nền thổ cẩm được dệt bởi bàn tay khéo léo của phụ nữ Thái.

Tranh thổ cẩm của dân tộc Thái, hình chữ nhật. Trên mặt tranh được dệt 4 con hươu có các chấm sao màu đỏ và màu xanh trên thân hươu, thêu hoa văn hình học với màu sắc chủ đạo tím, xanh, đỏ, xung quanh được bo điểm chỉ màu đỏ và hồng rộng 3cm hình sóng nước.



Chăn do bà Lang Thị Lan, 55 tuổi xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu tự dệt để sử dụng. Hai mặt, 1 bên vải thô trắng, 1 bên thêu hình 2 con hươu màu trắng, xung quanh thêu hoa lá nhiều màu. Màu sắc chủ đạo là màu trắng, xanh, vàng, nâu và tím. (Chăn BTNA 428/V.48)

Qua đây, chúng ta có thể biết được mỗi sản phẩm dệt thổ cẩm được sản xuất theo phương pháp thủ công truyền thống, với những chiếc váy, những tấm vải đủ màu sắc, hoa văn mang đậm giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Các mẫu mã được lấy từ thực tế cuộc sống và cách điệu tạo nên những hoa văn sắc sảo, mềm mại, uyển chuyển công phu và đầy sáng tạo.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021: “Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Nguồn ảnh: VN Express

Văn hóa phải là mục tiêu và động lực của phát triển

TRANG TUỆ

Khi ra đời, khái niệm phát triển tách rời khỏi văn hóa. Nhưng càng về sau, người ta càng thấy đó là điều không nên, không được và có thể để lại nhiều hệ quả nguy hại. Để phát triển hài hòa và bền vững, chúng ta phải xem văn hóa là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, và cũng là một tiêu chí đánh giá quá trình phát triển.

Lâu nay, chúng ta vẫn nghĩ như là đã hiểu rõ hết về văn hóa và phát triển cũng như mối quan hệ giữa nó. Một mặc định hiển nhiên như vậy làm cho chúng ta không thấy hết sự biến đổi và vị

thế của hai khái niệm này trong mối quan hệ với con người, và cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều sai lầm trong hoạch định các chính sách phát triển cả về vĩ mô lẫn vi mô. Vậy nên, trong bối cảnh mới, nhất là trong một tiến trình mà các quốc gia đang không ngừng nỗ lực tăng quyền và trao quyền phát triển cho các chủ thể văn hóa, thì nhận thức về văn hóa và phát triển cũng cần phải xem xét lại để phù hợp hơn với quá trình phát triển và hội nhập của đất nước.

Khi mới xuất hiện trong kinh tế học, khái niệm phát triển gắn với kinh tế, mà trọng tâm là tăng trưởng kinh tế. Nói đến phát triển là người ta nói đến sự tăng trưởng kinh tế, cụ thể hơn là sự tăng trưởng chỉ số GDP của quốc gia. Nhưng quan niệm này ngày càng hạn chế khi mà người ta đặt ra câu hỏi rằng: Văn hóa nằm ở đâu trong quá trình phát triển? Bởi văn hóa vô cùng quan trọng. Nó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, trước nhu cầu tái thiết các quốc gia sau sự tàn phá của bom đạn, nhiều

vấn đề văn hóa, xã hội trở thành trọng tâm của các chiến lược khôi phục và phát triển của các quốc gia. Từ đó, khái niệm phát triển được mở rộng ra, điểm nhấn lớn nhất là đưa con người vào trọng tâm của sự phát triển. Sau đó, các mục tiêu khác cũng được đặt ra trong quá trình phát triển, hình thành khái niệm phát triển bền vững. Khác với phát triển theo nghĩa ban đầu tập trung vào tăng trưởng kinh tế thì phát triển bền vững đặt ra nhiều vấn đề hơn và dựa trên nhiều trụ cột, trong đó chủ yếu là môi trường, văn hóa, chính trị, xã hội, kinh tế và con người. Hay nói cách khác, phát triển từ lấy tăng trưởng kinh tế làm trung tâm chuyển sang lấy con người làm trung tâm. Nói về quá trình chuyển biến này, học giả Cuche đã tổng kết lại: Rất nhanh chóng, lối tiếp cận chỉ mang tính kinh tế đối với sự phát triển đã bộc lộ những hạn chế của nó. Một khảo cứu sâu sắc về các tiến trình phát triển và kém phát triển đã cho thấy vấn đề không chỉ là kinh tế. Kể từ đó, nhiều tác giả đã đề cao tầm quan trọng của các nhân tố xã hội trong sự phát triển (công bằng xã hội, bình đẳng, v.v...). Tiếp theo sau các nhà nghiên cứu đã tiếp tục đẩy mạnh các chỉ số để đánh giá sự phát triển một cách toàn diện hơn. Kết quả là bộ chỉ số phát triển con người (HDI) được đưa ra vào năm 1990 để bổ sung và điều chỉnh các chỉ số kinh tế. HDI được xây dựng từ ba tiêu chí cơ bản: Tuổi thọ, trình độ học vấn và sức mua thực bình quân đầu người. Gần đây hơn, vào năm 2004, trong báo cáo thường niên có nhan đề “Tự do văn hóa trong một thế giới đa dạng hóa” (La Liberté culturelle dans un monde diversifié), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) đã chỉ ra rằng sự phát triển cũng là

một vấn đề văn hóa, theo nghĩa nhân học của từ này. Đối với các tác giả của bản báo cáo đó, không có sự phát triển hài hòa, cân bằng và công bằng khả dĩ nếu không có tự do văn hóa. Báo cáo cũng lưu ý một cách đặc biệt sự phát triển đang suy giảm ở khoảng 20 quốc gia mà ở đó, một số nhóm dân cư đang bị loại trừ về văn hóa, kèm theo mọi kiểu loại trừ khác làm nảy sinh những căng thẳng, thậm chí là xung đột chết chóc. Do đó, việc tôn trọng các nền văn hóa thiểu số không chỉ là vấn đề công bằng, nó còn là vấn đề về việc quản trị tốt vốn thúc đẩy sự hội nhập xã hội và, cuối cùng là sự phát triển.

Như vậy, chúng ta có thể có thể thấy rằng sự chuyển đổi của khái niệm phát triển từ tập trung vào kinh tế sang lấy con người làm trọng tâm là một quá trình tất yếu và mặt khác, đó cũng là vấn đề văn hóa. Văn hóa giữ vai trò quan trọng trong phát triển, là mục tiêu, là động lực và cũng là một điều kiện, một tiêu chí để đánh giá sự phát triển. Sự tự do văn hóa giữ vai trò quan trọng trong phát triển mà trong đó, vai trò của chủ thể văn hóa vô cùng quan trọng. Văn hóa của các nhóm thiểu số không chỉ cần được tôn trọng mà còn phải được tìm hiểu và vận dụng vào quá trình phát triển như là một nhân tố để đảm bảo tính công bằng trong quá trình hội nhập. Hơn nữa, văn hóa cần được coi là một nguồn vốn quan trọng trong quá trình phát triển. Và nguồn lực này rất lớn, lại có thể khai thác lâu dài, và đặc biệt là đảm bảo được tính bền vững, hạn chế được sự tàn diệt môi trường cũng như cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Ở các nước đang phát triển như Việt Nam, văn hóa ít khi được coi là mục tiêu và động lực của quá trình phát triển. Người ta vẫn quan tâm đến nhân tố kinh tế và xem đó là tiêu chí quan trọng nhất để phát triển và cũng cho rằng phát triển kinh tế sẽ làm chìa khóa để giải quyết các vấn đề khác như chính trị, xã hội, môi trường hay văn hóa. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, kinh tế Việt Nam phát triển chưa phải quá nhanh nhưng các nền văn hóa của các cộng đồng lại bị thay đổi, mất mát một cách nhanh chóng. Và sự thực thì dù chi ra rất nhiều tiền nhưng việc bảo tồn và khôi phục các giá trị văn hóa của các cộng đồng vẫn chưa đạt được hiệu quả. Nó đòi hỏi người ta phải xem xét lại mục tiêu và động lực của phát triển. Đúng là trong bối cảnh đất nước còn nghèo thì việc đẩy mạnh phát triển kinh tế để nâng cao đời sống con người trở thành nhiệm vụ trung tâm và thiết thực nhất, cũng dễ đánh giá nhất. Nhưng trong một chiến lược phát triển dài hạn thì cần phải xem văn hóa là mục tiêu, là động lực của quá trình phát triển. Có thể nó không thúc đẩy sự giàu có trở nên nhanh chóng, nhưng lại tạo ra sự bền vững và hài hòa hơn trong quá trình phát triển. Điều đó giúp cho tránh được nhiều vấn đề bất cập xuất hiện sau này mà kinh tế chưa hẳn có thể giải quyết được.

Kinh nghiệm quốc tế về hồi hương cổ vật

PHAN THANH HẢI



Cổ vật mỹ quan triều Nguyễn được hồi hương thành công năm 2021

CỔ VẬT BỊ CƯỚP BÓC HAY THẤT LẠC LÀ CÂU CHUYỆN CHUNG CỦA NHIỀU QUỐC GIA, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG THỜI CẬN ĐẠI, KHI CHỦ NGHĨA TƯ BẢN PHƯƠNG TÂY BÀNH TRƯỚNG RA KHẮP THẾ GIỚI. ĐỘI QUÂN XÂM LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC CHÂU ÂU KHÔNG CHỈ TÀN PHÁ NHIỀU NỀN VĂN MINH Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI, CHÂU MỸ, CHÂU ĐẠI DƯƠNG MÀ CÒN CƯỚP BÓC VÔ SỐ CÁC CỔ VẬT QUÝ GIÁ CỦA CÁC QUỐC GIA, DÂN TỘC BỊ XÂM LƯỢC VÀ NÔ DỊCH. NHƯNG TRONG KHOẢNG VÀI CHỤC NĂM TRỞ LẠI ĐÂY, MỘT SỐ NƯỚC ĐÃ KHÁ THÀNH CÔNG TRONG VIỆC HỒI HƯƠNG CÁC CỔ VẬT VỐN ĐƯỢC XEM LÀ BÁU VẬT HAY BIỂU TƯỢNG VỀ VĂN HÓA, LỊCH SỬ CỦA HỌ. NHỮNG KINH NGHIỆM PHONG PHÚ CỦA CÁC QUỐC GIA NÀY LÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM RẤT QUÝ CHO VIỆT NAM...

Nhiều chính sách linh hoạt, phù hợp

Đó là kinh nghiệm từ Trung Quốc. Trong khoảng 20 năm trở lại đây, Trung Quốc là một trong những quốc gia thành công nhất trong việc hồi hương các báu vật, cổ vật từ nước ngoài nhờ sự vào cuộc quyết liệt của chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của lực lượng Hoa kiều, và đặc biệt là nhờ có những chính sách linh hoạt, phù hợp.

Theo Học viện Di tích Văn hóa Trung Quốc, tính từ mốc chiến tranh Nha phiến 1840 đến nay, có khoảng 10 triệu cổ vật Trung Quốc đã bị cướp bóc, bị chuyển ra nước ngoài bằng nhiều con đường khác nhau. Đây là một kho tàng di sản khổng lồ vốn của quốc gia đông dân nhất trên thế giới mà nhất thiết họ phải từng bước đòi lại bằng được. Chính phủ Trung Quốc đã xem việc hồi hương các cổ vật là một trong những vấn đề cần được ưu tiên hàng đầu, từ đó họ có sự đầu tư xứng đáng để nghiên cứu, ban hành những chính sách phù hợp. Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an... là những bộ quan trọng nhất đóng vai trò tham mưu, xây dựng các chính sách về vấn đề này. Tựu trung, các chính sách của Trung Quốc thể hiện nổi bật ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất là tăng cường tham gia các điều ước, công ước quốc tế về vấn đề hồi hương, trao trả cổ vật, hạn chế ngăn chặn tình trạng buôn bán trái phép, đánh cắp cổ vật, tìm cách đưa thành viên tham gia trực tiếp vào các tổ chức quốc tế liên quan. Tác dụng và hiệu quả của chính sách này thể hiện rất rõ. Chỉ sau một thời gian ngắn, Trung Quốc đã có chân, thậm chí đã trở thành “những thế lực quan trọng” trong nhiều tổ chức quốc tế, nhất là Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO và một số tổ chức thuộc Liên Hiệp quốc. Họ đã có tiếng nói mạnh mẽ trong các diễn đàn này, từ đó tham gia bổ sung, điều chỉnh các công ước, điều ước quốc tế theo hướng có lợi cho việc

hoàn trả các cổ vật bị cướp bóc hay bị đánh cắp trong quá khứ. Đó cũng là căn cứ pháp lý quan trọng để họ tiến hành đàm phán ngoại giao, thậm chí khởi kiện xuyên quốc gia để đòi lại cổ vật khi cần thiết.

Thứ hai là, Trung Quốc tích cực tham gia ký kết các hiệp định song phương về bảo vệ và trao trả các di sản văn hóa với các nước để mở đường cho việc hồi hương các cổ vật. Đến nay, Trung Quốc đã ký kết 23 thỏa thuận song phương với các quốc gia ở châu Âu, Mỹ, Úc, là những quốc gia hiện đang nắm giữ nhiều nhất các cổ vật có nguồn gốc Trung Quốc để tạo hành lang pháp lý cho việc hồi hương các cổ vật và di sản văn hóa của họ.

Thứ ba là, tích cực vận động Hoa kiều ở các nước chung tay tìm kiếm, phát hiện, cung cấp danh sách các cổ vật Trung Quốc đang ở nước ngoài, vận động Hoa kiều tham gia quyên góp, đấu giá, hiến tặng cổ vật cho đất nước. Hoa kiều là một lực lượng hùng hậu và có nguồn lực rất lớn và dường như có mặt ở khắp thế giới. Trong nhiều năm qua, họ đã có những đóng góp rất tích cực cho công tác hồi hương cổ vật.

Nói tóm lại, kinh nghiệm của Trung Quốc là sự vận dụng các chính sách và phương pháp tổng hợp bao gồm hợp tác quốc tế, thực thi song phương, đàm phán ngoại giao, khởi kiện xuyên quốc gia, vận động quyên góp và mua lại qua thương lượng hoặc đấu giá.

Thành công của Trung Quốc thì có nhiều, nhưng tiêu biểu là sự kiện năm 2013, tỷ phú người Pháp Pinault đã trả lại 7 chiếc mặt nạ linh thú bằng đồng (trong số 12 mặt nạ của 12 con giáp ở Viên Minh Viên, Bắc Kinh) có trị giá tới

126 triệu USD vốn bị liên quân Anh - Pháp cướp đi trong cuộc tấn công năm 1860. Hay sự kiện năm 2019, một nhà sưu tầm người Mỹ đã phải trả lại cho Trung Quốc 361 hiện vật, nhóm hiện vật rất có giá trị sau khi FBI phát hiện đây là các cổ vật bị đánh cắp. Một ví dụ khác là tỷ phú Hồng Kông Hà Hồng Sâm đã nhiều lần tặng lại các cổ vật quý cho nhà nước Trung Quốc, trong đó có hai chiếc mặt nạ thổ và chuột của Viên Minh Viên, trị giá hàng chục triệu USD...

Đàm phán ngoại giao toàn cầu

Đàm phán ngoại giao là con đường hồi hương cổ vật hiệu quả mà nhiều quốc gia thực hiện như Ai Cập, Ấn Độ, các nước châu Phi và Nam Mỹ,...

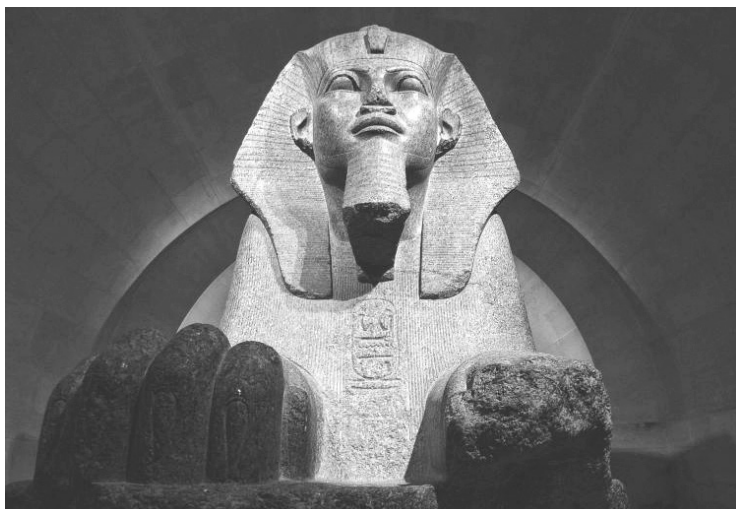
Ai Cập là một trong những quốc gia có lượng cổ vật quý giá bị cướp đoạt nhiều nhất trong quá khứ, nhưng gần đây chính phủ Ai Cập đã tỏ rõ nỗ lực hồi hương các cổ vật của đất nước mình. Chính phủ Ai Cập đã phát động một chiến dịch toàn cầu chủ yếu là thông qua con đường đàm phán ngoại giao để đòi lại các cổ vật, và họ đã đạt được nhiều thành công rất đáng kể. Tháng 2/2021, Chính phủ Mỹ đã trả lại khoảng 5.000 cổ vật cho Ai Cập, và đây là kết quả của những nỗ lực đàm phán từ năm 2016. Cuối năm 2021, Ai Cập lại thông báo họ thu hồi được 36 cổ vật từ Tây Ban Nha, đây là các cổ vật bị đánh cắp và buôn lậu từ Ai Cập qua quốc gia châu Âu này. Bên cạnh việc đàm phán ngoại giao với các quốc gia, Ai Cập cũng quyết liệt kiểm soát nạn buôn lậu cổ



Mặt nạ đầu hổ bằng đồng, một trong 12 con giáp ở Viên Minh Viên, Bắc Kinh bị cướp đoạt năm 1860 đã được hồi hương Nguồn: Internet

vật từ trong nước. Họ thành lập cơ quan theo dõi các trang giao dịch trực tuyến và các sàn đấu giá cổ vật của phương Tây để nắm được tình trạng các cổ vật đã và đang bị buôn bán hay đấu giá, từ đó đưa ra các giải pháp để ngăn chặn hay thu hồi những cổ vật này. Họ cũng tích cực làm việc với các nhà đấu giá, các sàn giao dịch cổ vật và các nhóm nghiên cứu, đấu tranh cho văn hóa để nắm thông tin và tìm cách kiểm soát việc buôn bán cổ vật có nguồn gốc từ đất nước mình. Cách đây khoảng 10 năm, Ai Cập đã hồi hương được 83 cổ vật thông qua việc kiểm soát này, đồng thời ngăn chặn được việc buôn bán 390 cổ vật Ai Cập trên khắp thế giới, mở đường cho việc hồi hương các cổ vật này.

Ấn Độ đã xem ngoại giao cổ vật là một trong những chính sách ngoại giao văn hóa - chính trị quan trọng đối với các nước phương Tây. Sau khi lên nắm quyền năm 2014, ông Modi đã có công trực tiếp thuyết phục thành công và hồi hương hàng chục cổ vật sau những chuyến công du ngoại giao. Để hỗ trợ cho việc này, Modi đã cho thành lập một cơ quan đặc biệt (STF) tập hợp một số quan chức ngoại giao và văn hóa có năng lực để thường xuyên liên lạc với chính phủ của các quốc gia nhằm xác minh rõ các cổ vật Ấn Độ đang được lưu giữ tại các quốc gia này. Chính phủ Ấn Độ còn tích cực ký kết biên bản ghi nhớ với một số nước về vấn đề trao đổi, hồi hương cổ vật. Một số cơ quan chuyên môn về khảo cổ học, bảo tàng, cơ quan điều tra cũng phải tham gia vào hoạt động này. Bên cạnh đó, chính phủ còn phát động các dự án như “Tự hào Ấn Độ”, “Khôi phục niềm kiêu hãnh



Bức tượng nhân sư bằng đá của Ai Cập hiện trưng bày tại Bảo tàng Louvre, Paris, Pháp. Nguồn: Bảo tàng Lịch sử quốc gia

Ấn Độ” để huy động các tình nguyện viên và Ấn kiều trên toàn cầu tham gia. Tháng 9.2021, Thủ tướng Modi đã thuyết phục thành công Chính phủ Mỹ trả lại cho Ấn Độ 157 cổ vật khi ông viếng thăm quốc gia này. Không chỉ với Chính phủ Mỹ, mà ông đã thuyết phục thành công chính phủ các nước Đức, Canada, Singapore, Australia... trả lại cổ vật cho Ấn Độ.

Bên cạnh các quốc gia tiêu biểu, nổi bật trong công cuộc hồi hương cổ vật như Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ nói trên, hiện nay các quốc gia ở châu Phi, Nam Mỹ, Đông Nam Á... cũng rất quan tâm đến vấn đề này. Các nước châu Phi và Nam Mỹ thì chủ yếu thông qua con đường ngoại giao để đòi lại các báu vật mà họ đã từng bị tước đoạt. Một số nước như Nigeria, Benin, Peru đã đạt được những thành công nhất định khi một số quốc gia châu Âu như Đức, Pháp, Bỉ và cả Hoa Kỳ đã đồng ý trao trả lại cho họ một số cổ vật quý vốn bị cướp đoạt trong quá khứ.



Từ những kinh nghiệm quý giá của các quốc gia trong công tác hồi hương cổ vật, Việt Nam cần đầu tư nghiên cứu để rút ra bài học bổ ích cho mình. Điều quan trọng nhất hiện nay là phải nhanh chóng xây dựng được một chiến lược quốc gia về hồi hương cổ vật và các di sản văn hóa. Từ đó chủ động xây dựng và ban hành những chính sách linh hoạt và phù hợp và có sách lược vận dụng khéo léo trong từng trường hợp cụ thể.

Người Việt Nam luôn tự hào là một dân tộc thông minh. Ít ra, họ phải chứng minh được điều đó trong việc “lấy lại những gì mình đã mất”, mà chuyện hồi hương cổ vật có thể xem là một thí dụ điển hình.

TỰ HỌC

hành trình dệt nên những ước mơ của học sinh trường Phổ thông DTNT THPT số 2 Nghệ An

PHAN THỊ HỒNG



Ban đêm ở Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An

Nằm ở xã Nghi Ân, thành phố Vinh, cách xa những ồn ào náo nhiệt của chốn thị thành, lặng lẽ nép mình giữa bao bọc cây xanh, đó là Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An (sau đây gọi là Trường Nội trú số 2) - ngôi trường mới chỉ hơn 10 mùa ban nở. Học sinh đến đây từ các bản làng xa xôi ở miền Tây xứ Nghệ, các em là tổng hòa

mọi hương sắc núi rừng, độc đáo bản sắc và trong trẻo như nước suối bản xa. Nét tinh khôi ấy là sự hồn nhiên chân chất trong lối sống, là những e ấp rụt rè trong sinh hoạt, và cả những xuất phát điểm đầy khiêm tốn trong đầu vào của bậc học phổ thông. Thực tế điểm đầu vào THPT của trường nội trú 2 rất thấp, có nhiều em tuyển thẳng theo chế độ dân tộc quá ít người, nhưng chỉ sau 3 năm được vun trồng trong khuôn viên bình yên ấy, các em đã đạt được những thành tích đáng kinh ngạc. Điểm thi tốt nghiệp THPT xếp thứ 2 toàn tỉnh trong hai năm liên tiếp, nhiều môn học luôn giữ vị trí số 1 của giáo dục tỉnh nhà. Danh sách học sinh được khen thưởng tuyên dương luôn nằm top đầu của tỉnh Nghệ An và top đầu của cả nước trong hệ thống các trường DTNT. Mỗi năm, Ủy ban Dân tộc tuyên dương học sinh dân tộc



thiếu số tại Hà Nội, Trường Nội trú số 2 Nghệ An luôn áp đảo cả nước với số lượng dẫn đầu vượt trội.

Những hạt vàng bội thu ấy là công sức của cả một mùa vun trồng chăm bẵm, là sự vất vả nhọc nhằn của người gieo chữ tận tình không quản nắng mưa. Nhưng nếu được chọn một yếu tố lớn lao quyết định thành công của học trò Trường Nội trú 2 thì câu trả lời là: Tự học.

Tự học - quan điểm giáo dục có bề dày truyền thống của nhà trường

Ngay từ những ngày đầu thành lập đến nay đã hơn 12 năm trưởng thành và phát triển, thầy trò Trường nội trú 2 luôn vững vàng quan điểm giáo dục: Lấy tự học làm trục chính để chiếm lĩnh tri thức cho mỗi học sinh. Đây không phải là một quan điểm mới mẻ nhưng tổ chức được, duy trì được, áp dụng được, tạo ra hiệu quả được mới là điều đáng trân trọng.

Quan điểm giáo dục này thấm nhuần từ Ban Giám hiệu đến các tổ chức trong nhà trường, trở thành con đường và mục tiêu hướng đến của giáo viên và học sinh trong 3 năm các em học tập tại trường. Bởi thế việc triển khai quan điểm cũng thật bài bản, khoa học và thật sự nề nếp.

Tự học - Hành trình đầy gian nan từ những ngày đầu

Trước hết, việc tự học được triển khai tới từng phụ huynh, học sinh ngay khi các em mới vào trường. Học sinh và gia đình sẽ được nắm bắt những quy định của nhà trường đối với học sinh nội trú, trong đó quy định nổi bật nhất là học sinh không được tự ý sử dụng điện thoại di động trong khuôn viên nhà trường. Việc liên lạc với gia đình có điện thoại của ban quản lý kí túc xá, có điện thoại của giáo viên chủ nhiệm, việc tiếp cận mạng Internet sẽ có các bộ phận chuyên môn đảm trách, điện thoại di động cá nhân của các

em sẽ được gửi lại gia đình hoặc giáo viên chủ nhiệm, các em sẽ được nhận lại khi cần. Quy định này nhằm tạo cho các em học sinh sự tập trung tối đa vào học tập, tránh sa đà vào thế giới ảo lẫn lộn lợi - hại mà lứa tuổi này không dễ nhận ra.

Cũng cần thừa nhận rằng, những ngày chập chững trước ngưỡng cửa cấp 3, các em chưa hề có khả năng tự học, mọi hoạt động giáo dục chủ yếu là “cầm tay chỉ việc”, “đập đi hò đúng” như chính tính cách và con người các em. Bởi vậy, ngay sau vài tuần làm quen với môi trường mới, nhà trường đã tổ chức những Câu lạc bộ (CLB) tự học các môn cho học sinh lớp 10. Mỗi môn sẽ được tổ chức riêng một buổi, tổ chuyên môn của bộ môn đó chịu trách nhiệm tổ chức CLB này. Trong buổi tổ chức CLB, các em sẽ được các thầy cô tận tình chỉ bảo phương pháp tự học từng phần, từng chương, từng phân môn trong môn học của mình. Các em còn được nghe những chia sẻ hữu ích việc tự học từ chính các anh chị vừa đạt thành tích cao trong kì thi tốt nghiệp năm học vừa rồi (là các học sinh được UBND tỉnh vinh danh vì đạt điểm cao kì thi tốt nghiệp).. Sự chia sẻ chân thành từ những người trong cuộc không chỉ giúp các em cái nhìn chân thực, cụ thể về việc tự học mà còn kích thích, thổi lửa, tạo nên khát vọng lớn lao đạt được thành tích như các anh chị đi trước của các em khối 10.

Sau khi đã nắm vững phương pháp tự học, các em học sinh dường như thấy rõ hơn con đường mình sẽ đi, nhận ra hương

sắc thú vị trên hành trình khá dài của mình. Đó cũng là lúc các em cần biết cách phân chia thời gian phù hợp cho những mục tiêu đã định. Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) của các em sẽ hướng dẫn lớp mình lập thời gian biểu tự học phù hợp định hướng khối của lớp mình. Thời gian biểu tự học sẽ được GVCN duyệt, sau đó dán ngay trên vị trí bàn học để hằng ngày học sinh áp dụng. Mỗi buổi tự học, GVCN sẽ đột xuất kiểm tra xem học sinh lớp mình có thực hiện đúng thời gian biểu hay không.

Để việc tự học trở thành nề nếp, tổ trực đêm, tổ quản sinh sẽ thường trực đêm - ngày để nhắc nhở, động viên, quán xuyến sát sao tình hình tự học của mỗi lớp. Cuối tuần giao ban chủ nhiệm, ban giám hiệu và các GVCN nắm bắt đến từng học sinh để kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn giúp các em biến tự học thành nhu cầu thiết yếu.

Cứ thế từng ngày một, dưới sự cố gắng của từng em, sự giúp đỡ tận tình từ thầy cô giáo, các em đã quen dần với nề nếp tự học. Đến giữa học kỳ I, các em đã chủ động hơn trong tự học, nhiều lớp tự tìm tòi khám phá kiến thức ngoài bài học, thậm chí tự làm bài, cuối buổi học tập trung nhờ giáo viên chữa bài. Cứ thế, bằng chính đôi chân của mình, các em đã tự tin hơn, bước từng bước thật chắc chắn tiến về đích đến. Và chúng tôi nhận thấy rằng ngay trên cuộc hành trình ấy, các em đã trưởng thành, các em đang hạnh phúc!

Tự học - Nét đẹp của Trường Nội trú số 2

Nếu có dịp ghé mái nhà Nội trú 2, chúng ta sẽ dễ nhận thấy hình ảnh học sinh tự học trong mọi góc nhỏ khuôn viên nội trú. Đó là những buổi đêm học sinh cả trường tự học trong lớp, thầy cô đến thăm lớp, ngồi ngoài hàng cây nhìn vào mà không nghe một tiếng ồn ào. Đó là những buổi

chiều dưới bóng mát nhà sàn, ghế đá, bên ao cá, gốc cây, các em say sưa đọc sách, sôi nổi trao đổi bài học hay cùng nhau hoàn thiện dự án học tập. Đặc biệt hơn, trong những ngày hè ôn thi tốt nghiệp THPT, quá nửa đêm ta vẫn thấy bóng dáng miệt mài của các em trên bức tường phòng ở, bên chiếc bàn nhỏ xinh xếp ngay ngắn trên giường tầng. Mỗi phòng học, thư viện, phòng đoàn, phòng hội đồng, đâu đâu cũng những bóng dáng nhỏ nhắn đáng yêu như chìm vào thế giới tri thức, thậm chí không biết thầy cô đang lặng lẽ đứng bên ngoài...

Với điểm đầu vào thấp, gia đình hầu hết không có điều kiện đầu tư cho con em ăn học, chỉ dựa vào chế độ chính sách và chương trình dạy học của nhà trường, nhưng với những nỗ lực tuyệt vời từ con đường tự học, các em học sinh Trường Nội trú 2 đã khẳng định được nội lực lớn lao của mình, dệt nên những khát vọng ước mơ tươi đẹp cho tương lai bản thân, đồng thời góp phần làm rạng danh ngôi trường Nội trú 2.

Giờ đây, mỗi lần về thăm trường, các em luôn dành cho lớp học thân quen những tâm tư xúc động. Bởi nơi đây đã chứng kiến quãng thời gian đẹp nhất, bền bỉ, quyết tâm, kiên trì nhất của các em.

Từ tự học đến tự lập, học sinh Trường Nội trú 2 sẽ vững vàng trên đường đời của mình. Đây không chỉ là một quan điểm giáo dục tiên tiến, phù hợp, bắt nhịp kịp thời với thời đại mà còn thiết thực, hiệu quả, nhất là trong môi trường nội trú nói chung.



Giờ tự học của học sinh Trường Nội trú 2



Lễ hội đền Vạn Lộc. Ảnh Hồ Phong

Bản sắc văn hóa Cửa Lò qua các di tích lịch sử

NGUYỄN HƯƠNG

Linh thiêng Vạn Lộc

BIỂN KHƠI BAO ĐỜI MÈNH MÔNG NHƯ LÒNG MẸ, NUÔI SỐNG CON NGƯỜI, HÌNH THÀNH NÊN CÁC LÀNG CHÀI BÊN BỜ BIỂN. TỪ TRONG QUÁ TRÌNH LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, NHỮNG NÉT VĂN HÓA ĐẶC SẮC CỦA CƯ DÂN VÙNG BIỂN DẦN ĐƯỢC HÌNH THÀNH, GÓP PHẦN LÀM ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ HƠN BẢN SẮC VĂN HÓA ĐẬM ĐÀ CỦA VÙNG ĐẤT CỦA LÒ ĐỊA LINH NHÂN KIỆT. PHONG TỤC TẬP QUÁN CỦA NGƯỜI DÂN CỦA LÒ GẮN VỚI TRUYỀN THỐNG LÀNG BIỂN, NGƯ NGHIỆP. QUA NHIỀU THẾ HỆ, NHỮNG PHONG TỤC TẬP QUÁN CỦA CON NGƯỜI CỦA LÒ ĐƯỢC TIẾP NỐI, LƯU TRUYỀN, PHÁT TRIỂN MANG NHIỀU MÀU SẮC MỖI NHỮNG VẤN GIỮ NGUYÊN NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA NÓ.

Cảm giác lắng đọng, xưa cũ nhưng rất riêng khi trở về vùng đất Cù lao Vạn Lộc, nơi từng biết đến là đại danh thắng địa linh nhân kiệt, nơi có ngôi đền linh thiêng, là điểm tựa tâm linh cho người dân Cửa Lò. Đền thờ Thái úy quận công Nguyễn Sư Hồi, người có công khai cơ lập ấp nên đền Vạn Lộc xưa. Đền hướng mặt ra phía Bắc, soi bóng xuống dòng sông Cẩm, 3 bề 4 bên là núi non sơn thủy hữu tình. Vạn Lộc là tên chữ của làng do Thái úy quận công Nguyễn Sư Hồi đặt với ý nghĩa lớn lao là mong muốn cho “Muôn lộc đổ về vùng đất này”. Đúng với cái tên ấy, ngày nay nhờ ngài phù hộ chở che mà con dân đã biết vươn mình làm giàu, biến vùng đất hoang sơ thành trù phú, giàu giá trị truyền thống văn hóa đặc thù của người xứ Nghệ.

Trong Chúc Ước Văn đã khẳng định “Địa linh sánh đâu bằng Vạn Lộc” hay “Nơi văn miếu trống chiêng lừng lẫy” để nói về một vùng đất linh thiêng, trù phú, sầm uất khó nơi nào sánh kịp. Được xây dựng vào thời Lê Trung Hưng, đền Vạn

Lộc là công trình kiến trúc cổ kính, quy mô, có giá trị kiến trúc với nghệ thuật đặc sắc thể hiện được bản sắc văn hóa vùng biển các thời Lê, Nguyễn. Những hiện vật có giá trị như câu đối, đại tự, sắc phong, bài vị, long ngai, lư hương,... được các nghệ nhân xưa chạm khắc tỉ mỉ, kỹ thuật tinh xảo đạt đến đỉnh cao tạo ra những giá trị vật thể vô cùng to lớn, là minh chứng cho sự trường tồn của những di tích này.

Một người con làng Vạn Lộc - Tiến sĩ Nguyễn Hữu Nhu đã ứng tác câu ca như thay lời nhắc nhở để nhớ về tên đất hồn người nơi đây: *"Đạo gót thờ trông xem, kìa Lô Thủy, nọ Ngư Sơn, vui thú đâu hơn quê quán cũ. Cầm xin tay nhắc nhẹ, kẻ lan tôn người quế tử, vun trồng xin nhớ cội cành xưa"*.

Chính vì lẽ đó, từ hàng ngàn năm nay trong những cuộc vươn khơi bám biển với ngư cụ thô sơ, các ngư dân nơi đây phải gồng mình chống chọi với bao bất trắc hiểm nguy giữa đại dương sâu thẳm, họ mang theo niềm tin về các vị thần linh có sức mạnh siêu nhiên phù trợ để họ vững lòng hơn trước sóng to gió lớn của biển khơi. Niềm tin ấy lâu dần đã hình thành nên những tín ngưỡng văn hóa mang đậm sắc màu sắc thần thoại. Nêu cao niềm tin ngưỡng của mình, Ông Trần Tô Hoài - Người dân phường Nghi Tân, TX Cửa Lò bày tỏ: *"Tôi là một ngư nghiệp đánh cá ở ngoài biển, thường thường mong một, ngày rằm đến xin đức Quận công Sư Hối cầu cho trời yên biển lặng, thu hoạch bội phần, cho ngư dân đời sống ấm no và hạnh phúc"*.

Vào mùa xuân, Vạn Lộc rực rỡ sắc màu lễ hội, đã trở nên thân thuộc mà người dân Cửa Lò ai cũng biết đến, đó chính là nét làng, là nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân nơi đây. Cứ 3 năm một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu, lễ hội đền Vạn Lộc được tổ chức thu hút hàng vạn người dân địa phương và du khách thập phương tham quan. Phần lễ được tổ chức trang trọng và chu đáo, lễ rước được tổ chức quy mô, bài bản, giàu bản sắc với hàng chục kiệu rước thần của các di tích và các dòng họ trên địa bàn. Phần hội rộn rã, vui tươi với những màn biểu diễn văn nghệ đặc sắc, các trò chơi dân gian độc đáo và hấp dẫn.

Di tích đền Vạn Lộc chính là những dấu vết của quá khứ còn lưu lại. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích không những gìn giữ

được những sản phẩm vật thể mà còn góp phần làm thăng hoa di sản văn hóa phi vật thể, từ đó cốt cách dân tộc được giữ gìn, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc được nuôi dưỡng, lưu truyền. Đó là những nhân tố quan trọng không thể thiếu của sự phát triển bền vững.

Đền Làng Hiếu - Huyền thoại Cá Ông

Cũng như làng Vạn Lộc, vị mặn mòi của biển như thấm đượm vào làng Lan Thanh từ cái tên làng tên xã. Trải qua bao thăng trầm biến đổi của thời gian, người dân vẫn ra khơi, mang con cá con tôm về với đất liền. Nghi Hải nổi tiếng với nghề chế biến hải sản, nguồn hải sản từ biển làm nên sự trù phú, đông đúc cho làng nghề. Ngày hôm nay, những con thuyền vẫn tiếp tục được các thế hệ cháu con dong gió ra khơi vừa phục vụ cho cuộc mưu sinh, vừa để bảo tồn bản sắc văn hóa xóm làng, đồng thời góp phần giữ gìn chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Khi Ngư dân lên thuyền trên biển cả mệnh mông, lúc gặp gió to sóng lớn mà tai qua nạn khỏi họ càng tin vào đấng thần linh che chở phù hộ cho mình. Thần tượng "cá ông" như một đấng thiêng liêng cứu nạn giữa trùng khơi của cư dân chài lưới. Các Ngài có một vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của người dân nơi đây. Anh Nguyễn Hữu Hợp - Người dân khối Lam Thanh, phường Nghi Hải, TX Cửa Lò nói về nỗi niềm của người đi biển và sự tôn sùng của bản thân: *"Chúng tôi là một người dân lúc đi biển giông gió hoạn nạn, cá ông rất thiêng, giúp đỡ dân cũng như tàu thuyền lúc khó khăn vào lạch ra lạch, giúp đỡ dân về đến nơi đến chốn. Đó là tâm linh mà người dân chúng tôi rất tín ngưỡng cá ông, thần cô thần cậu"*.

Hiện nay, 6 đạo sắc của các đời vua từ triều đại Hậu Lê đến các triều Nguyễn và một số di vật phụng thờ của chùa Hối Trai, điện Tam Tòa, Đình hai xã, Miếu cá Ông được ban quản lý di tích đền Làng Hiếu trông coi và gìn giữ.

Năm 2015, đền Làng Hiếu được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Vào tháng 3 âm lịch của những năm chẵn, lễ hội cầu ngư được tổ chức trang trọng, là dịp để Nhân dân bày tỏ lòng thành kính trước các vị thần linh đã che chở cho mình bình an và may mắn. Vào dịp này, những phong tục của người miền biển được thể hiện rõ nét và sinh động nhất. Ông Nguyễn Văn Cường - Ban Văn hóa phường Nghi Hải kể



Đền Bàu Lối, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò
Ảnh Hồ Phong



Đền làng Hiếu, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò
Ảnh Hồ Phong

rằng: “Khi người dân đi biển nếu phát hiện cá Ông chết thì chủ thuyền sẽ cập đến và đưa cá ông về bờ. Sau đó, chủ thuyền sẽ phối hợp với Ban Quản lý đền để chôn cất cá Ông như một người thân trong gia đình. Trong khuôn viên đền Làng Hiếu, hiện có một nghia trang cá Ông với hơn 100 ngôi mộ. Vào ngày rằm và mùng một hàng tháng, người dân đến đây thắp hương để xin cá Ông phù hộ cho những người đi thuyền, đi biển an toàn, đánh bắt cá được nhiều”.

Bàu Lối xưa - Nơi ghi dấu chân của một thời oanh liệt

Bên cạnh các tín ngưỡng của cư dân vùng ngư nghiệp, đã từ rất lâu, trong ký ức của mỗi người dân vùng nông nghiệp phường Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò thì đền Bàu Lối là điểm đến tâm linh của mình. Tọa lạc trong khuôn viên có diện tích gần 3.884m², ngôi đền này được người dân xây dựng từ thời hậu Lê. Hai cây thông già, hai cây phượng và hồ bán nguyệt trước đền đã có nhiều sự tích linh thiêng được người dân bao đời truyền tai nhau kể lại cho lớp lớp cháu con. Dù được trùng tu nhiều lần nhưng đền vẫn giữ nguyên kiến trúc xưa. Đền Bàu Lối cũng là nơi chứng kiến, ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử cách mạng, nơi đây đã từng tập hợp những người cộng sản, những người cùng chí hướng để sinh hoạt, phát triển phong trào yêu nước.

Hiện nay, nhiều hộ dân ở phường Nghi Thu đã thay đổi ngành nghề chuyển sang làm dịch vụ du lịch nhưng đa số người dân vẫn thuần nông, bám vào ruộng đồng để sinh sống. Ngày sóc, vọng, người dân vẫn hướng về đền, cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.

Hiện nay, Cửa Lò có 35 di tích trong đó có 4 di tích cấp quốc gia và 9 di tích cấp tỉnh. Tất

cả các di tích nói trên đều được các cấp chính quyền và người dân hết sức quan tâm. Nền văn hóa của địa phương nằm trong trái tim và tâm hồn của Nhân dân. Bước chân vào cõi tích linh thiêng chính là đến để tiếng kêu của cõi lòng trước những thách thức, khó khăn được hóa giải, may mắn, hạnh phúc sẽ ủa về. Chính vì lẽ đó, ngày nay, khi cuộc sống đủ đầy hơn trước thì người dân lại càng có ý thức hơn trong việc góp công góp của để tôn tạo các di tích trên địa bàn để ngày một xứng tầm hơn. Tìm hiểu về công tác bảo tồn các di tích tại địa phương, ông Hoàng Thanh Sơn - Trưởng phòng Văn hóa Thông tin TX Cửa Lò cho hay: “Trong thời gian tới, Cửa Lò tiếp tục triển khai các đề án, kế hoạch trùng tu, tôn tạo phát huy các di tích trên địa bàn thị xã. Tiếp tục tổ chức các hoạt động tại các điểm di tích để hướng người dân về sinh hoạt tâm linh và hiểu rõ hơn về các điểm di tích. Cửa Lò cũng đang tập trung để xây dựng kế hoạch tuyên truyền các điểm đến, đặc biệt quan tâm các điểm đến là di tích trên địa bàn thị xã, hướng du khách ngoài việc tắm biển còn về với các điểm di tích này để hiểu rõ hơn về cội nguồn văn hóa tâm linh trên địa bàn thị xã Cửa Lò”.

Ngày ngày biển vẫn cứ vỗ vào bờ, đẩy những tâm tình vào đá. Người ta đến Cửa Lò tò mò về những con sóng biển khơi, tò mò về những vách đá bám lấy thêm biển. Cửa Lò đẹp mộng mơ thu hút người về với biển, về để hòa mình trong dòng nước mát trong, về để đến những di tích, danh lam thắng cảnh với biết bao câu chuyện kể để hiểu thêm về bản sắc văn hóa truyền thống của vùng đất cù lao Vạn Lộc. Một Cửa Lò đang vươn mình đứng dậy từ bề dày văn hóa.



Đền Cửa Lũy. Ảnh: Nhật Thanh

Anh Sơn, một vùng danh thắng và tiềm năng phát triển

HỮU VINH

Anh Sơn là một huyện miền núi phía Tây của Nghệ An. Đây là miền đất cổ lưu giữ nhiều trầm tích văn hóa xứ Nghệ với nhiều danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa quan trọng. Anh Sơn là địa bàn có sự giao thoa văn hóa của các dân tộc anh em, như Thái, Mường, Việt. Đặc biệt Anh Sơn là miền đất hứa với nhiều cơ hội phát triển về du lịch, dịch vụ, kinh tế công - nông nghiệp...

Anh Sơn vốn là một đơn vị hành chính lớn của Nghệ An.

Dưới thời nhà Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 3 (1882) phủ Anh Sơn được thành lập (gồm các huyện Hưng Nguyên, Nam đàn, Anh Sơn và Đô Lương ngày nay). Đến năm 1946, dưới thời chính quyền cách mạng, phủ Anh Sơn được chia lại bao gồm 2 huyện là Anh Sơn và Đô Lương ngày nay. Huyện Anh Sơn ngày nay được thành lập từ tháng 4 năm 1963, tách ra từ huyện lớn Anh Sơn theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 1963 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Nói chuyện với chúng tôi, ông Nguyễn Hữu Sáng - Bí thư Huyện ủy, chia sẻ: “Lãnh đạo huyện rất chú ý đến xây dựng và phát triển quê hương từ lĩnh vực văn hóa. Anh Sơn có nhiều di tích lịch sử, văn hóa tâm linh cũng như thắng cảnh thiên nhiên rất đẹp. Kinh tế du lịch của địa phương phát triển hay không phụ thuộc vào việc quảng bá và phát



Một khúc sông Giăng. Ảnh: Nhật Thanh

huy những giá trị bản sắc văn hóa. Lãnh đạo huyện luôn xác định văn hóa là nền tảng, là động lực phát triển bền vững của kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, Anh Sơn đã có nhiều đề án xây dựng và phát triển văn hóa, đáng chú ý là các đề án xây dựng và trùng tu các di tích”.

Một miền trầm tích lịch sử - văn hóa

Chúng tôi đến thăm và dâng hương, dâng hoa tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc tế Việt Lào. Gặp lại người bạn thời đại học, anh Nguyễn Văn Ngọc - Trưởng Ban Quản lý nghĩa trang, trong câu chuyện, Ngọc cho biết: trong dịp tháng Bảy này, Ban Quản lý Nghĩa trang rất bận rộn vì bà con khắp nơi trong tỉnh và trên cả nước về viếng thăm liệt sĩ. Cán bộ nhân viên Ban Quản lý phải rất nỗ lực làm việc mới phục vụ kịp thời các đoàn cán bộ và Nhân dân.

Nghĩa trang liệt sĩ Quốc tế Việt Lào có diện tích gần 7 ha, là nghĩa trang lớn nhất quy tập mộ liệt sĩ của quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam từng tham gia chiến đấu và hy sinh tại Lào. Nghĩa trang được xây dựng từ năm 1976, đến năm 1982, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định đưa toàn bộ hài cốt liệt sĩ hy sinh ở nước bạn Lào về quy tập tại đây. Nghĩa trang đã tiếp nhận và chăm sóc gần 11.000 hài cốt liệt sĩ hi sinh trên chiến trường nước bạn Lào về đây an nghỉ. Nghĩa trang liệt sĩ quốc tế Việt - Lào hiện có khoảng 6.900 phần mộ chưa rõ tên tuổi, quê quán và 570 mộ có tên, nhưng chưa rõ quê.

Tại Nghĩa trang liệt sĩ Quốc tế Việt - Lào, ngoài các liệt sĩ có quê hương từ Nghệ An, còn có rất nhiều các liệt sĩ quê ở Thanh Hóa, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Bắc Giang...

Từ năm 2008, Nghĩa trang liệt sĩ Việt - Lào được tôn tạo và nơi đây đã trở thành chốn đi về của thân nhân liệt sĩ và nhân dân địa phương. Hàng năm, Ban Quản lý Nghĩa trang đón tiếp hàng vạn khách hành hương viếng thăm các Anh hùng liệt sĩ đã anh dũng hy sinh cho cả hai dân tộc.

Tại đây, ông Đặng Xuân Quang - Phó Bí thư Huyện ủy, đã thỉnh lên hồi chuông cầu nguyện. Tiếng chuông vang vọng, trầm ngân như lời thỉnh cầu anh linh các anh hùng liệt sĩ phù hộ cho quốc thái dân an, đất nước phồn vinh, quê hương đổi mới.

Rời Nghĩa trang liệt sĩ quốc tế Việt Lào, chúng tôi đến thăm đền Cửa Lũy. Đây là một địa điểm tâm linh có từ lâu đời, nơi gắn với huyền sử về cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của Nhân dân ta, là niềm tự hào của người Anh Sơn.

Đền Cửa Lũy tọa tại xã Hoa Sơn, được khởi dựng từ thế kỷ XV, thời kỳ Khởi nghĩa Lam Sơn. Chuyện kể, sau khi tiến vào Nghệ An và nhanh chóng hạ thành Trà Lân (vùng Con Cuông ngày nay), Lê Lợi cử tướng quân họ Vương chỉ huy một đạo quân theo sông Cả xuống chốt giữ vùng núi Kim Nhan (huyện Anh Sơn ngày nay). Đây là địa bàn núi rừng hiểm yếu, rất ít cửa ra vào, trong đó Cửa Lũy là vị trí trọng yếu nhất.

Do phải hành quân xa, không hợp thủy thổ, lại thường xuyên

phải chiến đấu với địch nên nhiều binh lính ốm đau, doanh trại xảy ra dịch bệnh. Lúc bấy giờ, trong quân doanh có một nữ y tinh nguyện theo nghĩa quân để chữa trị cho binh lính, nhờ vậy, sức quân được phục hồi, thể quân ngày càng mạnh. Trong một lần xảy ra dịch bệnh, nữ y hăng ngày phải băng rừng vượt suối, đội mưa, đội gió tìm thuốc. Một ngày nọ, nàng vào rừng tìm thuốc trở về, vì quá kiệt sức, nàng ngồi dựa vào gốc cây bên đường rồi lịm đi, trong tay vẫn nắm chặt những cây thuốc mới tìm được.

Vương tướng quân không thấy nàng về đã cho quân lính đi tìm nữ y đưa về doanh trại, thế nhưng nàng đã không qua khỏi. Thương tiếc người nữ y tận tình vì dân vì nước, Vương tướng quân cho chôn cất nàng tại một cánh đồng gần vọng canh Cửa Lũy và thường xuyên viếng nàng.

Một lần trên đường hành quân, một con thỏ trắng từ gốc cây cổ thụ, nơi nữ y ngồi nghỉ lần cuối, chạy ra chặn lối Vương tướng quân. Con thỏ lượn ba vòng quanh đoàn quân rồi biến mất. Thấy có điềm lạ, Vương tướng quân quay về doanh trại thì bắt được mấy tên thám báo của giặc Minh xâm phạm vùng Cửa Lũy nhằm hành thích tướng quân.

Vương Tướng quân cho rằng thỏ trắng chính là Nữ y hiện hình cứu mạng mình. Ông cho lập đền thờ dưới gốc cây cổ thụ, lấy tên đền là đền Cửa Lũy và tôn Nữ y là Bạch y thánh mẫu Lũy Sơn. Sau khi Vương tướng quân qua đời, quân sỹ và Nhân dân đã lập đền thờ ông tại một gò đất cách đền Cửa Lũy không xa gọi là đền Đức Vương (hay đền Đức Ông). Do chung quanh đền Đức Vương là đầm lầy bao bọc, không tiện cho việc đi lại hương khói nên Nhân dân đã rước bài vị ngài về thờ chung tại đền Cửa Lũy. Người xưa kể lại, về sau, Nữ y được vua Minh Mạng phong là Thánh Mẫu Lũy Sơn, đến đời vua Khải Định phong là Dực Bảo Trung hưng



Đồi chè Anh Sơn. Ảnh: Nhật Thanh

Thượng đẳng thần. Đền Cửa Lũy nổi tiếng linh thiêng, Nhân dân ốm đau đến xin Thánh mẫu thì được bà bảo trợ.

Những tiềm năng phát triển

Chúng tôi lên thăm bản Cao Vều, một bản vùng cao của bà con dân tộc Thái, bản cách trung tâm huyện chừng 20 km. Đường lên Cao Vều đã được trải nhựa bằng phẳng và khá rộng rãi, thuận lợi cho du khách lên thăm. Đời sống kinh tế của bà con nơi đây đang từng ngày khởi sắc nhờ những chính sách của Đảng, Nhà nước.

Đón chúng tôi là Trưởng bản Nguyễn Văn Châu và một số người dân bên ấm nước chè xanh, trong một ngôi nhà sàn khá rộng và đẹp. Nói về những tiềm năng du lịch, tiềm năng phát triển kinh tế, Trưởng bản Nguyễn Văn Châu vui vẻ cho biết: “Hiện nay, đã có một số hộ tư nhân đầu tư khai thác du lịch sinh thái khá sôi nổi. Du khách các nơi về Cao Vều khá đông, nhất là vào những ngày nghỉ cuối tuần. Bản có một đội dân ca, dân vũ thường xuyên phục vụ du khách tại Bản. Chính quyền xã đã có kế hoạch quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở các điểm như rừng quốc gia, suối tự nhiên, tắm nước sông Giăng, ẩm thực... và tìm hiểu bản sắc văn hóa địa phương”.

Trước sự vui vẻ phấn khởi của mọi người, ông Châu vui vẻ nói tiếp: “về với bản Cao Vều mùa hè, các bác không thể không đến Vực Bụt, nơi có dòng sông Giăng chảy qua là bãi tắm thiên nhiên mát mẻ và tuyệt đẹp”. Lời giới thiệu của



Đoàn VNS tỉnh nhà thăm quan Công ty Hoa Sơn. Ảnh: Hồ Các

Trưởng bản giữa cái nắng hè làm mọi người háo hức và phấn chấn hẳn lên.

Xe đưa chúng tôi vào Vực Bụt, đây là một điểm du lịch sinh thái mới nổi, được bà con nhiều nơi trong và ngoài tỉnh tìm đến trong những ngày hè nóng nực để được tắm nước sông giăng, được ăn những đặc sản dân dã của bà con bản địa.

Vực Bụt hiện ra trước mắt chúng tôi với dòng nước trong veo soi thấu đáy sông, phản chiếu màu xanh của cây cối hai bên bờ ngăn ngắt. Nơi sâu nhất chỉ quá bụng người lớn một chút. Dưới đáy sông là lớp đá cuội trải dài, thi thoảng, giữa lòng sông cạ nổi lên những tảng đá lớn như những chiếc bàn mà thiên nhiên tạo tác. Sau khi tắm mình dưới dòng nước mát, chúng tôi được thưởng thức những món ngon mang hương vị địa phương như rau xuyến chi với mùi thơm nồng nàn, măng chua, cá mát, gà đồi...

Ngày hôm sau, chúng tôi đến thăm đồi chè Anh Sơn với màu xanh sống động. Phải nhìn từ trên cao mới thấy hết được cái mệnh mông, bát ngát của vùng nguyên liệu này. Đồi chè Anh Sơn vừa là một mô hình sản xuất kinh doanh vừa là một địa điểm tham quan du lịch đẹp, được nhiều người yêu thích.

Đồi chè nằm trên đất xã Hùng Sơn, hiện nay có hơn 600 hộ tham gia sản xuất với diện tích 533ha. Một điều thật ý nghĩa, chính nhờ nguồn thu ổn định từ cây chè mà từ một xã nghèo, Hùng Sơn đã trở thành xã điển hình xây dựng nông thôn mới của huyện. Hùng Sơn là xã đầu tiên của Anh Sơn hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới năm 2018. Đến năm 2021, đây cũng là xã đầu tiên của huyện đăng ký xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Hiện tại, huyện Anh Sơn xác định phát huy lợi thế của 03 loại cây chủ lực là chè, mía và sắn. Đồng thời, huyện chủ trương kết hợp các khâu từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ để nâng cao giá trị sản phẩm.

Chúng tôi đến thăm công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn. Đây là công ty chuyên sản xuất, chế biến tinh bột sắn, bã sắn sấy khô và đường lỏng Glucose syrup. Nhà máy được đầu tư xây dựng trên tổng diện tích 30.000m² tại xã Hoa Sơn để tận dụng nguồn nguyên liệu dồi dào và chất lượng vào loại hàng đầu Việt Nam. Dây chuyền sản xuất sản phẩm của Công ty được nhập khẩu từ Thụy Điển, Ấn Độ, Thái Lan cho ra công suất hơn 150 tấn tinh bột, 60 tấn bã sắn sấy khô và 100 tấn Glucose/ ngày. Công ty tạo công ăn việc làm cho trên 200 lao động với thu nhập từ 08 đến 09 triệu đồng/tháng, góp phần vào sự nghiệp an sinh xã hội của địa phương.

Có thể nói, Anh Sơn có sự giao thoa giữa văn hóa người Kinh với các tộc người thiểu số. Tổ chất người Kinh với tổ chất các tộc người thiểu số bổ sung cho nhau tạo nên nét đặc sắc văn hóa và sự năng động của con người. Ít huyện miền núi nào có được những di tích lịch sử, văn hóa lâu đời và gắn với những sự kiện lịch sử dân tộc như ở Anh Sơn. Anh Sơn đang từng ngày đổi mới, nhiều nhà máy, nhiều mô hình sản xuất kinh doanh có quy mô lớn đang hình thành và phát triển. Để có được những thành tựu ấy, phải chăng, văn hóa là nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng đất này như lời của ông Nguyễn Hữu Sáng, Bí thư Huyện ủy, chia sẻ.

VĂN HÓA:

* **Festival Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh** đã diễn ra tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh từ ngày 28/7-05/8. Trong khuôn khổ Festival, nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật có quy mô lớn được tổ chức như: Chương trình nghệ thuật khai mạc Festival có chủ đề **“Ví, Giặm - Tinh hoa tỏa sáng”** với sự tham gia của nhiều nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng trong nước và quốc tế; Hội diễn Dân ca Ví, Giặm của 3 miền với sự tham gia của gần 1.000 nghệ nhân, diễn viên đến từ 29 đoàn nghệ thuật quần chúng của các tỉnh/thành phố trên toàn quốc; Liên hoan Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh liên tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh **“Đôi bờ Ví, Giặm”** với sự tham gia của 700 nghệ nhân đến từ 19 Câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm của 2 tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh; Biểu diễn Ví, Giặm phục vụ Nhân dân và du khách tại các điểm du lịch ở Nam Đàn, Cửa Lò và Nghi Xuân (Hà Tĩnh); Lễ hội đường phố **“Sắc màu di sản”** với các màn trình diễn di sản văn hóa các vùng, miền trong cả nước và các nhóm nhảy tại phố đi bộ TP.Vinh,...

* **Nghe An giành giải cao tại các hội diễn, liên hoan toàn quốc.** Tại Hội diễn Dân ca Ví, Giặm của 3 miền do Cục Văn hóa cơ sở tổ chức tại Nghệ An từ ngày 01-05/8, Đoàn NTQC tỉnh Nghệ An đã đạt Huy chương Vàng toàn đoàn với chương trình **“Dòng sông Ví, Giặm”**. Thư viện Nghệ An đạt giải xuất sắc tại Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo Việt Nam **“Việt Nam - Đất nước bên bờ sóng”**. Liên hoan do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức ở Trung tâm Văn hóa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày 08-11/8 với sự tham gia của hơn 700 thành viên đến từ 30 đơn vị thư viện trên toàn quốc.

* **Chương trình nghệ thuật “Giai điệu kết nối”** chào mừng 78 năm ngày Quốc khánh Nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945-02/9/2023) và 63 năm ngày Âm nhạc Việt Nam (03/9/1960-03/9/2023) do Sở Văn hóa và Thể thao, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Nghệ An, Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tại Nghệ An cùng phối hợp tổ chức tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh vào tối ngày 31/8. Chương trình giới thiệu 12 tác phẩm âm nhạc của các tác giả là hội viên Chi hội Nhạc sĩ Việt Nam tại Nghệ An và hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam sáng tác do Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An và Đoàn Văn công Quân khu IV dàn dựng và biểu diễn.

* **Chương trình giao lưu nghệ thuật giữa thành phố Gwangju (Hàn Quốc) và tỉnh Nghệ An** đã diễn ra vào tối 12/8, tại phố đi bộ TP. Vinh. Tại chương trình giao lưu, 17 nhạc công đến từ Viện Biểu diễn Nghệ thuật châu Á, thành phố Gwangju đã biểu diễn

hòa tấu 8 tác phẩm âm nhạc nổi tiếng và giao lưu âm nhạc cùng các nghệ sĩ của Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An.

* **Chương trình nghệ thuật kỷ niệm 50 năm ngày mất nhạc sĩ Hoàng Nguyên** (21/8/1973-21/8/2023) đã diễn ra tại quê ông - xã Minh Châu, huyện Diễn Châu vào đêm 20/8. Chương trình gồm 14 tiết mục ca múa nhạc do các nghệ sĩ, diễn viên Đoàn Ca, Múa, Nhạc dân tộc thuộc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống biểu diễn, trong đó có 8 ca khúc của nhạc sĩ Hoàng Nguyên đã đem lại cho công chúng những cung bậc cảm xúc khó quên bởi những ca từ, giai điệu ngọt ngào, sâu lắng.

* **Tháng 8, nhiều lớp truyền dạy dân ca được mở ở các huyện trong tỉnh.** Các lớp năng khiếu về dân ca Ví, Giặm do Trung tâm Nghệ thuật truyền thống mở tại huyện Yên Thành, Diễn Châu, Đô Lương cho các em học sinh từ cấp Tiểu học đến Trung học phổ thông trên địa bàn. Mỗi lớp được tổ chức trong thời gian 12 ngày, bắt đầu từ ngày 15/8. Tại các lớp này, các em được các NSND, NSUT giới thiệu về đặc điểm, tính chất các làn điệu Ví, Giặm; hướng dẫn thực hành các làn điệu Ví, Giặm; thực hành biểu diễn Kịch hát Dân ca.

Lớp truyền dạy các làn điệu dân ca, nhạc cụ và chữ viết của người Thái do Huyện đoàn Quỳnh Châu mở tại xã Châu Tiến từ ngày 16/8 cho khoảng 100 học viên (chủ yếu là các đoàn viên thanh niên ở xã Châu Tiến và khu vực lân cận). Tại lớp này, học viên được các nghệ nhân của CLB Văn hóa Thái bản Hoa Tiến, xã Châu Tiến truyền dạy các làn điệu dân ca Thái như đón khách, các làn điệu giao duyên, thổi khèn bè và sáo của người Thái; truyền dạy viết chữ Lai Tay của người Thái ở Quỳnh Châu.

* **Triển lãm chuyên đề “Cách mạng Tháng Tám - Mốc son lịch sử”** do Bảo tàng Hồ Chí Minh phối hợp với Khu Di tích Kim Liên tổ chức tại Khu Di tích Kim Liên từ ngày 12/8-05/9. Chuyên đề gồm 200 hình ảnh, tư liệu quý, góp phần tuyên truyền, giáo dục cho các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức đầy đủ và sâu sắc về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, cổ vũ và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

* Sáng 31/8, tại Quảng trường Hồ Chí Minh (TP. Vinh), Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An phối hợp với Khu Di tích Phủ Chủ tịch; Hội LH Văn học Nghệ thuật tỉnh tổ chức **Lễ khánh thành phòng thờ Bác Hồ; Khai mạc trưng bày chuyên đề “Hồ Chí Minh - Người là niềm tin tất thắng”** và trao giải thưởng

cuộc thi ảnh “Khoảnh khắc Quảng trường Hồ Chí Minh”. Với gần 200 hình ảnh, tư liệu, chuyên đề giúp người xem hiểu rõ hơn về công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Chuyên đề được trưng bày phục vụ Nhân dân đến hết ngày 20/9/2023.

* **Lễ hội “Phúc lộc ngoặt”** hay còn gọi là lễ hội đền Yên Lương (TX Cửa Lò) đã diễn ra từ ngày 31/7-02/8 (14-16/6 âm lịch) với nhiều nghi lễ như: Lễ cáo trung thiên; lễ tế; lễ rước bộ, rước thủy; lễ võng nghinh, cầu ngư và nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn: cờ thẻ, chơi gà, đẩy gậy, thi đan lưới, thi làm bánh oản, đua thuyền mừng,...

* **Khóa Bồi dưỡng kiến thức về công tác bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo** do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Nghệ An phối hợp với Trung tâm UNESCO Nghiên cứu bảo tồn văn hóa Tôn giáo và Tín ngưỡng Việt Nam tổ chức tại chùa Diệc (TP. Vinh) từ ngày 28-30/7. Hơn 200 Tăng, Ni, Phật tử Nghệ An tham gia khóa bồi dưỡng này được tiếp thu các nội dung về giáo dục hiểu biết quốc tế, hợp tác và hòa bình theo tinh thần UNESCO; di sản văn hóa, công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa Phật giáo,...

THỂ THAO:

* **Giải Nông thôn Việt Marathon - Nghệ An 2023 “Về miền Vĩ, Giặm”** do UBND tỉnh Nghệ An phối hợp với Tạp chí Nông thôn Việt tổ chức trong 2 ngày 19 - 20/8 thu hút 4.000 VĐV đến từ nhiều tỉnh, thành trên cả nước và các VĐV người nước ngoài đến từ các quốc gia: Nhật Bản, Hà Lan, New Zealand, Áo, Trung Quốc, Ấn Độ, Afghanistan. Xuất phát từ Quảng trường Hồ Chí Minh, các VĐV tham gia cuộc đua với 4 cự li: 5km, 10km, 21km, 42km trên những cung đường quen thuộc của thành phố Vinh, đường ven sông Lam đi Cửa Lò,...

* **Hội thao ngành Văn hóa - Thể thao năm 2023** do Sở VH&TT phối hợp UBND huyện Thanh Chương tổ chức tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Chương từ ngày 12-14/8. Tham gia Hội thao có trên 300 cán bộ, HLV, VĐV là cán bộ công chức, viên chức và người lao động đang công tác trong ngành Văn hóa - Thể thao và Truyền thông thuộc 19 huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh. Các VĐV tham gia tranh tài ở 02 môn gồm: Kéo co và đi bộ với nhiều nội dung thi đấu.

* **Giải Bóng bàn lứa tuổi trẻ các Câu lạc bộ tỉnh Nghệ An năm 2023** diễn ra từ ngày 05-07/8 tại Nhà Thi đấu tỉnh Nghệ An thu hút sự tham gia của hơn 150 VĐV đến từ các trường học và 25 CLB trên địa bàn tỉnh. Các VĐV tranh tài ở các nội dung: Thi đấu đơn nam, nữ các độ tuổi: 11 tuổi trở xuống, 12 - 13 tuổi,

14 - 15 tuổi, 16 - 18 tuổi. Thi đấu đôi nam, đôi nữ các độ tuổi: 11 tuổi trở xuống; 12 - 13 tuổi; 14 - 15 tuổi.

* **Nghệ An đạt thành tích cao tại các giải thể thao toàn quốc.** Đội tuyển Bơi - Lặn Nghệ An xếp thứ Nhì toàn đoàn với 23 huy chương (10 HCV, 05 HCB và 08 HCD) tại giải Vô địch Bơi - Lặn các CLB quốc gia năm 2023 tổ chức ở Quảng Ninh từ ngày 27-31/8. Đội tuyển KickBoxing giành vị trí thứ Nhì toàn đoàn nam với 3 HCV, 1 HCB, 3 HCD tại Giải Vô địch Cup KickBoxing toàn quốc năm 2023 tổ chức ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày 06-12/8. Đội tuyển Gia đình thể thao dành giải Ba toàn đoàn với 5 HCV, 2 HCB và 4 HCD tại Giải Cầu lông, bóng bàn gia đình toàn quốc năm 2023 tổ chức ở tỉnh Lâm Đồng từ ngày 03-11/8. Đội tuyển Muay đứng thứ 3 toàn đoàn với 1 HCV, 4 HCB, 2 HCD tại Giải vô địch Muay trẻ quốc gia năm 2023 tổ chức ở TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh từ ngày 20-30/7. Đội tuyển kéo co dành 2 HCV, 2 HCB và 10 HCD tại Giải vô địch trẻ Kéo co toàn quốc năm 2023 tổ chức từ ngày 23-29/7/2023 ở TP. Hải Phòng. Tại Giải Vô địch Boxing trẻ toàn quốc năm 2023 tổ chức ở TP. Hồ Chí Minh từ ngày 11-24/7, cả 5 VĐV Nghệ An đều dành huy chương (2 HCV, 1 HCB và 2 HCD). Đội tuyển Cờ vua Nghệ An dành được 02 HCV, 03 HCB và 07 HCD tại Giải vô địch Cờ vua trẻ quốc gia tranh cúp Santen năm 2023 tổ chức ở TP. Cần Thơ từ ngày 14-24/7. Tại vòng chung kết U13 Quốc gia 2023 được tổ chức ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Đội tuyển U13 Sông Lam Nghệ An bảo vệ thành công chức vô địch U13 quốc gia với thành tích bất bại, ghi được 24 bàn thắng và không để lọt lưới bàn thua nào. Đội tuyển Pencak silat dành 6 huy chương (02 HCV, 02 HCB và 02 HCD) tại giải Pencak silat trẻ quốc gia năm 2023 tổ chức ở tỉnh Tuyên Quang từ ngày 7-15/7. Đội tuyển Lặn dành 2 HCV, 4 HCB và 3 HCD; phá 3 kỷ lục nhóm tuổi 15, 17, 18 tại Giải Bơi và Lặn vô địch trẻ quốc gia năm 2023 tổ chức ở Đà Nẵng từ ngày 8-14/7. Đội tuyển Taekwondo dành 3 HCV, 2 HCB, 3 HCD tại Giải Vô địch Taekwondo các lứa tuổi trẻ quốc gia năm 2023 tổ chức ở TP. Hà Nội từ ngày 9 -14/7/2023. Đội tuyển Jujitsu dành 5 HCV, 4 HCB và 6 HCD tại Giải trẻ Jujitsu quốc gia năm 2023 tổ chức ở Thanh Hóa từ ngày 04-11/7.

* **Vận động viên Nghệ An dành HCV tại giải Vô địch Đá cầu châu Á 2023, Vô địch trẻ Đá cầu châu Á 2023** tổ chức tại Hồng Kông, Trung Quốc từ ngày 22-26/8. Đội tuyển đá cầu Việt Nam đã dành 11 HCV và xếp thứ Nhất toàn giải. Trong đó, Nghệ An có 2 VĐV tham gia là Lê Anh Đức, Nguyễn Viết Hoàng. VĐV Lê Anh Đức dành 1 HCV đơn nam; các VĐV Nguyễn Viết Hoàng và Lê Anh Đức dành Huy chương Bạc nội dung đồng đội nam.

NGỌC MAI - HỒ PHONG (TH)